

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Kinh tế thị trường luôn gắn liền với cạnh tranh. Muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết cách chiến thắng các đối thủ cạnh tranh của mình. Để đạt được mục tiêu ấy, mỗi doanh nghiệp có các hướng đi khác nhau, những giải pháp khác nhau và sử dụng công cụ khác nhau. Thực tế cho thấy, để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường ngoài việc nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm, phương thức phục vụ khách hàng..., thì điều đặc biệt quan trọng phải tìm cách tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh về giá bán. Để đạt mục đích này, các nhà quản trị doanh nghiệp đặc coi trọng việc sử dụng công cụ kế toán, nhất là kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Do đó muốn tối đa hóa lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đảm bảo chất lượng. Doanh nghiệp phải biết tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Hơn nữa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đúng đủ và kịp thời cho sản xuất đồng thời kiểm tra, giám sát được việc chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, nhằm chặn việc sử dụng lãng phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Như vậy, có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là cần thiết từ đó đòi hỏi công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất hạ thấp chi phí trong giá thành.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại chi nhánh công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy tầm quan trọng của nguyên vật liệu, công cụ

dụng cụ và công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của xí nghiệp, với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường, sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú anh chị trong ban tài chính kế toán, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của cô Hòa Thị Thanh Hương em đã đi sâu tìm hiểu nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại chi nhánh công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ”***.

Về mặt kết cấu, ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của luận văn được chia thành 3 chương:

Phần 1: Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất.

Phần 2: Tình hình thực tế về công tác kế toán nguyên vật liệu tại chi nhánh công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa vẽ.

Phần 3: Phương pháp và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại chi nhánh công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Do trình độ và thời gian thực tập có hạn, công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ rất phức tạp nên bản luận văn mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu và chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em kính mong được sự đóng góp ý kiến của thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **PHẦN 1:**

# **LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP.**

### **1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.**

#### ***1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.***

Hiện nay các Doanh nghiệp đứng trước áp lực cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường, do vậy để có thể tìm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường đòi hỏi công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sao cho khoa học và chính xác. Kết hợp với đặc điểm của ngành kinh doanh dịch vụ xếp dỡ gây ra khó khăn cho việc theo dõi, kiểm tra sự biến động của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Thực tế này đặt ra yêu cầu cho công tác kế toán làm sao phản ánh chính xác sự biến động về cả số lượng và giá trị sao cho tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sẽ tạo ra sự cạnh tranh lớn đem lại lợi nhuận cao. Việc cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có kịp thời đầy đủ hay không sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch và quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất mà còn ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng cao, đúng quy cách chủng loại thì sản phẩm tạo ra mới phù hợp với nhu cầu thị trường tạo sức cạnh tranh cao.

Công cụ, dụng cụ là sản phẩm dự trữ sản xuất và thường xuyên biến động. Nó hỗ trợ trực tiếp cho nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm. Tóm lại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là yếu tố không thể thiếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh nó quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

#### ***1.1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.***

##### ***a) Khái niệm nguyên vật liệu:***

- Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất tham ra thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng sản phẩm được sản xuất ra.

- Nguyên vật liệu là đối tượng lao động nên có đặc điểm: tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh, thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng và chuyển toàn bộ giá trị vào giá trị của sản phẩm sản xuất ra. Thông thường trong cấu tạo giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn, nên việc sử dụng tiết kiệm vật liệu và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

*b) Khái niệm công cụ dụng cụ*

- Công cụ dụng cụ bao gồm các loại tư liệu lao động được sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhưng không đủ tiêu chuẩn trở thành TSCĐ.

- Về đặc điểm vận động thì công cụ dụng cụ cũng có thời gian sử dụng khá dài nên để đơn giản cho công tác quản lý, theo dõi hoặc là tính hết giá trị của chúng vào chi phí của từng đối tượng sử dụng 1 lần hoặc phân bổ trong một số kỳ nhất định. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành những tư liệu lao động sau đây không phân biệt thời gian và giá trị sử dụng vẫn được hạch toán là công cụ dụng cụ.

- Các loại giáo ván, ván khuôn, giá lắp chuyên dùng cho hoạt công tác xây lắp.

- Các loại bao bì, bán kèm hàng hóa có tính giá riêng và có trừ dần giá trị trong quá trình dự trữ bảo quản.

***1.1.1.2 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp.***

❖ ***Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ***

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là tài sản dự trữ kinh doanh thường xuyên biến động. Để hoạt động kinh doanh diễn ra bình thường, doanh nghiệp phải thường xuyên thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và xuất dùng cho sản xuất kinh doanh.

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được nhập từ nhiều nguồn và giá cả thường xuyên biến động trên thị trường. Do đó để làm tốt công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được theo dõi chặt chẽ ở các khâu: Thu mua, bảo

quản, sử dụng và dự trữ. Trong quá trình này nếu quản lý không tốt sẽ ảnh hưởng chất lượng giá trị sản phẩm. Cụ thể yêu cầu công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là:

- Trong khâu thu mua: Phải quản lý về khối lượng, quy cách đúng chủng loại và chất lượng. Giá mua, chi phí thu mua của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được phản ánh đầy đủ và chính xác. Kế hoạch mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải đúng tiến độ thời gian phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong khâu bảo quản: Để tránh mất mát hư hỏng, hao hụt đảm bảo an toàn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải tổ chức kho tàng bền bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Nếu không thực hiện tốt công tác này sẽ ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Trong khâu sử dụng: Phải thực hiện tốt định mức tiêu hao, sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức và dự toán chi phí phát huy hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Đồng thời phải thường xuyên thực hiện phân tích định mức tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đó cũng là cơ sở làm tăng thêm sản phẩm cho xã hội. Do vậy trong khâu sử dụng cần phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong sản xuất.

- Trong khâu dự trữ: Để đảm bảo cho quá trình kinh doanh được bình thường không được ngưng trệ gián đoạn do cung ứng không kịp thời hoặc gây tình trạng đọng vốn do dự trữ quá nhiều đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định định mức tối thiểu.

❖ **Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:**

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là yếu tố đầu tiên của quá trình sản xuất, nếu biết cách quản lý có kế hoạch sử dụng tốt có hiệu quả sẽ tạo ra các yếu tố đầu ra và cơ hội để tiêu thụ cạnh tranh tốt. Hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin cho quản lý giúp các doanh nghiệp ngăn ngừa các hiện tượng sử dụng lãng phí tham ô, làm thất thoát nguyên vật liệu,

công cụ dụng cụ trong quá trình sử dụng từ đó hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Xuất phát từ yêu cầu đó kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác kịp thời số lượng, chất lượng và giá trị thực tại của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đồng thời phản ánh giá trị nhập xuất tồn, dụng cụ tiêu hao sử dụng cho sản xuất.

- Tổ chức đánh giá, phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý của nhà nước và yêu cầu của quản trị doanh nghiệp.

- Phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch thu mua và dự trữ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Phát hiện kịp thời nguyên vật liệu tồn đọng kém phẩm chất để có biện pháp xử lý nhằm hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất.

- Kiểm tra chi phí thu mua, tính giá nguyên vật liệu công cụ dụng cụ nhập xuất kho.

- Phân bổ giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách đúng đắn.

- Vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo chế độ.

- Tổ chức chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với phương pháp hạch toán hàng tồn kho của doanh nghiệp. Mở các loại sổ sách thể chi tiết nguyên vật liệu công cụ dụng cụ đúng chế độ, đúng phương pháp theo quy định.

### ***1.1.1.3 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.***

#### ***a) Phân loại nguyên vật liệu***

❖ Căn cứ nội dung kinh tế và yêu cầu kế toán quản trị doanh nghiệp nguyên vật liệu được phân loại:

- Nguyên vật liệu chính: Là những loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể sản phẩm.

- Nguyên vật liệu phụ: Là những loại vật khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể sản phẩm mà có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị hình dáng bề ngoài tăng thêm chất lượng cho sản phẩm hàng hóa hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm.

- **Nhiên liệu:** Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất tạo điều kiện cho quá trình chế tạo. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn, thể khí.

- **Phụ tùng thay thế:** Là những vật tư sản phẩm dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị phương tiện vận tải công cụ sản xuất.

- **Phế liệu:** Là vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hoặc thanh lý tài sản có thể sử dụng hoặc bán.

- **Vật liệu khác:** bao gồm các nguyên liệu còn lại ngoài các thứ chưa kể trên tùy theo yêu cầu quản lý và kế toán chi phí mà nguyên vật liệu được phân loại chi tiết hơn.

❖ Căn cứ nguồn hình thành nguyên vật liệu được phân loại:

- Nguyên vật mua ngoài.
- Nguyên vật liệu doanh nghiệp tự sản xuất.
- Nguyên vật liệu từ nguồn khác như: cấp phát, biếu tặng...

❖ Căn cứ mục đích sử dụng nguyên vật được phân loại:

- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm
- Nguyên vật dùng cho nhu cầu bán hàng.
- Nguyên vật liệu dùng nhu cầu quản lý doanh nghiệp.

*b) Phân loại công cụ dụng cụ*

❖ Căn cứ nội dung kinh tế công cụ dụng cụ chia thành:

- Công cụ dụng cụ
- Bao bì luân chuyển
- Đồ dùng cho thuê

❖ Căn cứ nội dung sử dụng công cụ dụng cụ được chia thành:

- Công cụ dụng cụ trong kho
- Công cụ dụng cụ đang dùng

❖ Căn cứ số lần phân bổ công cụ dụng cụ chia thành:

- Công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 1 lần: Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán phân bổ toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất

kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ xuất dùng. Phương pháp này chỉ nên sử dụng trong trường hợp giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng nhỏ hoặc thời gian sử dụng của công cụ dụng cụ rất ngắn.

- Công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 2 lần: Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán tiến hành phân bổ 50% giá trị của công cụ dụng cụ vào chi phí của kỳ xuất dùng. Khi các bộ phận báo hỏng công cụ dụng cụ, kế toán tiến hành phân bổ giá trị còn lại của công cụ dụng cụ bị hỏng vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo hỏng.

$$\text{Giá trị còn lại của CCDC} = \frac{\text{giá thực tế CCDC hỏng}}{2} - \text{giá trị phế liệu thu hồi} - \text{tiền bồi thường vận chuyển}$$

- Công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ dần (nhiều lần): Theo phương pháp này, căn cứ giá trị công cụ dụng cụ và thời gian sử dụng hoặc số lần sử dụng dự kiến để kế toán tính ra mức phân bổ cho 1 kỳ hoặc 1 lần sử dụng

$$\text{Mức phân bổ giá trị CCDC 1 lần} = \frac{\text{Giá trị CCDC xuất dùng}}{\text{Số kỳ hoặc số lần sử dụng}}$$

Căn cứ mức phân bổ nói trên, định kỳ kế toán phân bổ giá trị của CCDC vào chi phí kinh doanh.

### *c) Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ*

#### ❖ Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được:

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí thu mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có thể có được hàng tồn kho ở trạng thái hiện tại.

• Chi phí thu mua của hàng tồn kho bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được khấu trừ hoàn lại, chi phí vận chuyển bốc xếp bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Các khoản chiết



khẩu thương mại, giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí thu mua.

- Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm: Những chi phí liên quan trực tiếp đến sản xuất sản phẩm như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định, chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

- Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh khác trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho thì giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài do các bên xác định được xác định theo nguồn nhập.

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài:

Giá thực tế nhập kho = giá mua ghi trên HĐ + các loại thuế nhập khẩu + chi phí thu mua thực tế (cp vận chuyển, bốc xếp)

- Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ do doanh nghiệp tự gia công chế biến

Giá thực tế nhập kho = Giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất gia công chế biến

- Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuê ngoài gia công chế biến

Giá thực tế nhập kho = Giá nvl, ccđc xuất thuê ngoài gia công + chi phí vận chuyển bốc xếp + chi phí thuê ngoài gia công

- Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhận góp vốn: Giá nhập kho là giá được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp thuận.

- Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được biểu tặng: Giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo giá trên thị trường.

❖ **Tính giá nguyên vật liệu xuất kho**

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, từ nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó, khi xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tùy thuộc đặc điểm hoạt động, yêu cầu trình độ quản lý và điều kiện phương tiện trang thiết bị, kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn 1 trong 4 phương pháp để xác định trị giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá hàng tồn kho được áp dụng theo 1 trong 4 phương pháp sau: phương pháp tính giá theo thực tế đích danh, phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước - xuất trước, phương pháp nhập sau - xuất trước.

❖ **Phương pháp tính giá theo thực tế đích danh:**

- Theo phương pháp này giá của vật tư nhập kho sẽ được giữ nguyên từ khi nhập đến khi xuất kho. Khi xuất kho loại vật tư nào thì lấy giá của loại vật tư đó.

- Phương pháp này khá chính xác, thuận lợi cho kế toán trong việc tính giá vật tư, song lại yêu cầu tỉ mỉ, chi tiết. Nó thích hợp với những doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định nhận diện được.

❖ **Phương pháp nhập trước - xuất trước(FIFO):**

- Phương pháp này được thực hiện như sau: Lô hàng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nào được nhập kho trước sẽ được xuất dùng trước. Hàng tồn kho cuối kỳ là hàng mới nhất. Do vậy, giá hàng xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, song mới xuất đến lần nhập sau. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

- Với phương pháp này, việc tính toán đơn giản dễ làm và tương đối hợp lý song lại phụ thuộc giá cả thị trường.

❖ **Phương pháp nhập sau - xuất trước(LIFO)**

- Theo phương pháp này, những vật tư nhập kho sau sẽ được xuất trước. Nghĩa là: Giá trị xuất kho của vật tư được tính theo giá của vật tư ở lần nhập gần nhất.

- Ở phương pháp này chi phí sản xuất luôn gắn với giá cả thị trường nên lợi nhuận mang tính an toàn hơn khi giá cả có xu hướng tăng lên. Song vẫn phụ thuộc giá cả thị trường. Phương pháp này phù hợp với trường hợp xuất hiện lạm phát.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền.

- Theo phương pháp này, giá trị xuất kho của từng loại vật tư được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị của từng loại hàng tồn kho nhập trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

- Phương pháp bình quân gia quyền có thể thực hiện theo cả kỳ hoặc bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn).

• Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

Giá trị thực tế xuất kho =  $\frac{\text{Số lượng xuất} \times \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ}}{\text{Giá bq đ/vị}}$

Giá trị thực tế vật tư tồn đầu kỳ + giá trị thực tế vật tư nhập trong kỳ

cả kỳ dự trữ                      Số lượng vật tư tồn trong kỳ + số lượng vật tư nhập trong kỳ

• Phương pháp bình quân liên hoàn:

Giá trị thực tế xuất kho = số lượng xu  $\frac{\text{Giá trị thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$

Giá đơn vị bq sau mỗi lần nhập =

Phương pháp này khắc phục nhược điểm của 2 phương pháp trên, nhưng phương pháp này tốn nhiều công sức, tốn kém nhiều lần.

### **1.2.2 Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu**

Việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được sử dụng 1 trong 3 phương pháp

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ sổ dư

### 1.2.2.1 Phương pháp thẻ song song

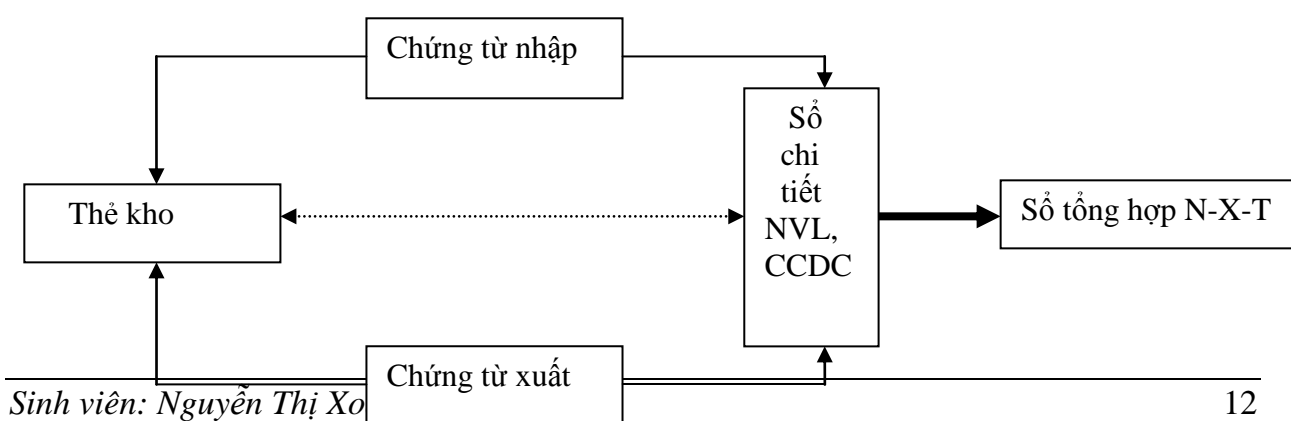
- Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập - xuất - tồn vật tư về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật tư. Cuối tháng, thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập xuất tính ra số tồn kho về mặt số lượng theo từng danh điểm vật tư.

- Ở phòng kế toán: Kế toán vật tư mở sổ chi tiết vật liệu cho từng danh điểm theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất do thủ kho chuyển tới, kế toán vật tư phải kiểm tra đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán và tính ra số tiền. Sau đó ghi các nghiệp vụ nhập xuất vào sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng tiến hành cộng sổ và đối chiếu với thẻ kho.

- Ưu điểm: Đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót trong việc ghi chép và quản lý.

- Nhược điểm: Có sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng.

- Phạm vi: Áp dụng cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, nghiệp vụ phát sinh không nhiều, không thường xuyên và áp dụng cho những doanh nghiệp dùng giá mua thực tế để ghi chép kế toán vật tư tồn kho. Trình tự hạch toán kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

—————→ Ghi hàng ngày

←-----→ Đối chiếu

—————→ Ghi định kỳ

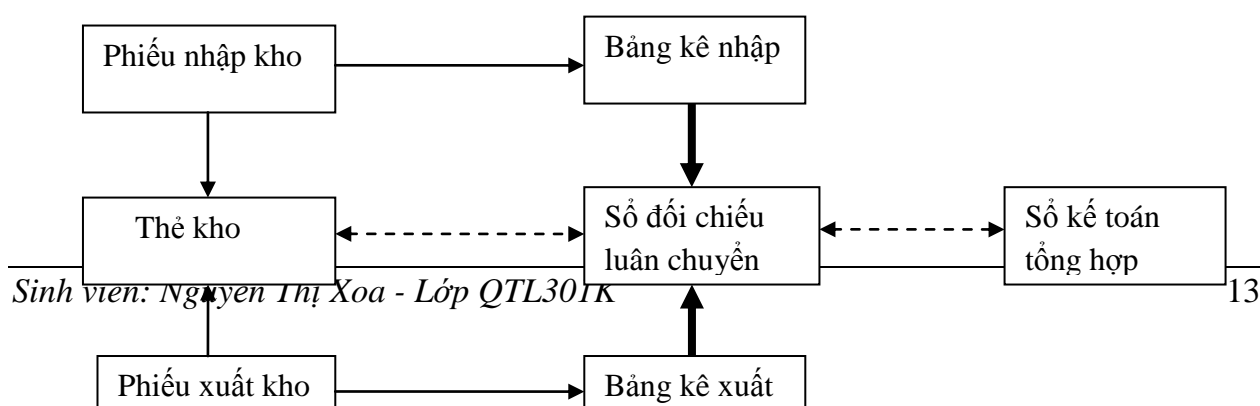
### **Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song**

#### **1.2.2.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**

Đối với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu và số lượng chứng từ nhập xuất không nhiều thì phương pháp thích hợp là phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi 1 dòng vào thẻ kho, thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập xuất tồn tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm.

- Tại phòng kế toán: Không mở sổ kế toán chi tiết mà mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này mỗi tháng ghi 1 lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập xuất phát sinh trong tháng của từng vật tư, mỗi thứ chỉ ghi 1 dòng trên sổ. Cuối tháng đối chiếu số lượng trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với sổ tổng hợp. Phương pháp này được thể hiện cụ thể qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

—————→ Ghi hàng ngày

←-----→ Đối chiếu

—————→ Ghi cuối tháng, định kỳ

### ***Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển***

#### ***1.2.2.3 Phương pháp sổ số dư***

Với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu, số lượng chứng từ nhập xuất mỗi loại nhiều thì phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu thích hợp nhất là phương pháp sổ số dư.

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép số lượng vật tư nhập xuất tồn về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi 1 dòng vào thẻ kho, thẻ kho được mở cho từng danh điểm. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập-xuất tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm. Định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập-xuất phát sinh theo từng danh điểm. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất vật tư. Ngoài ra thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vật tư vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, các ngày cuối tháng, kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính tiền.

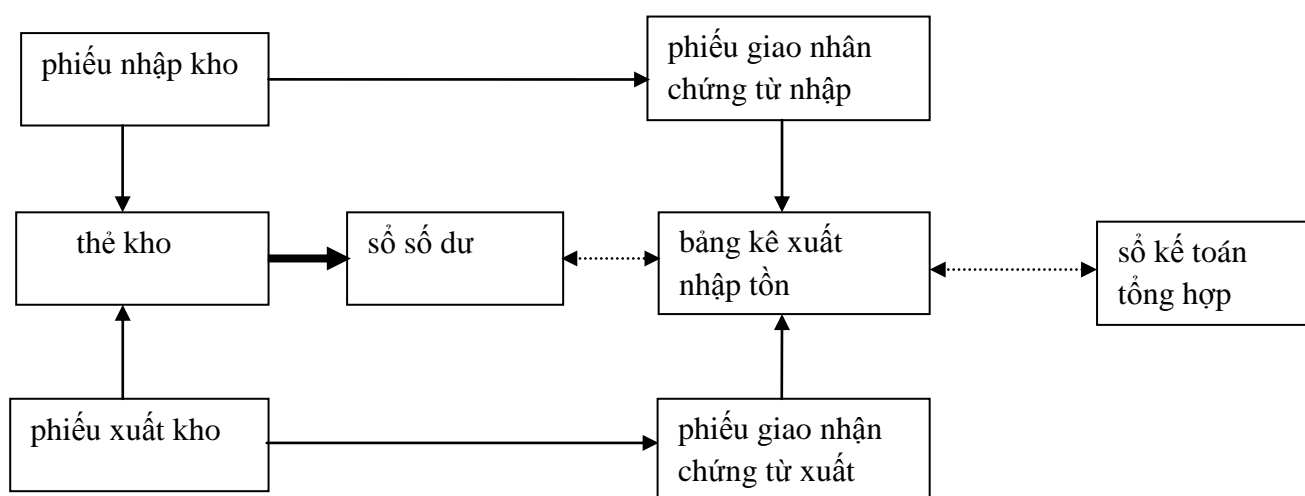
- Tại phòng kế toán: Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận chứng từ kế toán kiểm tra và tính giá từng danh điểm theo từng chứng từ (giá hạch toán), tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng

thời ghi số tiền vừa tính được của từng danh điểm (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập-xuất-tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ.

- Tiếp đó kế toán cộng số tiền nhập xuất trong tháng dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật tư. Số dư này được dùng để đối chiếu số dư trên sổ sổ dư (trên sổ sổ dư được tính bằng cách lấy số lượng tồn kho\*giá hạch toán).

- Ưu điểm: Giảm bớt khối lượng ghi chép của kế toán, công việc dàn đều trong tháng.

- Nhược điểm: Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị lên nếu muốn biết số hiện có và tình hình tăng giảm về mặt hiện vật thì phải xem trên thẻ kho. Việc kiểm tra phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán sẽ gặp khó khăn và sự chênh lệch. Phương pháp sổ sổ dư được thể hiện cụ thể qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày

<-----> Đối chiếu

—————> Ghi cuối tháng, định kỳ

**Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ sổ dư**

### **1.2.3 Các chứng từ, sổ sách kế toán về nguyên vật liệu.**

- Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành 15/QĐ/CĐKT ngày 20/03/2006 và theo quyết định 1864/1998/QĐ/BTC ngày 16/02/1998 cùng với các văn bản khác về thuế GTGT của Bộ trưởng bộ tài chính , các chứng từ kế toán bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư , công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu 05-VT)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu 06-VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu 07 –VT)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT-BLL)

- Tùy vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện, khoa học. Mọi chứng từ phải được lập đầy đủ kịp thời theo quy định về mẫu biểu, nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Một số mẫu sổ sách kế toán nguyên vật liệu

- Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (Mẫu S12-DN)
- Sổ số dư
- Sổ đối chiếu luân chuyển

### **1.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ**

Để đáp ứng yêu cầu của quản trị doanh nghiệp, kế toán nguyên vật liệu phải tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng 1 cơ sở chứng từ theo chế độ kế toán quy định được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC 20/03/2006 của BTC. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là sự ghi chép sự



biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trên các sổ kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuộc hàng tồn kho. Do đó tình hình hiện có và tình hình biến động của chúng phụ thuộc vào doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ.

### ***1.3.1 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên***

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, sự biến động tăng giảm về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán. Vì vậy bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán ta cũng xác định giá trị tồn kho của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

#### ***1.3.1.1 Tài khoản sử dụng***

- Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu” :Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

#### ***Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 152:***

- Bên nợ: Phản ánh các nghiệp vụ làm tăng nguyên vật liệu trong kỳ (mua ngoài tự sản xuất, nhận góp vốn, phát hiện thừa)

- Bên có: Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ (xuất dùng, xuất bán, xuất góp vốn liên doanh, thiếu hụt..)

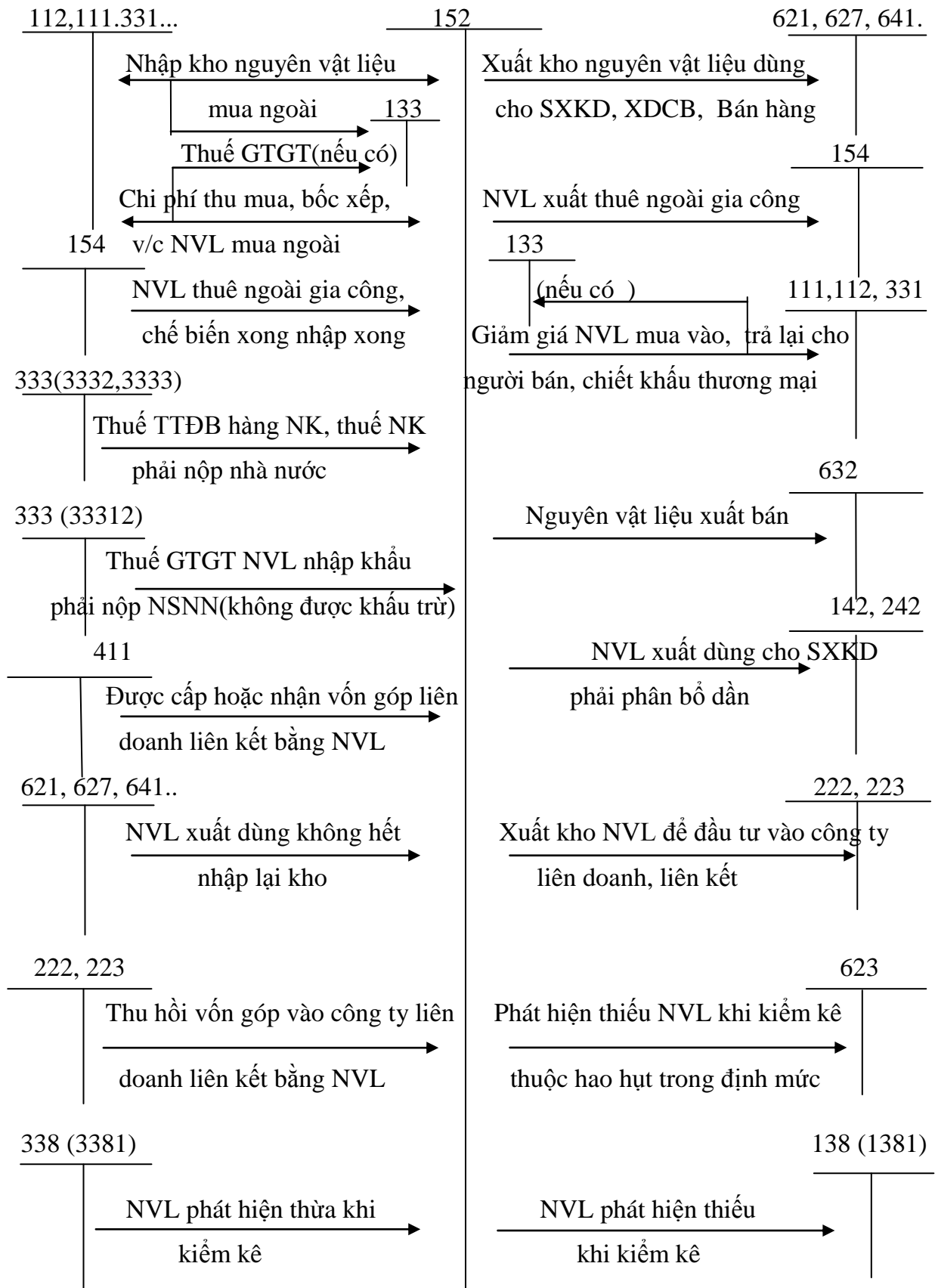
- Dư nợ: Phản ánh trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

- Tài khoản 153 “Công cụ dụng cụ”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại công cụ dụng cụ trong kho của doanh nghiệp.

#### ***Kết cấu và nội dung phản ánh TK 153:***

- Bên nợ: Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm tăng công cụ dụng cụ (nhập kho, phát hiện thừa khi kiểm kê)

- Bên có: Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm giảm công cụ dụng cụ (xuất kho, hao hụt mất mát)
- Dư nợ: Phản ánh trị giá thực tế công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ
  - Tài khoản 151 "Hàng mua đi đường": Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của loại hàng hoá, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.
- Bên nợ: Phản ánh trị giá vật tư hàng hoá đang đi đường.
- Bên có: Phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư đã nhập kho hoặc đã giao thẳng cho khách hàng.
- Số dư nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đi trên đường.



Sơ đồ 1.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Trong bút toán nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có một số trường hợp đặc biệt sau:
- Trường hợp hàng hoá và hoá đơn cùng về:
    - Nợ TK 152:                    Trị giá nguyên vật liệu
    - Nợ TK 133:                   Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
    - Có TK 111,112,331:      Các TK liên quan
  - Trường hợp hàng về chưa có hoá đơn: Nếu nguyên vật liệu về đã nhập kho nhưng hoá đơn chưa về thì chưa ghi sổ ngay mà lưu phiếu nhập kho vào cặp hóa đơn hàng chưa có hoá đơn. Nếu cuối tháng hoá đơn vẫn chưa về thì kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho ghi theo giá tạm thời:
    - Nợ TK 152:                    Giá tạm thời NVL
    - Có TK 111,112,331:      Giá tạm thời
    - Sang tháng hoá đơn về kế toán tính và điều chỉnh giá ở tháng trướcNếu giá hoá đơn lớn hơn giá tạm tính
    - Nợ TK 152:                    Trị giá nguyên vật liệu điều chỉnh
    - Nợ TK 133:                   Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
    - Có TK 111,112,331:      Tổng giá điều chỉnh.Nếu giá hoá đơn nhỏ hơn giá tạm tính
    - Nợ TK 152:                    Ghi âm trị giá nguyên vật liệu cần điều chỉnh
    - Nợ TK 133:                    Ghi âm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
    - Có TK 111,112,331:      Ghi âm tổng giá điều chỉnh.
  - Trường hợp hàng đang đi đường doanh nghiệp nhận được hoá đơn (hàng chưa về nhập kho). Kế toán chưa ghi sổ ngay mà lưu hoá đơn vào cặp hồ sơ “hàng đi đường”
    - Trong tháng nếu hàng đã về nhập kho thì kế toán căn cứ hoá đơn và phiếu nhập kho ghi bình thường như trường hợp hàng và hoá đơn cùng về.
    - Cuối tháng mà hàng vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn kế toán ghi tăng giá trị hàng đi đường.

Nợ TK 151:

Nợ TK 133:

Có TK 111,112,331:

Sang tháng sau khi hàng về nhập kho:

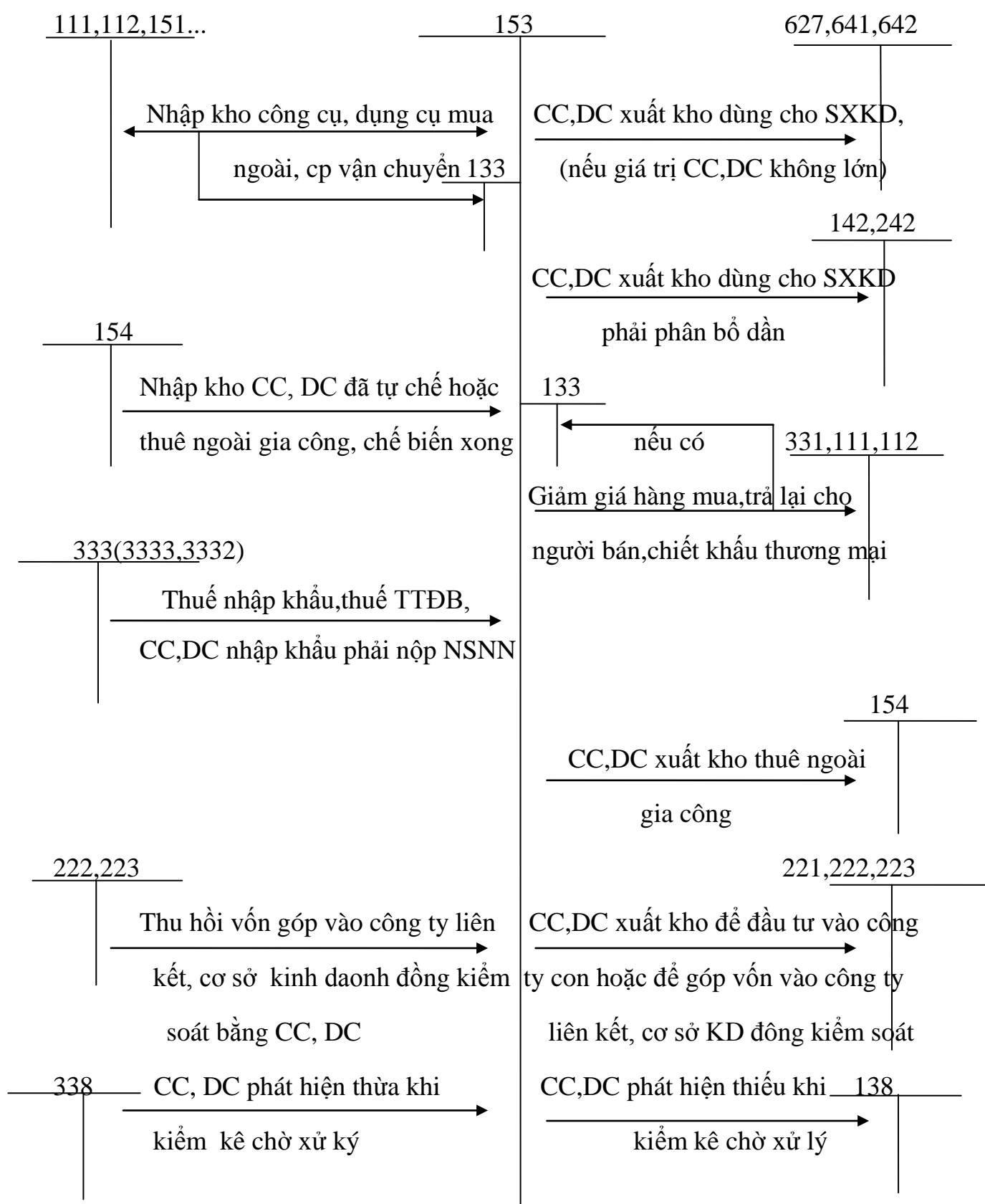
Nợ TK 152:

Có TK 151:

Kế toán tổng hợp công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua (sơ đồ 1.5)

### ***1.3.2 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.***

- Phương pháp kiểm kê định kỳ không phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập xuất ở các tài khoản nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Các tài khoản này chỉ phản ánh giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho ở đầu kỳ và cuối kỳ. Việc nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hàng ngày được phản ánh ở tài khoản 611 “Mua hàng”. Cuối kỳ kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng phương pháp cân đối để tính giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho theo công thức:



Sơ đồ 1.5 Sơ đồ kế toán tổng hợp công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Trị giá vật tư xuất kho = trị giá vật tư tồn đầu kỳ + trị giá vật tư nhập trong kỳ - trị giá vật tư còn lại cuối kỳ

- Để ghi chép vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng TK 611 “Mua hàng”. Kết cấu tài TK 611:

Bên nợ

- Kết chuyển trị giá thực tế vật tư tồn đầu kỳ
- Trị giá thực tế của vật tư nhập trong kỳ

Bên có

- Kết chuyển trị giá thực tế vật tư tồn cuối kỳ
- Trị giá vật tư xuất trong kỳ cho các mục đích khác

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ, gồm 2 tài khoản cấp 2

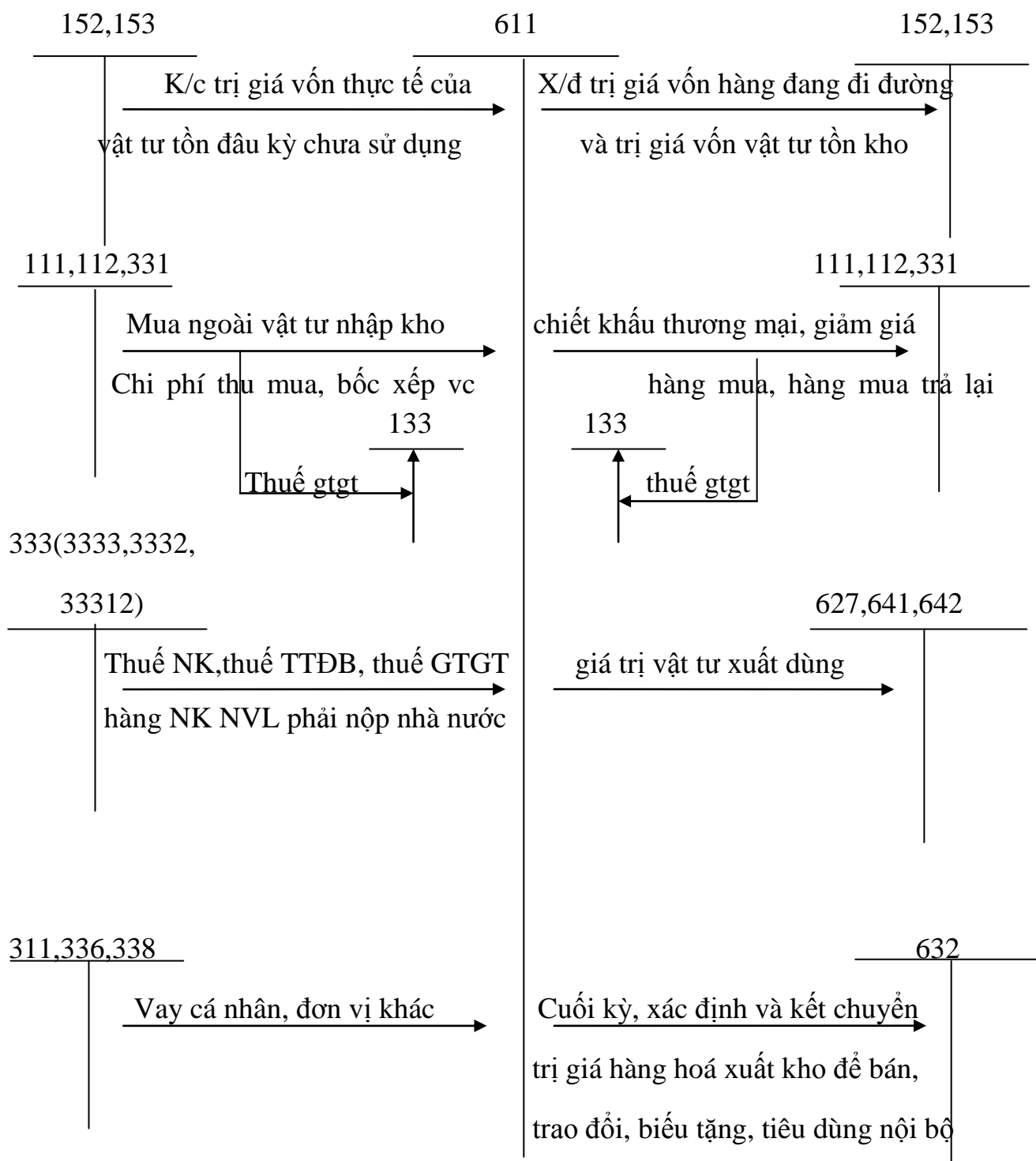
- TK 6111 Mua nguyên vật liệu
- TK 6112 Mua hàng hoá

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.6

#### **1.4 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

- Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt



Sơ đồ 1.6 Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ



- Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu nhập tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

- Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. TK 159 có kết cấu như sau:

Bên nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư cuối bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

- Theo thông tư số 89 về hướng dẫn thực hiện 4 chuẩn mực kế toán, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần của hàng tồn kho có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán( chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159: Giá vốn hàng bán

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi:

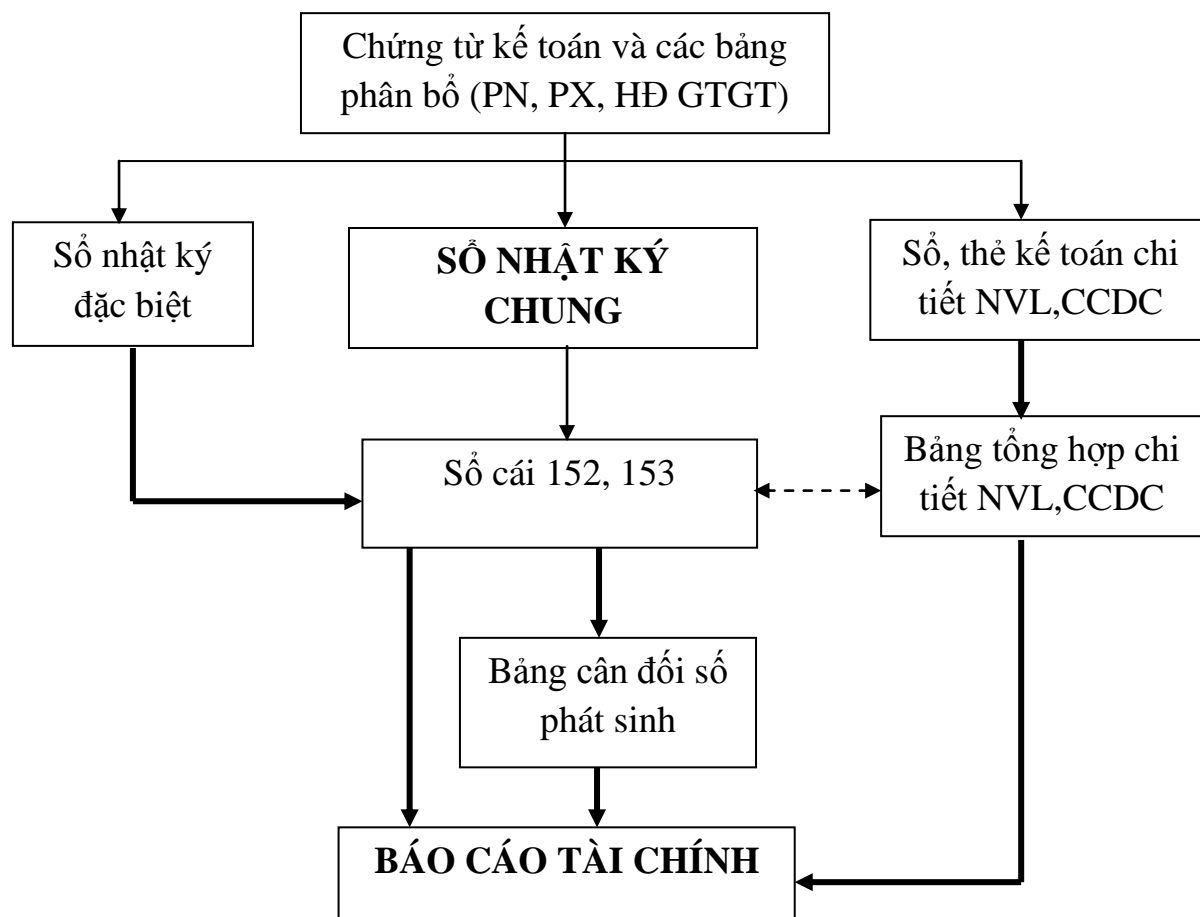
Nợ TK 159 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán( chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

### **1.5 Các hình thức ghi sổ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.**

#### **1.5.1 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào nhật ký chung, theo trình tự thời gian, nội dung kinh tế. Sau đó lấy số liệu trên các nhật ký chung để ghi sổ cái.



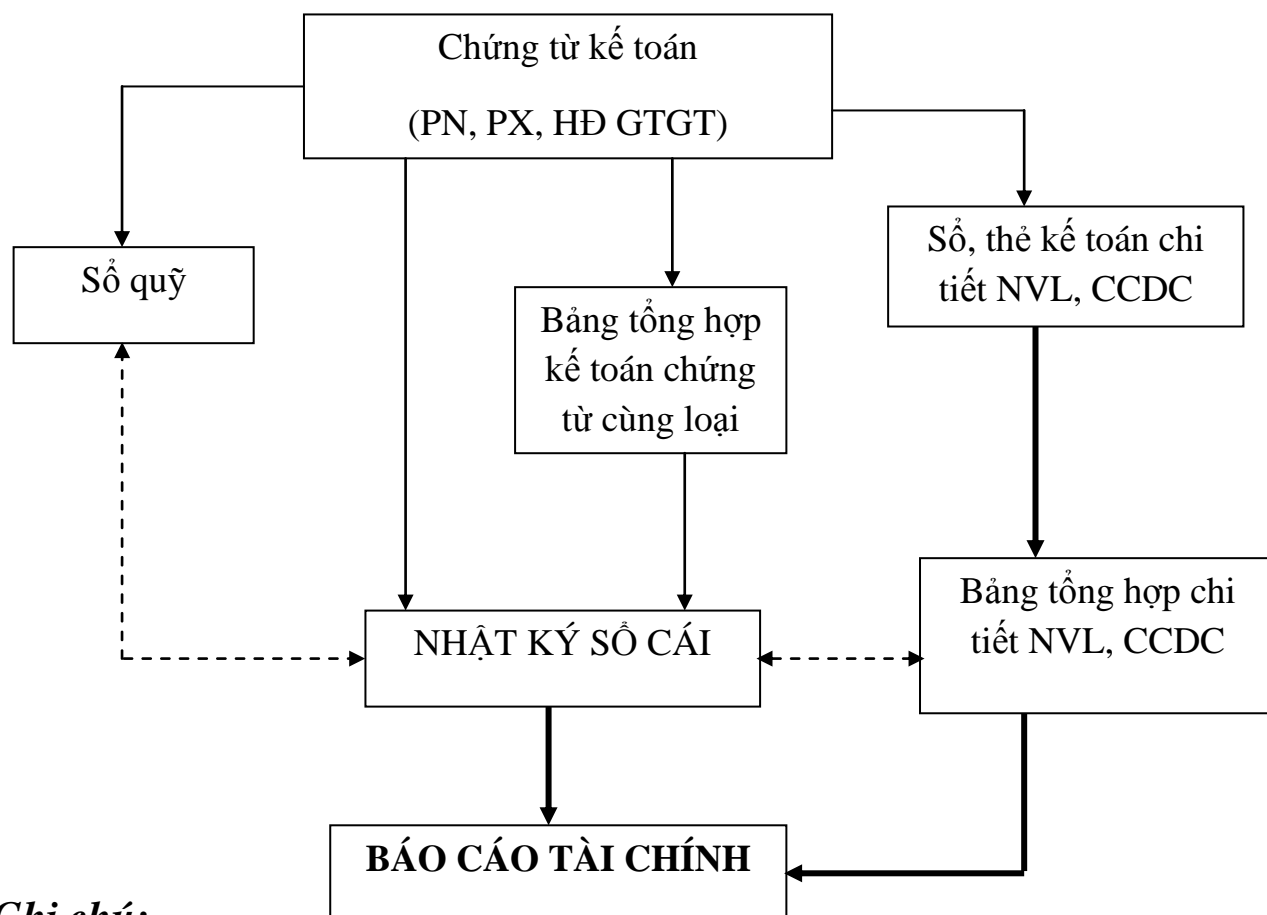
**Ghi chú:**

- > : Ghi hàng ngày.
- > : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- > : Đối chiếu, kiểm tra.

**Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**

**1.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký sổ cái**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký sổ cái. Căn cứ ghi Nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán tổng hợp hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.



**Ghi chú:**

- > : Nhập số liệu hàng ngày.
- > : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- > : Đối chiếu, kiểm tra.

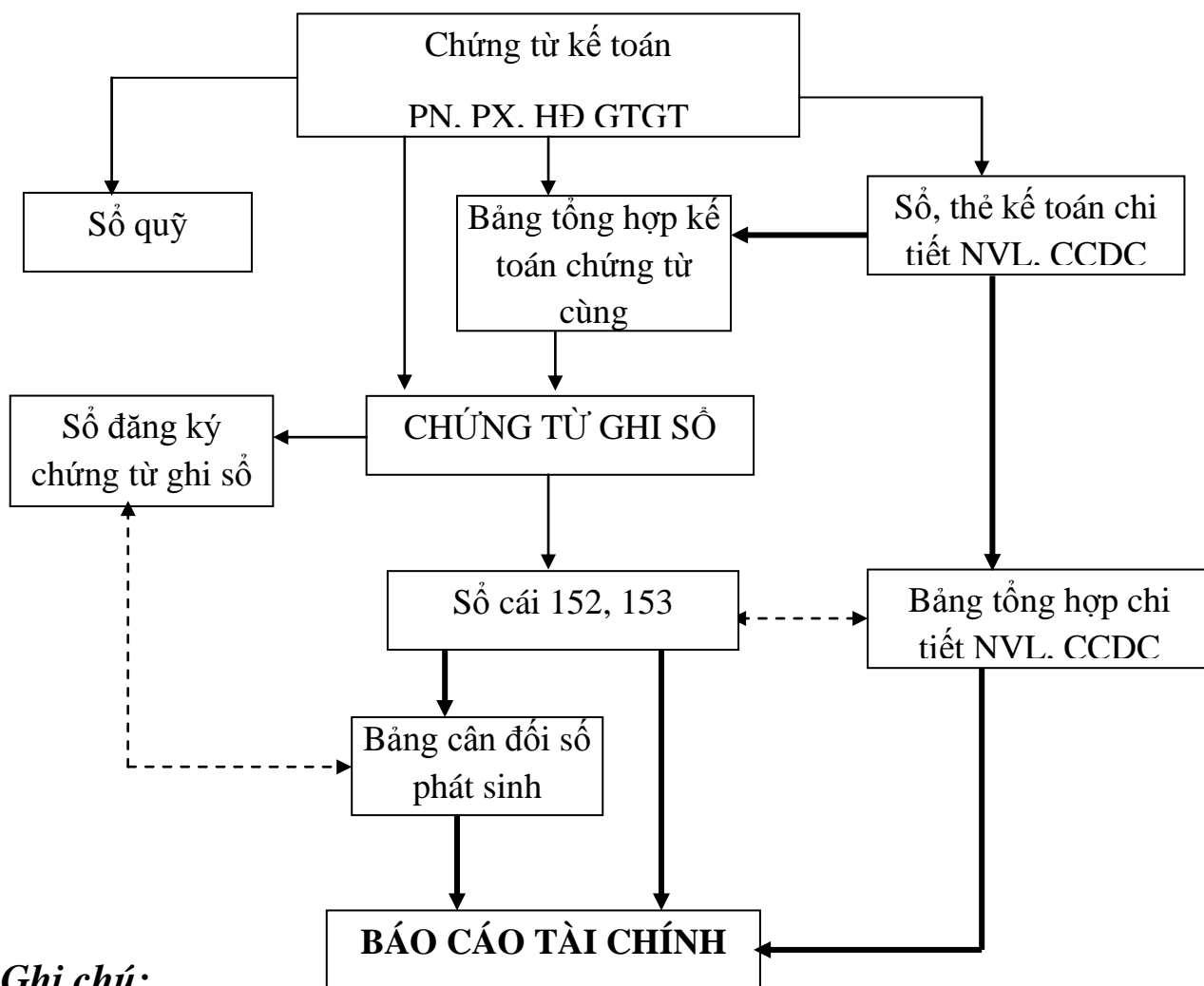
**Sơ đồ 1.8 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký sổ cái**

### 1.5.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

- Căn cứ trực tiếp ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên các sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.



**Ghi chú:**

- : Ghi hàng ngày.
- : Ghi cuối tháng
- : Đối chiếu, kiểm tra.

Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

#### 1.5.4 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ

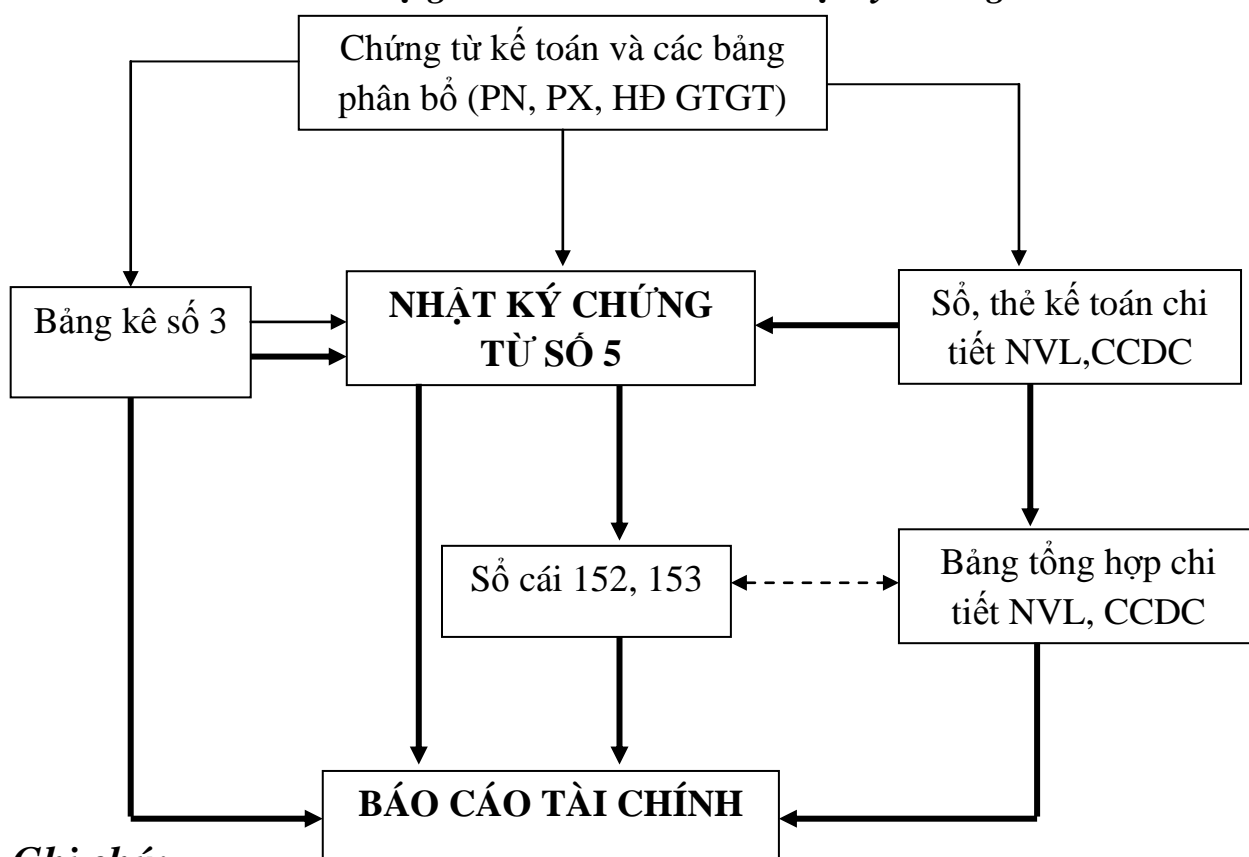
- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và cùng một quá trình ghi chép

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính

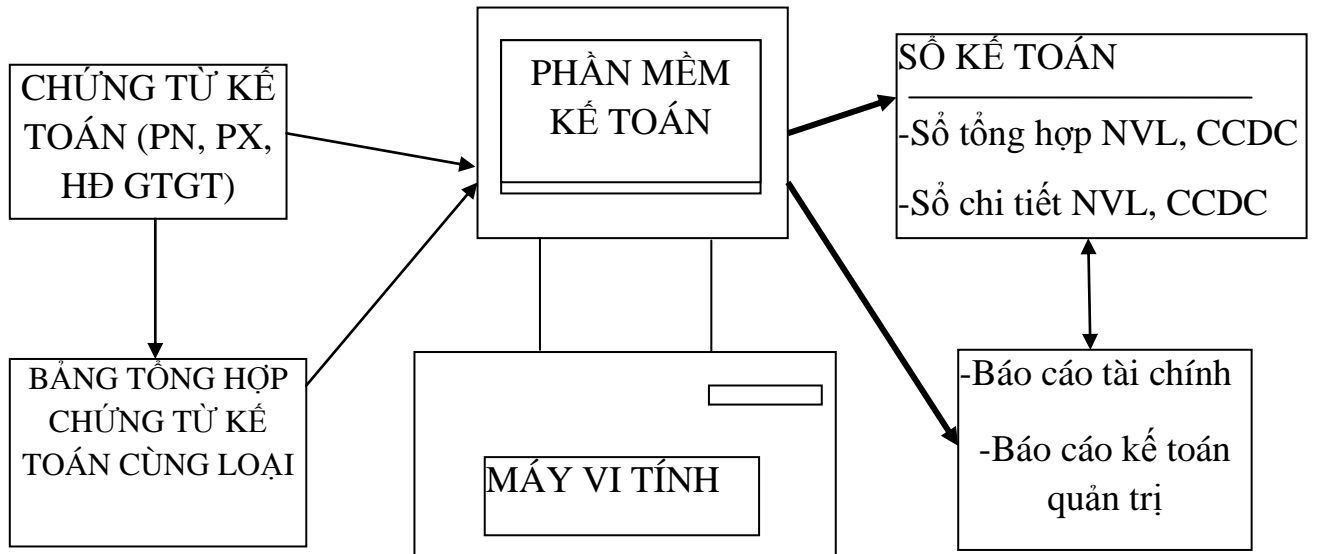
Sơ đồ 1.5.4 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký Chứng từ



**Ghi chú:**

- > : Nhập số liệu hàng ngày.
- > : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra.

Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký nhật ký chứng từ



**Sơ đồ 1.11 Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính**

**Ghi chú:**

- > : Nhập số liệu hàng ngày.
- > : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- > : Đối chiếu, kiểm tra.

## **PHẦN 2**

# **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ.**

### **2.1 Tình hình, đặc điểm chung của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

- Tên xí nghiệp: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.
- Trụ sở chính: Số 5 Đường bao Trần Hưng Đạo, quận Hải An thành phố Hải Phòng.

#### **2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

##### **2.1.1.1 Quá trình hình thành Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ là một đơn vị thành viên của Cảng Hải Phòng, được xây dựng năm 1997 do yêu cầu mở rộng, phục vụ tính chất kinh doanh dịch vụ hàng hoá.

Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng để giao dịch.

Trước năm 1995 xí nghiệp gồm 2 khu vực:

Khu vực 1: Xây dựng phòng ban, nơi giao dịch và điều hành hoạt động Cảng. Trong thời kỳ chiến tranh và thời kỳ bao cấp, cảng chủ yếu khai thác hàng hoá, hàng viện trợ và nông sản xuất khẩu.

Khu vực 2: Trong thời kỳ chiến tranh chủ yếu khai thác hàng quân sự và vật liệu xây dựng.

Đến năm 1995 do yêu cầu tổ chức sản xuất tách ra làm hai xí nghiệp: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ và Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá.

Sau hai năm 1995 – 1996 được bộ giao thông vận tải và Cảng Hải Phòng đầu tư xây dựng, xí nghiệp đã thay đổi cơ bản về quy mô. Xí nghiệp làm mới 70.000 m<sup>2</sup> bãi, xây dựng nhà điều hành sản xuất, kho CFS, một số công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt, trang bị một số phương tiện, thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất.

Hiện nay xí nghiệp vẫn đang tiếp tục nhận vốn ODA để cải tạo và nâng cấp Cảng. Tương lai đây sẽ là một bến cảng hiện đại và lớn nhất miền bắc.

*2.1.1.2 Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình phát triển của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.*

*a) Những thuận lợi trong quá trình phát triển của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.*

Cảng Chùa Vẽ là một trong những Cảng Container lớn nhất và được đầu tư nguồn vốn lớn nhất trong tất cả các Cảng trực thuộc Cảng Hải Phòng. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp được trang bị cơ sở khoa học công nghệ tiên tiến nhất.

Ba năm gần đây, Cảng Chùa Vẽ có doanh thu lớn nhất do có cơ sở vật chất tiên tiến, với nhiều cần cẩu dàn, cần cẩu chân đế, xe nâng chụp có công suất lớn rất thuận tiện cho việc leo đậu của các tàu nước ngoài cập bến, nhập hàng và xuất hàng trong nước và ngoài nước.

*b) Những khó khăn trong quá trình phát triển của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.*

Tốc độ phát triển tăng đến mức đột biến vào năm 2009-2010 do Cảng Chùa Vẽ có cơ sở vật chất kỹ thuật, có đội ngũ cán bộ công nhân viên có tay nghề cao. Quy luật cầu lớn hơn cung dẫn đến những biến động về kinh tế, lượng hàng hoá ra vào Cảng Hải Phòng tăng 40% dẫn đến thiếu kho bãi để chứa hàng.

*c) Những thành tựu xí nghiệp đã đạt được*

Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ khi mới xây dựng gồm 2 cầu cảng chính, khi được viện trợ xây dựng nguồn kinh phí xí nghiệp có thêm 5 cầu cảng nữa và là cảng có nhiều cầu cảng nhất trong các đơn vị thành viên của Cảng Hải Phòng.

Để lập thành tích chào mừng kỷ niệm 81 năm ngày truyền thống công nhân Cảng Hải Phòng(24/11/1929-24/11/2010) cán bộ công nhân viên toàn cảng đã sôi nổi trong phong trào thi đua, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Cảng Chùa Vẽ là cảng đi đầu trong việc thi đua lập thành tích về xếp dỡ hàng hoá.

Qua đây là những thành tích mà xí nghiệp đã đạt được trong ba năm gần đây, thể hiện cụ thể trong bảng kết quả về một số chỉ tiêu chủ yếu (***Biểu số 2.1***):



| stt | Chỉ tiêu            | Năm 2008       | Năm 2009       | Năm 2010       |
|-----|---------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1   | Sản lượng bốc xếp   | 356.986        | 436.876        | 534.935        |
| 2   | Doanh thu           | 14.572.089.636 | 20.018.244.672 | 22.735.365.324 |
| 3   | Thu nhập bình quân  | 3.220.500      | 4.450.500      | 5.570.700      |
| 4   | Số người lao động   | 524            | 467            | 436            |
| 5   | Tổng vốn kinh doanh | 9.436.015.200  | 19.447.656.377 | 21.613.695.139 |

**Biểu số 2.1:**

Qua những số liệu trên ta thấy được chỉ trong 3 năm sản lượng bốc xếp của xí nghiệp đã tăng từ 356.986 tấn năm 2008, sang năm 2010 xí nghiệp đã đạt được 534.935 tấn về số tương đối tăng lên 66%. Từ đó cũng làm cho doanh thu của xí nghiệp tăng từ 14.572.089.636 năm 2008 lên đến 22.735.365.324 năm 2010, về số tương đối tăng lên 56,02%. Doanh thu và sản lượng bốc xếp tăng lên là do:

Thứ nhất: Xí nghiệp đã được Cảng giao cho quản lý và sử dụng giá trị lớn hơn cụ thể năm 2008 giá trị tài sản xí nghiệp quản lý chỉ có 14.572.089.936 thì đến năm 2010 giá trị tài sản tăng lên gần gấp đôi. Đến năm 2010 giá trị tài sản là 21.613.695.139.

Thứ hai: Số lượng lao động trong xí nghiệp giảm đi đáng kể, cụ thể: năm 2008 số lượng lao động trong xí nghiệp là 524 người thì sang năm 2010 số lượng lao động trong xí nghiệp giảm đi còn 436 người. Điều này chứng tỏ xí nghiệp đã sử dụng khoa học kỹ thuật. Xí nghiệp luôn đặt ra mục tiêu cho mình là phải nâng cao thu nhập cho mỗi công nhân. Năm 2008 thu nhập bình quân mỗi lao động là 3.220.500 thì sang năm 2010 thu nhập bình quân mỗi lao động đạt 5.570.700 tăng trên 50% về mặt tương đối.

Những thành tựu trên của xí nghiệp tuy không lớn nhưng thể hiện quyết tâm muốn phát triển, muốn thành công của toàn bộ công nhân viên trong xí nghiệp.

### **2.1.2 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của xí nghiệp**

- ❖ Lĩnh vực kinh doanh của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.
  - ✓ Dịch vụ bốc xếp hàng hoá
  - ✓ Dịch vụ giao nhận kiểm đếm hàng hoá, cân hàng.
  - ✓ Kinh doanh kho bãi (lưu kho).

Các bộ phận phòng ban của xí nghiệp chủ động xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của xí nghiệp phù hợp với yêu cầu của khách hàng và yêu cầu của các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Bảo toàn và phát triển vốn, khai thác sử dụng hợp lý đảm bảo tính hiệu quả. Chú trọng đầu tư mở rộng nguồn khách hàng cũng như khách hàng, chủ hàng. Đảm bảo kinh doanh trên cơ sở tuân thủ các chế độ chính sách về quản lý kinh tế, tôn trọng pháp luật. Thực hiện công bằng xã hội. Bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân viên, làm tốt công tác bảo hộ lao động an toàn lao động.

### **2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của xí nghiệp**

Căn cứ vào quy mô, chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề sản xuất kinh doanh. Xí nghiệp Chùa Vẽ đã tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng theo sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.2)

#### **❖ Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban**

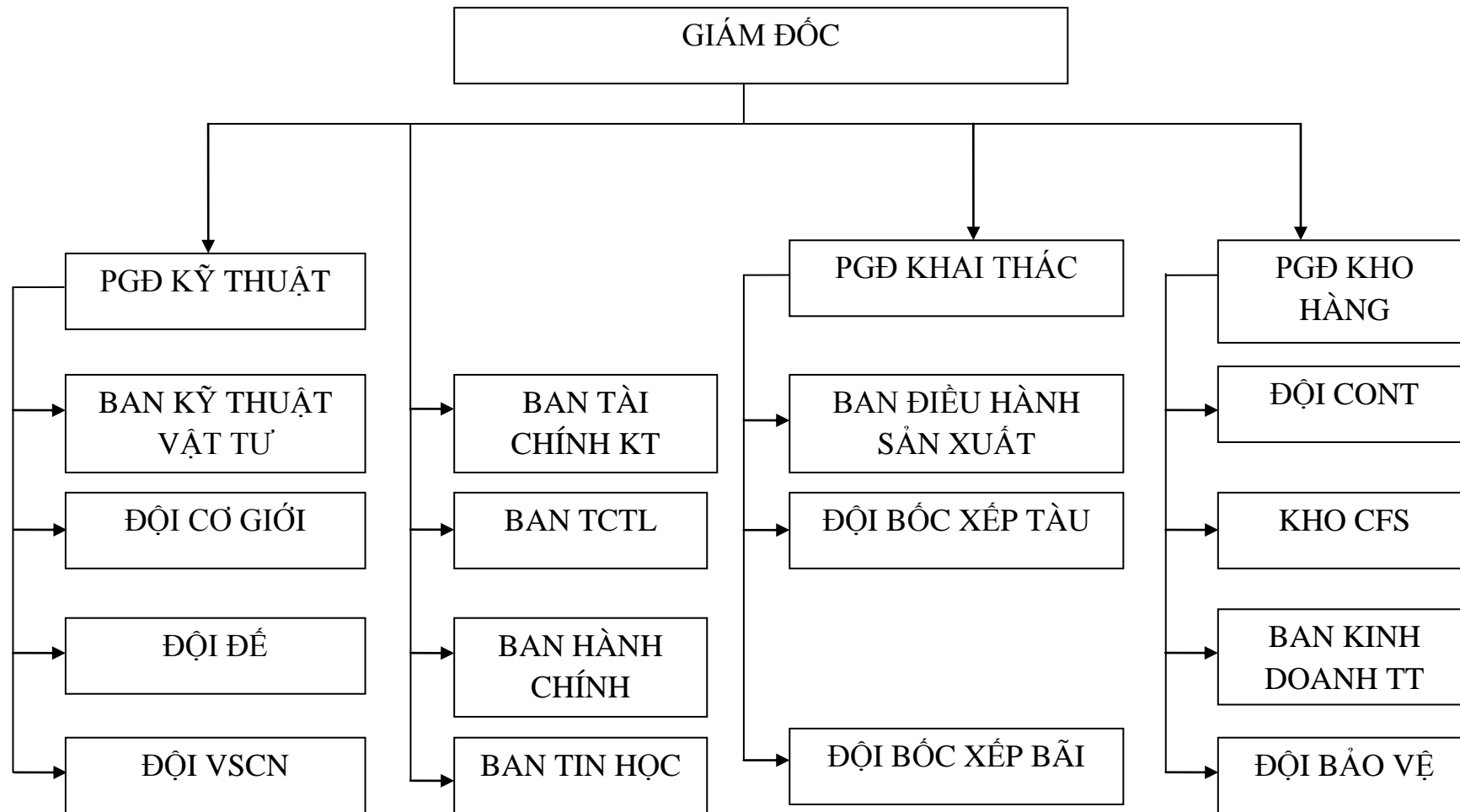
- Giám đốc Xí nghiệp:

Là người điều hành mọi hoạt động SXKD của Xí nghiệp.

Là người chịu trách nhiệm trước Xí nghiệp và các cơ quan quản lý, cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ hoạt động của Xí nghiệp về thu nộp các khoản phải nộp cho Nhà nước và cấp trên.

Điều hành trực tiếp và giao nhiệm vụ tham mưu cho 3 Phó Giám đốc theo chức năng của mỗi người.

Điều hành trực tiếp một số phòng nghiệp vụ về hoạt động SXKD bao gồm: Ban tài chính kế toán, ban tài chính tiền lương, ban hành chính, ban tin học thông qua các trưởng ban



Sơ đồ 2.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

❖ *Các phó giám đốc:*

Được thay mặt cho giám đốc phụ trách một lĩnh vực chuyên môn của mình theo chức năng, quyền hạn được giao. Trực tiếp điều hành, quản lý và chịu trách nhiệm báo cáo trước giám đốc về các mặt công tác được phân công. Thay mặt giám đốc trong công tác quan hệ với các đơn vị phòng ban của cảng và cơ quan trong phạm vi trách nhiệm được giao.

➤ Phó giám đốc kỹ thuật:

Chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc quản lý, sử dụng các loại phương tiện, thiết bị, cơ giới phục vụ xếp dỡ, vận chuyển hàng hoá. Đảm bảo ánh sáng, vật tư, vật liệu, phục vụ cho sửa chữa và vận hành phương tiện thiết bị. Trực tiếp quản lý chỉ đạo các đội cơ giới, đội đố, và vệ sinh công nghiệp.

➤ Phó giám đốc khai thác hàng hoá:

Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác bốc xếp tàu và bốc xếp bãi, điều hành sản xuất của toàn xí nghiệp.

➤ Phó giám đốc kho hàng:

Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác quản lý giao nhận kho hàng, đội container và kho CFS.

❖ *Các ban nghiệp vụ và các đơn vị trực tiếp sản xuất:*

- Các ban nghiệp vụ:

• *Ban kỹ thuật và vật tư:*

Tham mưu cho giám đốc và phó giám đốc kỹ thuật về công tác kỹ thuật, vật tư, quy trình công nghệ an toàn xếp dỡ và an toàn lao động. Tổ chức thu mua, viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất lập các phương án khai thác và sử dụng hợp lý các phương tiện, thiết bị đạt năng suất chất lượng và an toàn. Có sơ đồ theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện, lập định mức sửa chữa, sửa chữa kịp thời thay thế đáp ứng cho sản xuất và đảm bảo an toàn cho phương tiện. Xây dựng phương án mua sắm vật tư, nhiên liệu và công cụ xếp dỡ. Bồi dưỡng tay nghề cho công nhân kỹ thuật, huấn luyện an toàn định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Lập kế hoạch lo trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân

viên. Thường xuyên kiểm tra uốn nắn ngăn chặn những vi phạm không để xảy ra các tai nạn đáng tiếc cho người lao động.

- **Ban tài chính kế toán:**

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc xí nghiệp về công tác tổ chức thống kê, kế toán, tổ chức hạch toán quá trình kinh doanh, quản lý tài chính của xí nghiệp. Chịu trách nhiệm trước giám đốc xí nghiệp, trước bộ máy quản lý tài chính cấp trên, trước nhà nước (thuế, chính,...) về công tác hạch toán quá trình kinh doanh và việc chấp hành chế độ kế toán, tài chính.

- **Ban tổ chức lao động tiền lương:**

Công tác tổ chức: Tham mưu cho giám đốc về công tác cán bộ, tổ chức sắp xếp bộ máy điều hành sản xuất, đảm bảo các chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ công nhân viên trong xí nghiệp, sắp xếp việc làm cho người lao động.

Công tác tiền lương: Căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ sản xuất tham mưu cho giám đốc về công tác lao động. Tổ chức sử dụng lao động hợp lý với ngành nghề đào tạo. Áp dụng định mức lao động vào thực tế, nghiên cứu chính lý đề xuất cải tiến. Tính toán lương cho cán bộ công nhân viên theo chế độ chính sách của nhà nước và đơn giá quy định của cảng.

- **Ban hành chính:**

Chịu trách nhiệm về công tác văn thư, tổ chức mua sắm trang thiết bị, quản lý thiết bị văn phòng, tổ chức tiếp khách, hội họp và các công tác khác. Đảm bảo phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- **Ban kinh doanh :**

Triển khai kế hoạch của cảng Hải Phòng cho xí nghiệp trên cơ sở phân bổ kế hoạch từng tháng, quý cho từng đơn vị thực hiện. Viết hoá đơn thu cước xếp dỡ đơn đốc thu nợ các khoản nợ của chủ hàng với xí nghiệp. Theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế như sản lượng, doanh thu, giá thành, tiền

lương...Tập hợp số liệu thống kê, thực hiện làm cơ sở để đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

- Ban tin học:

Chịu trách nhiệm trong việc mua sắm, sửa chữa các trang thiết bị văn phòng. Đào tạo cán bộ trong xí nghiệp sử dụng các trang thiết bị đó.

- Các đơn vị cơ sở trực tiếp sản xuất:

- Đội cơ giới:

Có nhiệm vụ quản lý trực tiếp các phương tiện, thiết bị được xí nghiệp trang bị phục vụ sản xuất. Tổ chức triển khai xếp dỡ, vận chuyển hàng hoá trong cảng theo các phương án xếp dỡ. Đảm bảo trạng thái kỹ thuật của các thiết bị, tham gia duy trì bảo dưỡng, bảo quản, nghiên cứu các biện pháp tiết kiệm, nhiên liệu, vật tư, khai thác thiết bị có hiệu quả, kéo dài tuổi thọ.

- Đội đế:

Quản lý cần trục của xí nghiệp, có trách nhiệm sử dụng các phương tiện, thiết bị được giao một cách có hiệu quả, năng suất cao đảm bảo các thiết bị trong tình trạng sẵn sàng phục vụ, đạt các thông số kỹ thuật an toàn.

- Đội bốc xếp:

Chịu trách nhiệm các tổ sản xuất, số lượng và thành phần phù hợp với nhiệm vụ trong tổ. Là lực lượng khá đông đảo đảm nhận công tác bốc xếp hàng hoá đáp ứng yêu cầu năng suất, chất lượng và giải phóng tàu nhanh.

- Đội vệ sinh công nghiệp:

Chịu trách nhiệm về vệ sinh cầu tàu, kho, bãi khi bị hư hỏng nhẹ. Quét dọn khu vực bãi hàng, cầu tàu, kho chứa bảo đảm vệ sinh công nghiệp tốt phục vụ khai thác, xếp dỡ hàng hoá.

- Kho CFS :

Tổ chức giao nhận hàng chủ trong container (chia lẻ). Quản lý lưu kho, bảo quản hàng hoá cho chủ hàng.

- **Đội container:**

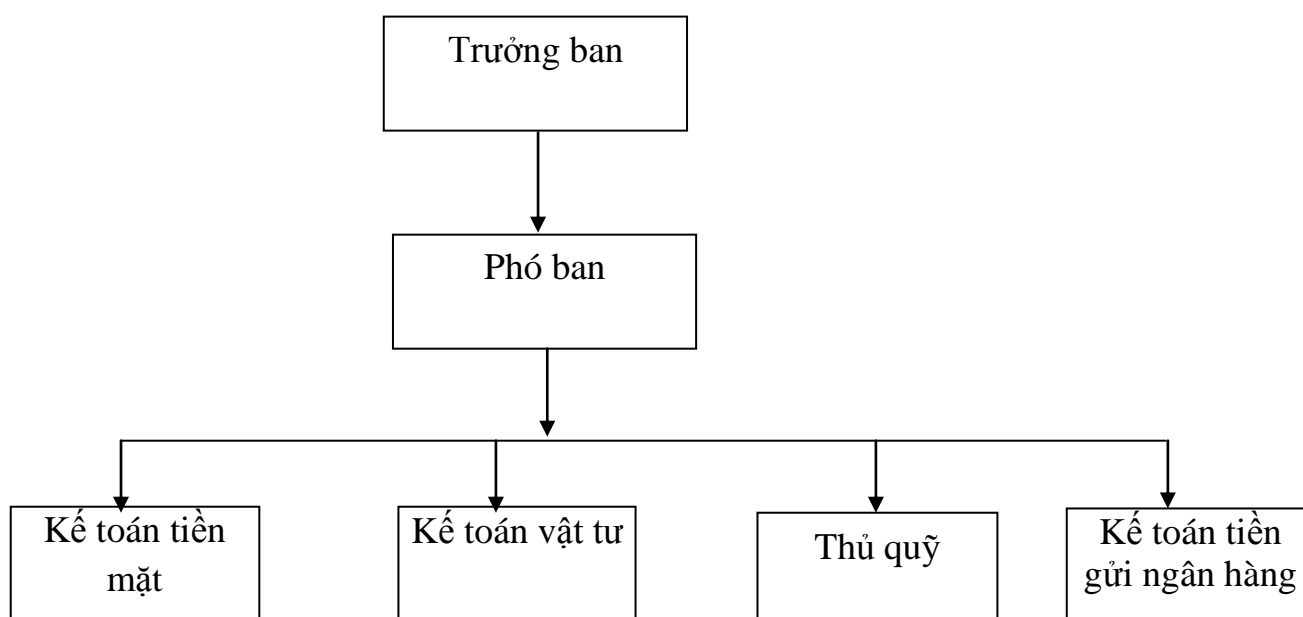
Tổ chức giao nhận hàng hoá xuất nhập qua cảng, quản lý việc sắp xếp container trên bãi thuận tiện cho chủ hàng, hãng tàu khi cần luân chuyển hàng container. Giải quyết các thủ tục giao nhận hàng tại cảng, thiết lập chứng từ, phiếu công tác để theo dõi và thanh toán. Đồng thời theo dõi chính xác thời gian container lưu bãi cho xí nghiệp.

## **2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

### **2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của xí nghiệp.**

Toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung ở ban tài chính kế toán. Tại ban tài chính kế toán, kế toán viên tiến hành kiểm tra chứng từ ban đầu, phân loại xử lý ghi sổ, hệ thống hóa số liệu, thực hiện chế độ báo cáo tài chính năm để cung cấp thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản lý tài chính và cung cấp với các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. Việc tổ chức bộ máy kế toán tại xí nghiệp tạo ra được mối quan hệ giữa các phần hành kế toán nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng thông tin và kiểm tra hoạt động kinh doanh của xí nghiệp.

Bộ máy kế toán của xí nghiệp hoạt động có hiệu quả, thu nhập thông tin nhanh chóng chính xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí được thể hiện ở sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.3 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

❖ **Nhiệm vụ, chức năng, phạm vi hoạt động cụ thể của bộ máy kế toán.**

- Tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực tài chính kế toán các chế độ chính sách về tài chính tín dụng, phương pháp và hình thức tổ chức hạch toán, kế toán.
- Quản lý và sử dụng tiền vốn các tài sản của xí nghiệp đúng mục đích, chế độ có hiệu quả. Cập nhật thông tin mới của nhà nước để sửa đổi, bổ sung kịp thời trong lĩnh vực tài chính kế toán.
- Mở sổ sách biểu mẫu kế toán và thực hiện hạch toán (lập và gửi các báo cáo) theo đúng các quy định của Cảng và Bộ tài chính quy định
- Tổ chức bộ máy kế toán trong xí nghiệp, tiến hành việc thu chi thanh quyết toán một cách có kế hoạch, vừa phục vụ tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh vừa thực hiện đúng chế độ pháp luật của nhà nước.
- Thực hiện tốt công tác tiền tệ (thu tiền hàng ngày, nộp cấp trên, cấp phát lương, thưởng cho từng bộ phận trong xí nghiệp...)

❖ **Nhiệm vụ, chức năng cụ thể của bộ máy kế toán.**

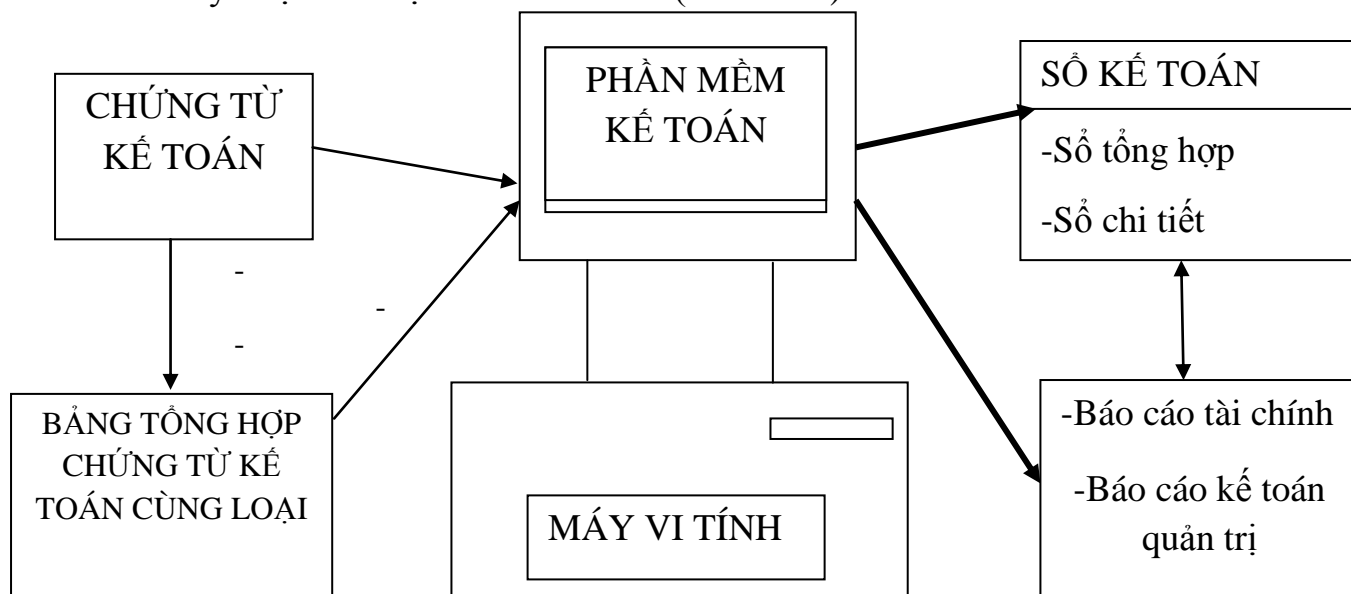
- Trưởng ban tài chính kế toán: Là người đứng đầu ban tài chính kế toán có nhiệm vụ lãnh đạo toàn ban thực hiện nghĩa vụ hạch toán theo quy định, và là người ra quyết định cho cả ban.
- Phó ban tài chính kế toán: Là người có nhiệm vụ tương đương với trưởng ban, trường hợp khi không có ý kiến từ trưởng ban có thể xin ý kiến chỉ đạo của phó ban TC-KT và phó ban có trách nhiệm theo dõi khấu hao TSCĐ tại xí nghiệp.
- Thủ quỹ: Là người có nhiệm vụ quản lý và nhập xuất tiền mặt phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, kiểm kê toàn bộ tiền mặt của công ty.
- Kế toán tiền mặt: Là người có nhiệm vụ hạch toán các vấn đề liên quan đến tiền mặt, viết các phiếu thu, phiếu chi.
- Kế toán tiền gửi ngân hàng: là người có nhiệm vụ theo dõi các khoản tiền gửi.
- Kế toán Vật tư: Là người có nhiệm vụ hạch toán vật tư.



#### 2.1.4.2 Các chính sách kế toán tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ

##### a) Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

- Xí nghiệp áp dụng hình thức kế toán máy, phần mềm kế toán Mis để hạch toán, sổ sách của phần mềm theo hình thức Nhật ký chứng từ. Trình tự ghi sổ kế toán máy được thể hiện theo sơ đồ sau (Sơ đồ 2.4):



**Sơ đồ 2.4 Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

##### **Ghi chú:**

- > : Nhập số liệu hàng ngày.
- > : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- > : Đối chiếu, kiểm tra.

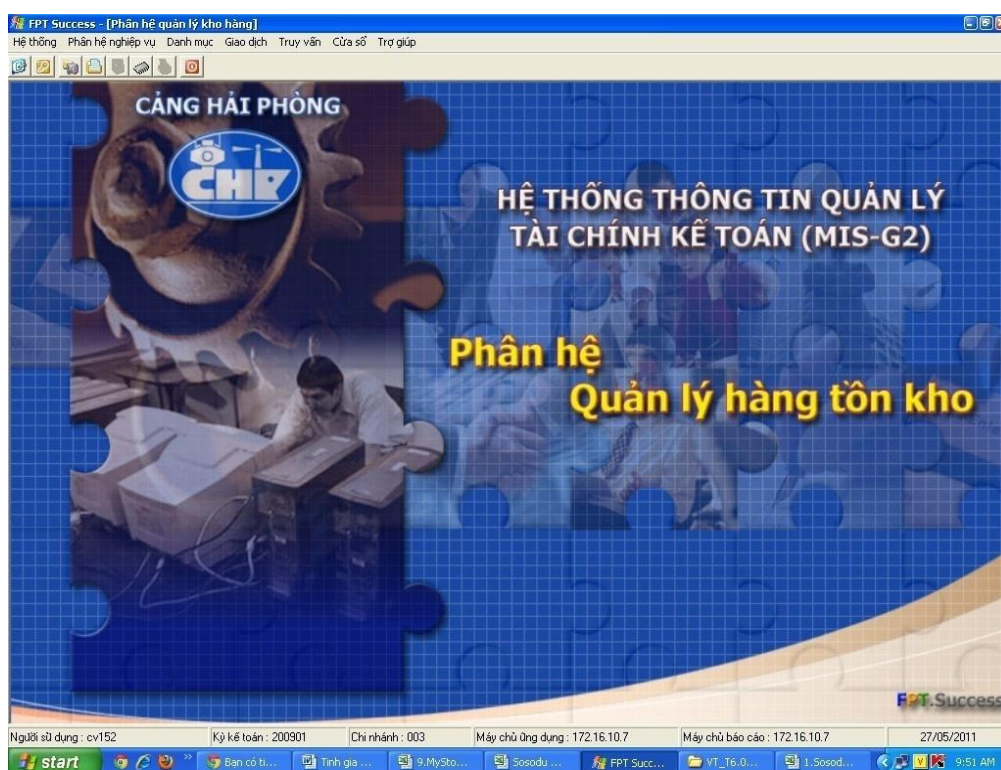
Phần mềm kế toán Mis được Cảng Hải Phòng đưa vào sử dụng từ năm 2002, được áp dụng trong tất cả các đơn vị thành viên của Cảng Hải Phòng. Phần mềm kế toán này gồm 3 phần:

- Mis-G1: Dùng để thu cước, khai thác (Áp dụng năm 2002)
- Mis-G2: Dùng để hạch toán hàng tồn kho (Áp dụng năm 2009)
- Mis-G3: Dùng để hạch toán tiền lương (Áp dụng năm 2002)

Tuy nhiên phần mềm kế toán có nhiều khuyết điểm, chạy không ổn định, không đáp ứng yêu cầu quản lý của xí nghiệp khi có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh phức tạp. Vì vậy, hiện nay xí nghiệp chỉ áp dụng phần mềm kế toán Mis-G2 (Sơ đồ 2.5) để hạch toán phần hành hàng tồn kho. Phần mềm Mis-G1, Mis-G3 không còn được sử dụng. Các phần hành kế toán còn lại xí nghiệp sử dụng Excel theo hình thức nhật ký chứng từ để hạch toán.

Phần mềm kế toán Mis-G2 dùng để hạch toán và theo dõi hàng tồn kho. Theo quy trình của phần mềm, hàng ngày khi kế toán vật tư nhận được phiếu nhập kho, phiếu lĩnh vật tư do đồng chí cán bộ cung tiêu của ban kỹ thuật vật tư chuyển lên sẽ kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ rồi vào phần mềm.

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán đều thực hiện các thao tác khóa cộng sổ và in sổ sách liên quan. Kế toán vật tư dễ dàng kiểm tra các thông tin phiếu nhập kho hoặc phiếu xuất mà không cần chứng từ gốc nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ.



***Biểu số 2.5: Giao diện phần mềm kế toán Mis-G2 để hạch toán hàng tồn kho.***

*b) Chính sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.*

- Hệ thống sổ kế toán, mẫu chứng từ và hệ thống tài khoản được thực hiện theo quyết định số 1141-TC/QĐ/CDKT ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Kế toán hàng tồn kho tại Xí nghiệp theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song.
- Kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định là phương pháp khấu hao đều.
- Xí nghiệp áp dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam.
- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

**2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ**

**2.2.1 Đặc điểm và tình hình quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

**2.2.1.1 Vai trò của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ là xí nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải: nâng hạ, bốc xếp và vận chuyển hàng hoá cho các tàu thuyền cập Cảng nên nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại xí nghiệp có đặc điểm riêng. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho chủ yếu thông qua hai nguồn chính: Mua ngoài, nhập từ các xí nghiệp nội bộ.

**2.2.1.2 Tình hình quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

Công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được thực hiện tại ban tài chính kế toán và ban kỹ thuật vật tư. Ban kỹ thuật vật tư có nhiệm vụ quản lý về mặt số lượng, chủng loại vật tư, tổ chức thu mua, quản lý hiện vật của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Ban tài chính kế toán quản lý cả về mặt số lượng và giá trị, theo dõi tình hình nhập-xuất-tồn vật tư một cách thường xuyên liên tục, cung cấp

thông tin quản lý. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được xí nghiệp quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua đến khâu sử dụng:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được nhập từ các nguồn khác nhau áp dụng đúng các thủ tục nhập kho theo quy định.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trước khi nhập kho phải được thủ kho và nhân viên của phòng vật tư kiểm tra nhằm đảm bảo về yêu cầu chất lượng. sau đó mới được viết phiếu nhập kho có chữ ký xác nhận của các bên liên quan.

Để tránh mất mát hư hỏng trong khâu bảo quản vật tư, xí nghiệp tổ chức hệ thống kho bãi đầy đủ và phân công trách nhiệm quản lý cho từng người.

## **2.2.2 Phân loại và đánh nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

### **2.2.2.1 Phân loại nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

❖ Nguyên vật liệu trong xí nghiệp được phân loại dựa chủ yếu vào nội dung kinh tế, vai trò của vật tư được phân loại thành:

➤ Nguyên vật liệu phụ: Là những nguyên liệu phục vụ cho quá trình vận chuyển bốc xếp hàng hoá.

➤ Nhiên liệu: Là các loại vật liệu phục vụ cho các phương tiện vận tải như xăng, dầu, mỡ...

- Xăng gồm nhiều loại như: Xăng A92, xăng A90...

- Dầu gồm nhiều loại như: dầu diêgen, dầu caltex, dầu shell tellus46...

➤ Phụ tùng thay thế: Là các loại phụ tùng chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa các phương tiện vận tải.

➤ Phế liệu thu hồi: Đối với các thiết bị tài sản được mua mới kèm theo các phụ tùng, nhưng trong quá trình thiết bị tài sản vận hành không phải thay, khi cần thay các phụ tùng thì thiết bị bị hỏng. Các phụ tùng được xếp vào phế liệu thu hồi.

### **2.2.2.2 Phân loại công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

❖ Công cụ dụng cụ tại xí nghiệp được phân loại gồm:

➤ Bảo hộ lao động: Quần áo, găng tay, mũ bảo hộ cho nhân viên tại bãi....

➤ Công cụ xếp dỡ dùng cho việc nâng hạ, bốc xếp hàng hóa: Thang tre, cán móc đáp, đèn pin....

### **2.2.2.3 Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ**

Để đáp ứng nhu cầu công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm đảm bảo yêu cầu chân thực thống nhất của số liệu kế toán một cách thuận tiện, Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ sử dụng giá gốc để hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho, và dùng phương pháp Nhập trước-xuất trước để tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho.

#### **❖ *Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho***

Nguyên vật liệu nhập kho của xí nghiệp chủ yếu là mua ngoài và nhập từ các xí nghiệp nội bộ.

➤ Trường hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài:

Trị giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài bao gồm: Giá mua ghi trên hóa đơn, thuế nhập khẩu phải nộp, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu phải nộp (nếu có) và các chi phí thu mua thực tế phát sinh (chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí bao bì, chi phí thu mua của bộ phận thu mua độc lập, chi phí thuê kho bãi, tiền lắp đặt, bảo quản),... số hao hụt tự nhiên trong định mức nếu có.

➤ Trường hợp nguyên vật liệu nhập từ các xí nghiệp nội bộ: Trị giá trị nhập kho của nguyên vật liệu được tính theo giá của xí nghiệp đó.

#### **❖ *Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho:***

Doanh nghiệp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho theo phương pháp nhập trước-xuất trước.

### **2.2.3 Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.**

*2.2.3.1 Chứng từ sử dụng trong công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Chùa Vẽ.*

Giấy đề nghị

Biên bản kiểm tra xác định tình hình vật tư cần thay thế

Biên bản kiểm nghiệm

Hóa đơn GTGT liên 2 (trường hợp vật tư mua ngoài nhập kho)

Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT ban hành theo quyết định số 1141-TC/QĐ/CĐKT ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính).

Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT ban hành theo quyết định số 1141-TC/QĐ/CĐKT ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính).

*2.2.3.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.*

Tài khoản sử dụng có liên quan đến việc hạch toán hàng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ gồm:

1522: Nguyên vật phụ

1523: Nhiên liệu

1524: Phụ tùng thay thế

1527: Phế liệu thu hồi

153 : Công cụ dụng cụ

**2.2.4 Thủ tục nhập kho và xuất kho trong công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

*2.2.4.1 Thủ tục nhập kho trong công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.*

❖ Trường hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài:

➤ Trước hết, tại các tổ đội sản xuất viết giấy đề nghị gửi ban kỹ thuật vật tư ký và trình lên giám đốc ký duyệt (giấy đề nghị gồm 2 liên, 1 liên gửi ban kỹ thuật vật tư, 1 liên gửi ban tài chính). Sau khi giám đốc ký duyệt cho phép mua, ban kỹ thuật vật tư lấy phiếu báo giá của một số nhà cung cấp và trình lên giám đốc duyệt giá. Sau khi giám đốc duyệt mức giá phù hợp, ban kỹ thuật vật tư cử cán bộ cung tiêu đi mua.

➤ Cán bộ cung tiêu đi mua hàng về mang hóa đơn GTGT của bên bán về xí nghiệp.

➤ Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ khi được mua về kho của xí nghiệp: Thủ kho lập biên bản kiểm nghiệm kiểm tra chất lượng, mẫu mã, xuất xứ của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo số lượng thực tế và hóa đơn GTGT. Biên bản kiểm nghiệm được xác nhận bởi cán bộ cung tiêu, trưởng ban kỹ thuật vật tư, kế toán vật tư, thủ kho, phó giám đốc. Biên bản kiểm nghiệm gồm 3 bản giao cho ban tài chính, ban kỹ thuật vật tư và thủ kho.

➤ Sau đó cán bộ cung tiêu tiến hành lập phiếu nhập kho, phiếu nhập kho gồm 3 liên:

- Một liên: Lưu tại ban vật tư
- Một liên: Chuyển lên phòng kế toán tài chính
- Một liên: Giao cho thủ kho

Cán bộ cung tiêu chỉ ghi đơn số lượng, đơn giá, trị giá nhập kho. Phần định khoản do kế toán vật tư ghi sau khi thủ tục nhập kho hoàn thành

#### Ví dụ 1:

Ngày 10 tháng 11 năm 2010 Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ mua bầu lọc ga doan HUYNDAI của công ty Cổ phần nhập khẩu thiết bị phụ tùng Hoàng Anh số lượng 15 cái trị giá 1.575.000 chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Như vậy giá nhập kho thực tế của phụ tùng này là 1.575.000. Tổ trưởng đội cơ giới viết Giấy đề nghị gửi trưởng ban vật tư ký duyệt (biểu số 2.6), cán bộ cung tiêu phụ trách đi mua mang hóa đơn GTGT số 0010802 (biểu số 2.7) đồng thời hàng về đến kho của xí nghiệp. Thủ kho viết biên bản kiểm nghiệm số 08/11 (biểu số 2.8). Cán bộ cung tiêu viết phiếu nhập kho số PN 08/11 (biểu số 2.9)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỘI CƠ GIỚI**

Mẫu: BM.12.13

Ban hành: 01/01/2004

*Hải phòng, ngày 10 tháng 11 năm 2010*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Kính gửi: - BAN KỸ THUẬT**

Để phục vụ cho công việc sửa chữa đột xuất và bảo dưỡng của các phương tiện ô tô vận chuyển, nâng hàng và cần trục của Xí nghiệp.

Kính đề nghị Trưởng ban duyệt cho mua một số vật tư sau:

| STT | TÊN VẬT TƯ – QUY CÁCH   | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------|--------|----------|---------|
| 1   | Bầu lọc ga doan HUYNDAI | Cái    | 15       |         |
|     |                         |        |          |         |

*Các vật tư trên không có trong kho Vật tư Xí nghiệp*

Giám đốc xí nghiệp

Ban kỹ thuật

Đội cơ giới

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.6 Giấy đề nghị***



| <b>HÓA ĐƠN</b>   |                         |             |                        |         | Mẫu số 01<br>GTKT-3LL |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|--|-------------------------|-------------|------------------------|---------|-----------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>  |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Liên 2: Giao khách hàng  |                         |             |                        |         | <b>QK/2010B</b>       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Ngày 10 tháng 11 năm 2010  |                         |             |                        |         | <b>0010802</b>        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thiết bị phụ tùng Hoàng Anh  |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Địa chỉ : 8/44 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - Hải Phòng   |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Số tài khoản :   |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Điện thoại : 0313.572.924 . MST:   |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">-</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> </tr> </table>  |                         |             |                        |         |                       |   | 0 | 2 | 0 | 0 | 7 | 3 | 0 | 8 | 0 | 7 | - |   |   |   |   |
| 0  | 2                       | 0           | 0                      | 7       | 3                     | 0 | 8 | 0 | 7 | - |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Họ tên người mua hàng: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.   |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Tên đơn vị :   |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Địa chỉ : Số 5 - Đường bao Trần Hưng Đạo - Quận Hải An – TP Hải Phòng  |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Số tài khoản:  |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Hình thức thanh toán : Trả chậm MST:   |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">-</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> </tr> </table> |                         |             |                        |         |                       |   | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 3 | 6 | 8 | 4 | 5 | - | 0 | 0 | 2 |
| 0  | 2                       | 0           | 0                      | 0       | 2                     | 3 | 6 | 8 | 4 | 5 | - | 0 | 0 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |
| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ   | Đơn vị tính | Số lượng               | Đơn giá | Thành tiền            |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| A  | B                       | C           | 1                      | 2       | 3 = 1 * 2             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1  | Bầu lọc ga doan HUYNDAI | Cái         | 15                     | 105.000 | 1.575.000             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <b>Cộng tiền hàng</b>  |                         |             |                        |         | 1.575.000             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <b>Thuế suất GTGT: 10%</b>   |                         |             | <b>Tiền thuế GTGT:</b> |         | 157.500               |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>  |                         |             |                        |         | 1.732.500             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| <b>Số tiền viết bằng chữ:</b> (Một triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng )  |                         |             |                        |         |                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

Người mua hàng  
(Ký, họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.7 Hóa đơn GTGT 0010802**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Mẫu số:05-VT  
Ban hành theo QĐ số: 1141 – tc/QĐ/CĐKT  
Ngày 1 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính

|                                       |
|---------------------------------------|
| Mẫu: BM.08.04<br>Ban hành: 01/02/2009 |
|---------------------------------------|

## **BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM**

( Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Hải Phòng, ngày 10 tháng 11 năm 2010 Số: 08/11

Căn cứ Quy định, quy chế quản lý vật tư số: 1159 ngày 15 tháng 05 năm 2007 của Tổng giám đốc Cảng Hải Phòng.

Biên bản kiểm nghiệm gồm:

|                           |                            |            |
|---------------------------|----------------------------|------------|
| Ông (Bà): Phùng Xuân Hà   | Phó giám đốc               | Trưởng ban |
| Ông (Bà): Nguyễn Văn Tiếp | Trưởng ban kỹ thuật vật tư | Ủy viên    |
| Ông (Bà): Nguyễn Huy Kỳ   | Cán bộ cung tiêu           | Ủy viên    |
| Ông (Bà): Đồng Thị Tín    | Thủ kho                    | Ủy viên    |
| Ông (Bà): Đặng Huy Hùng   | Kế toán vật tư             | Ủy viên    |

Đã kiểm nghiệm các loại:

| Stt | Tên, Qui cách vật tư    | Mã số   | Phương thức kiểm nghiệm | Đơn vị tính | Số lượng theo chứng từ | Kết quả kiểm nghiệm              |  | Ghi chú (xuất xứ) |
|-----|-------------------------|---------|-------------------------|-------------|------------------------|----------------------------------|--|-------------------|
|     |                         |         |                         |             |                        | Số lượng đúng qui cách phẩm chất | Số lượng không đúng qui cách phẩm chất |                   |
| 1   | Bầu lọc ga doan HUYNDAI | 3408001 |                         | Cái         |                        | 15                               |  | NHẬT BẢN          |
|     |                         |         |                         |             |                        |                                  |  |                   |
|     |                         |         |                         |             |                        |                                  |  |                   |

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng mới 100%, gồm 01 mục bằng 15 cái. Hàng đúng chủng loại, đúng xuất xứ, đảm bảo yêu cầu.

|               |               |              |                 |              |
|---------------|---------------|--------------|-----------------|--------------|
| K/toán vật tư | C/b cung tiêu | Thủ kho      | Trưởng ban KTVT | P.giám đốc   |
| (Ký, họ tên)  | (Ký, họ tên)  | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên)    | (Ký, họ tên) |

**Biểu số 2.8 Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa.**

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh  
Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG  
HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ**

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số: PN 08/11

Ngày 10 tháng 11 năm 2010

Mẫu số 6-VT

Ban hành theo QĐ số: 1141-TC/QĐ/CĐKT  
Ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính

Tên và địa chỉ người bán : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thiết bị phụ tùng Hoàng Anh Định khoản:

Hoá đơn số : 001082 ngày 10/11/2010

Nợ TK: 152

Nhập vào kho : Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Có TK: 331

Biên bản kiểm nghiệm số : 08/11 ngày 10/11/2010

| Số thứ tự | Số hiệu danh điểm | TÊN NHÃN HIỆU<br>QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU | Đơn vị tính | SỐ LƯỢNG     |              | GIÁ THÀNH THỰC TẾ |            | GIÁ K.H NHẬP KHO |            | Số thể vật liệu |
|-----------|-------------------|--|-------------|--------------|--------------|-------------------|------------|------------------|------------|-----------------|
|           |                   |  |             | Trên hoá đơn | Nhập thực tế | Giá mua           |            | Đơn giá          | Thành tiền |                 |
|           |                   |  |             |              |              | Giá đơn vị        | Thành tiền |                  |            |                 |
| 1         | 2                 | 3                                      | 4           | 5            | 6            | 7                 | 8          | 9                | 10         | 11              |
| 1         |                   | Bầu lọc ga doan HUYNDAI                | Cái         | 15           | 15           | 105.000           | 1.575.000  |                  |            |                 |
|           |                   |  |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |
|           |                   |  |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |
|           |                   |  |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |

Kế toán phiếu nhập kho này thành : 01 mặt hàng.

Thành tiền (giá trị nhập kho là một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn.....)

Kế toán vật tư

Thủ kho

Cán bộ cung tiêu

Trưởng ban tài chính kế toán

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.9 Phiếu nhập kho số PN 08/11**

Ví dụ 2:

Ngày 12 tháng 11 năm 2010, xí nghiệp mua bộ quần áo kaki dài tay tại công ty may Thái Anh. Số lượng mua 08 bộ trị giá là 1.200.000 chưa bao gồm thuế VAT (10%). Như vậy giá nhập kho của quần áo kaki là 150.000/bộ. Đội cần trực viết giấy đề nghị (biểu số 2.10), cán bộ cung tiêu đi mua mang hóa đơn GTGT số 0045075 (biểu số 2.11), thủ kho viết biên bản kiểm nghiệm số 01/11 (biểu số 2.12), cán bộ cung tiêu viết phiếu nhập kho số PN 01/11 (biểu số 2.13).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỘI BỐC XẾP**

Mẫu: BM.12.13

Ban hành: 01/01/2004

*Hải phòng, ngày 01 tháng 11 năm 2010*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Kính gửi: - BAN KỸ THUẬT**

Để phục vụ cho công việc sửa chữa đột xuất và bảo dưỡng của các phương tiện ô tô vận chuyển, nâng hàng và cần trục của Xí nghiệp.

Kính đề nghị Trưởng ban duyệt cho mua một số vật tư sau:

| STT | TÊN VẬT TƯ – QUY CÁCH   | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------|--------|----------|---------|
| 1   | Bộ quần áo kaki dài tay | Bộ     | 08       |         |
|     |                         |        |          |         |

*Các vật tư trên không có trong kho Vật tư Xí nghiệp*

Giám đốc xí nghiệp  
(Ký, họ tên)

Ban kỹ thuật  
(Ký, họ tên)

Đội bốc xếp  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.10 Giấy đề nghị***

|  |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
|--|-------------------------|-------------|----------|------------------------|------------------|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|
| <b>HÓA ĐƠN</b>   |                         |             |          | Mẫu số 01 GTKT-3LL     |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>  |                         |             |          | <b>MP/2010H</b>        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Liên 2: Giao khách hàng  |                         |             |          | <b>0045075</b>         |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Ngày 01 tháng 11 năm 2010  |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Đơn vị bán hàng: Công ty may Thái Anh  |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Địa chỉ : Số 378 Lê Thánh Tông - P.Máy Chai - Hải Phòng.   |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Số tài khoản :   |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Điện thoại : 0313.749.778 . MST:   |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">-</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> <td style="width: 20px; text-align: center;"></td> </tr> </table>  |                         |             |          | 0                      | 2                | 0       | 9 | 0 | 3 | 5 | 6 | 3 | 3 | - |   |   |   |   |  |  |  |  |
| 0  | 2                       | 0           | 9        | 0                      | 3                | 5       | 6 | 3 | 3 | - |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Họ tên người mua hàng: Chi nhánh công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng-Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.   |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Tên đơn vị :   |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Địa chỉ : Số 5 - Đường bao Trần Hưng Đạo - Quận Hải An – TP Hải Phòng  |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Số tài khoản:  |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Hình thức thanh toán : Trả chậm MST:   |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">-</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> </tr> </table> |                         |             |          | 0                      | 2                | 0       | 0 | 0 | 2 | 3 | 6 | 8 | 4 | 5 | - | 0 | 0 | 2 |  |  |  |  |
| 0  | 2                       | 0           | 0        | 0                      | 2                | 3       | 6 | 8 | 4 | 5 | - | 0 | 0 | 2 |   |   |   |   |  |  |  |  |
| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá                | Thành tiền       |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| <b>A</b>   | <b>B</b>                | <b>C</b>    | <b>1</b> | <b>2</b>               | <b>3 = 1 * 2</b> |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| 1  | Bộ quần áo kaki dài tay | Bộ          | 08       | 1.200.000              | 1.200.000        |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
|  |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
|  |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
|  |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| <b>Cộng tiền hàng</b>  |                         |             |          |                        | 1.200.000        |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| <b>Thuế suất GTGT: 10%</b>   |                         |             |          | <b>Tiền thuế GTGT:</b> |                  | 120.000 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| <b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>  |                         |             |          |                        | 1.320.000        |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| <b>Số tiền viết bằng chữ:</b> (Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)  |                         |             |          |                        |                  |         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |

Người mua hàng  
(Ký, họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.11 Hóa đơn GTGT số 0045075***

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Mẫu số: 05-VT  
Ban hành theo QĐ số: 1141 – tc/QĐ/CĐKT  
Ngày 1 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính

|                                       |
|---------------------------------------|
| Mẫu: BM.08.04<br>Ban hành: 01/02/2009 |
|---------------------------------------|

## **BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM**

( Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Hải Phòng, ngày 01 tháng 11 năm 2010 Số: 01/11

Căn cứ Quy định, quy chế quản lý vật tư số: 1159 ngày 15 tháng 05 năm 2007 của Tổng giám đốc Cảng Hải Phòng.

Biên bản kiểm nghiệm gồm:

|                           |                            |            |
|---------------------------|----------------------------|------------|
| Ông (Bà): Phùng Xuân Hà   | Phó giám đốc               | Trưởng ban |
| Ông (Bà): Nguyễn Văn Tiếp | Trưởng ban kỹ thuật vật tư | Ủy viên    |
| Ông (Bà): Nguyễn Huy Kỳ   | Cán bộ cung tiêu           | Ủy viên    |
| Ông (Bà): Đồng Thị Tín    | Thủ kho                    | Ủy viên    |
| Ông (Bà): Đặng Huy Hùng   | Kế toán vật tư             | Ủy viên    |

Đã kiểm nghiệm các loại:

| Stt | Tên, Qui cách vật tư    | Mã số   | Phương thức kiểm nghiệm | Đơn vị tính | Số lượng theo chứng từ | Kết quả kiểm nghiệm              |  | Ghi chú (xuất xứ) |
|-----|-------------------------|---------|-------------------------|-------------|------------------------|----------------------------------|--|-------------------|
|     |                         |         |                         |             |                        | Số lượng đúng qui cách phẩm chất | Số lượng không đúng qui cách phẩm chất |                   |
| 1   | Bộ quần áo kaki dài tay | 3500142 |                         | Bộ          |                        | 08                               |  | VN                |
|     |                         |         |                         |             |                        |                                  |  |                   |
|     |                         |         |                         |             |                        |                                  |  |                   |

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng mới 100%, gồm 01 mục bằng 08 cái. Hàng đúng chủng loại, đúng xuất xứ, đảm bảo yêu cầu.

|               |               |              |                 |              |
|---------------|---------------|--------------|-----------------|--------------|
| K/toán vật tư | C/b cung tiêu | Thủ kho      | Trưởng ban KTVT | P.giám đốc   |
| (Ký, họ tên)  | (Ký, họ tên)  | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên)    | (Ký, họ tên) |

**Biểu số 2.12 Biên bản kiểm nghiệm số 01/11.**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG  
HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số: PN 01/11

Ngày 01 tháng 11 năm 2010

Mẫu số 6-VT

Ban hành theo QĐ số: 1141-TC/QĐ/CĐKT  
Ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính.

Tên và địa chỉ người bán : Công ty NTHH Đức Hạnh  
Hoá đơn số : 0045075 ngày 01/11/2010  
Nhập vào kho : Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.  
Biên bản kiểm nghiệm số : 01/11 ngày 01/11/2010

Định khoản:  
Nợ TK: 152  
Có TK: 331

| Số thứ tự | Số hiệu danh điểm | TÊN NHÃN HIỆU QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU | Đơn vị tính | SỐ LƯỢNG     |              | GIÁ THÀNH THỰC TẾ |            | GIÁ K.H NHẬP KHO |            | Số thể vật liệu |
|-----------|-------------------|-------------------------------------|-------------|--------------|--------------|-------------------|------------|------------------|------------|-----------------|
|           |                   |                                     |             | Trên hoá đơn | Nhập thực tế | Giá mua           |            | Đơn giá          | Thành tiền |                 |
|           |                   |                                     |             |              |              | Giá đơn vị        | Thành tiền |                  |            |                 |
| 1         | 2                 | 3                                   | 4           | 5            | 6            | 7                 | 8          | 9                | 10         | 11              |
| 1         |                   | Bộ quần áo kaki dài tay             | Bộ          | 08           | 08           | 150.000           | 1.200.000  |                  |            |                 |
|           |                   |                                     |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |
|           |                   |                                     |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |
|           |                   |                                     |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |

Kế toán phiếu nhập kho này thành : 01 mặt hàng.

Thành tiền (Giá trị nhập kho là Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)

Kế toán vật tư  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Cán bộ cung tiêu  
(Ký, họ tên)

Trưởng ban tài chính kế toán  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.13 Phiếu nhập kho số PN 01/11**

❖ Trường hợp nhập kho nguyên vật liệu từ các xí nghiệp nội bộ:

Xí nghiệp thường nhập nguyên vật liệu là cáp cuộn tại Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu vì cáp cuộn chỉ được gia công tại Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu.

➤ Trước hết trong kho của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ hết dây cáp cuộn dưới các tổ đội sản xuất viết giấy đề nghị xin lĩnh vật tư gửi ban kỹ thuật vật tư, ban kỹ thuật vật tư ký và trình lên giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ ký duyệt. (Giấy đề nghị xin lĩnh vật tư gồm 3 liên, 1 liên gửi ban kỹ thuật vật tư, 1 liên gửi lên phòng kế toán, 1 liên giao cho nhân viên tại kho đi lĩnh vật tư mang sang Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu)

➤ Nhân viên ở kho mang giấy đề nghị xin lĩnh vật tư sang kho của Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu gặp giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu ký duyệt.

➤ Cán bộ cung tiêu của Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu viết phiếu xuất kho, thủ kho của Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu căn cứ phiếu xuất xuất dây cáp cuộn, nhân viên của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ nhận dây cáp và mang phiếu xuất kho về.

➤ Dây cáp về đến kho của xí nghiệp, thủ kho viết biên bản kiểm nghiệm gồm 3 bản trên số lượng cáp cuộn về đến kho. 1 bản thủ kho giữ, 1 bản gửi ban kỹ thuật vật tư, 1 bản gửi lên phòng kế toán.

➤ Sau đó cán bộ cung tiêu viết phiếu nhập kho gồm 3 liên. Cán bộ cung tiêu chỉ ghi số lượng vào phiếu nhập kho. Phần đơn giá trên phiếu nhập kho trong trường hợp này không được phản ánh vì đơn giá của cáp cuộn tự động cập nhập vào phần mềm sau khi Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu vào phần mềm kế toán. Phiếu nhập kho nhập nguyên vật liệu từ các xí nghiệp nội bộ không ghi phần định khoản.

Ví dụ 3:

Ngày 05 tháng 11 năm 2010 đội cần trục có nhu cầu sử dụng 3 cuộn dây cáp cuộn, nhưng dây cáp không còn trong kho xí nghiệp. Đội trưởng đội cần trục viết giấy đề nghị xin lĩnh vật tư (biểu số 2.14) được trưởng ban kỹ thuật vật tư và phó giám đốc ký duyệt. Nhân viên tại kho của xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ sang kho Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu lĩnh vật tư và mang PX 04/11 (biểu số 2.15) về. Vật tư



về đến kho, thủ kho viết biên bản kiểm nghiệm số 05/11 (biểu số 2.16). Cán bộ  
cung tiêu viết phiếu nhập kho số PN 05/11 (biểu số 2.17)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỘI CẢN TRỤC**

Mẫu: BM.12.13

Ban hành: 01/01.2004

*Hải phòng, ngày 05 tháng 11 năm 2010*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ XIN LĨNH VẬT TƯ**

**Kính gửi:** - BAN KỸ THUẬT

Để phục vụ cho công việc sửa chữa đột xuất và bảo dưỡng của các phương  
tiện ô tô vận chuyển, nâng hàng và cần trục của Xí nghiệp.

Kính đề nghị Trưởng ban duyệt cho lĩnh một số vật tư sau:

| STT | TÊN VẬT TƯ – QUY CÁCH | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------|--------|----------|---------|
| 1   | Dây cáp cuộn          | Cái    | 03       |         |
|     |                       |        |          |         |
|     |                       |        |          |         |

Giám đốc XNXD  
Chùa Vẽ  
(Ký, họ tên)

Ban vật tư  
(Ký, họ tên)

Đội cần trục  
(Ký, họ tên)

Giám đốc XNXD  
Hoàng Diệu  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.14 Giấy đề nghị.***

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG  
HẢI PHÒNG

**PHIẾU XUẤT KHO**

Mẫu số 6-VT

Ban hành theo QĐ số: 1141-TC/QĐ/CĐKT

Ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính.

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ HOÀNG DIÊU

Số: PX 04/11

Ngày 05 tháng 11 năm 2010

Định khoản:

Tên đơn vị lĩnh: Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ

Lý do lĩnh :

Lĩnh tại kho : Kho số 1.

NỢ TK:

CÓ TK:

| Danh điểm<br>vật tư | Tên, nhãn hiệu<br>Quy cách vật tư | Đơn vị<br>tính | SỐ LƯỢNG |           | Giá<br>Đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------------------|----------------|----------|-----------|---------------|------------|---------|
|                     |                                   |                | Xin lĩnh | Thực phát |               |            |         |
| 1                   | 2                                 | 3              | 4        | 5         | 6             | 7          | 8       |
|                     | Dây cáp cuộn                      | Cái            | 03       | 03        |               |            |         |
|                     |                                   |                |          |           |               |            |         |
|                     |                                   |                |          |           |               |            |         |
|                     |                                   |                |          |           |               |            |         |
|                     |                                   |                |          |           |               |            |         |

Cộng thành tiền (viết bằng chữ).....

Kế toán vật tư  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Cán bộ cung tiêu  
(Ký, họ tên)

Trưởng ban tài chính kế toán  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.15 Phiếu xuất kho số PX 04/11**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG

Mẫu số: 05-VT

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Ban hành theo QĐ số: 1141 – tc/QĐ/CĐKT

Ngày 1 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính

Mẫu: BM.08.04

Ban hành: 01/02/2009

## **BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM**

( Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Hải Phòng, ngày 05 tháng 11 năm 2010 Số: 05/11

Căn cứ Quy định, quy chế quản lý vật tư số: 1159 ngày 15 tháng 05 năm 2007 của Tổng giám đốc Cảng Hải Phòng.

Biên bản kiểm nghiệm gồm:

|                           |                            |            |
|---------------------------|----------------------------|------------|
| Ông (Bà): Phùng Xuân Hà   | Phó giám đốc               | Trưởng ban |
| Ông (Bà): Nguyễn Văn Tiếp | Trưởng ban kỹ thuật vật tư | Ủy viên    |
| Ông (Bà): Nguyễn Huy Kỳ   | Cán bộ cung tiêu           | Ủy viên    |
| Ông (Bà): Đồng Thị Tín    | Thủ kho                    | Ủy viên    |
| Ông (Bà): Đặng Huy Hùng   | Kế toán vật tư             | Ủy viên    |

Đã kiểm nghiệm các loại:

| Stt | Tên, Qui cách vật tư | Mã số | Phương thức kiểm nghiệm | Đơn vị tính | Số lượng theo chứng từ | Kết quả kiểm nghiệm              |  | Ghi chú (xuất xứ) |
|-----|----------------------|-------|-------------------------|-------------|------------------------|----------------------------------|--|-------------------|
|     |                      |       |                         |             |                        | Số lượng đúng qui cách phẩm chất | Số lượng không đúng qui cách phẩm chất |                   |
| 1   | Dây cáp cuộn         |       |                         | Cái         |                        | 03                               |  |                   |
|     |                      |       |                         |             |                        |                                  |  |                   |
|     |                      |       |                         |             |                        |                                  |  |                   |
|     |                      |       |                         |             |                        |                                  |  |                   |

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng mới 100%, gồm 01 mục bằng 03 cái. Hàng đúng chủng loại, đúng xuất xứ, đảm bảo yêu cầu.

|               |               |              |                 |              |
|---------------|---------------|--------------|-----------------|--------------|
| K/toán vật tư | C/b cung tiêu | Thủ kho      | Trưởng ban KTVT | P.giám đốc   |
| (Ký, họ tên)  | (Ký, họ tên)  | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên)    | (Ký, họ tên) |

**Biểu số 2.16 Biên bản kiểm nghiệm số 05/11**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG  
HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ**

**PHIẾU NHẬP KHO**  
Số: PN 05/11  
Ngày 05 tháng 11 năm 2010

Mẫu số 6-VT  
Ban hành theo QĐ số: 1141-TC/QĐ/CĐKT  
Ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính.

Tên và địa chỉ người bán : Xí nghiệp Xếp dỡ Hoàng Diệu

Định khoản:

Hoá đơn số :

NỢ TK:

Nhập vào kho : Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

CÓ TK:

Biên bản kiểm nghiệm số : 05/11 ngày 05/11/2010

| Số thứ tự | Số hiệu danh điểm | TÊN NHÃN HIỆU<br>QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU | Đơn vị tính | SỐ LƯỢNG     |              | GIÁ THÀNH THỰC TẾ |            | GIÁ K.H NHẬP KHO |            | Số thể vật liệu |
|-----------|-------------------|--|-------------|--------------|--------------|-------------------|------------|------------------|------------|-----------------|
|           |                   |  |             | Trên hoá đơn | Nhập thực tế | Giá mua           |            | Đơn giá          | Thành tiền |                 |
|           |                   |  |             |              |              | Giá đơn vị        | Thành tiền |                  |            |                 |
| 1         | 2                 | 3                                      | 4           | 5            | 6            | 7                 | 8          | 9                | 10         | 11              |
| 01        |                   | Dây cáp cuộn                           | Cái         | 03           | 03           |                   |            |                  |            |                 |
|           |                   |  |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |
|           |                   |  |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |

Kế toán phiếu nhập kho này thành : 01 mặt hàng.

Thành tiền (..... kế toán ghi)

Kế toán vật tư  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Cán bộ cung tiêu  
(Ký, họ tên)

Trưởng ban tài chính kế toán  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.17 Phiếu nhập kho số PN 05/11**

#### *2.2.4.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.*

➤ Trước hết, các tổ đội khi có nhu cầu sử dụng vật tư viết giấy đề nghị gửi ban kỹ thuật vật tư. Ban kỹ thuật vật tư ký và trình lên giám đốc ký duyệt. Sau khi giám đốc ký duyệt cán bộ cung tiêu viết phiếu xuất kho gồm 3 liên:

- Một liên: Gửi phòng tài chính kế toán
- Một liên: Giao cho thủ kho
- Một liên: Giữ ban kỹ thuật vật tư.

Cán bộ cung tiêu chỉ ghi số lượng xuất vào phiếu xuất kho, phần định khoản trên phiếu xuất do kế toán vật tư ghi sau khi thủ tục xuất kho hoàn thành.

➤ Thủ kho căn cứ phiếu xuất kho, xuất vật tư cho các tổ đội.

##### Ví dụ 4:

Ngày 13/11/2010 xí nghiệp xuất 02 bộ lọc ga doan HUYNDAI cho đội cơ giới. Đội trưởng đội cơ giới viết giấy đề nghị (biểu số 2.18), cán bộ cung tiêu viết phiếu xuất kho số PX 10/11 (biểu số 2.19)

##### Ví dụ 5:

Ngày 08/11/2010 xí nghiệp xuất 07 bộ quần áo kaki dài tay cho công nhân đội bốc xếp. Đội trưởng đội bốc xếp viết giấy đề nghị (biểu số 2.20), cán bộ cung tiêu viết phiếu xuất kho số PX 07/11 (biểu số 2.21)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỘI CƠ GIỚI**

Mẫu: BM.12.13

Ban hành: 01/01.2004

*Hải phòng, ngày 13 tháng 11 năm 2010*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

Kính gửi: - BAN KỸ THUẬT

Để phục vụ cho công việc sửa chữa đột xuất và bảo dưỡng của các phương tiện ô tô vận chuyển, nâng hàng và cần trục của Xí nghiệp.

Kính đề nghị Ban kỹ thuật xuất kho một số vật tư sau:

| STT | TÊN VẬT TƯ – QUY CÁCH   | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------|--------|----------|---------|
| 1   | Bầu lọc ga doan HUYNDAI | Cái    | 02       |         |
|     |                         |        |          |         |
|     |                         |        |          |         |

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Ban vật tư  
(Ký, họ tên)

Đội cơ giới  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.18 Giấy đề nghị.***

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh  
Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

**ĐỘI CƠ GIỚI**

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: PX 10/11

Ngày 13 tháng 11 năm 2010

Mẫu số 6-VT

Ban hành theo QĐ số: 1141-TC/QĐ/CĐKT

Ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính

Định khoản:

Tên đơn vị lãnh: Đội cơ giới

Lý do lãnh : Bảo dưỡng xe

Lĩnh tại kho : Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Chùa Vẽ.

NỢ TK: 627

CÓ TK: 152.4

| Danh điểm<br>vật tư | Tên, nhãn hiệu<br>Quy cách vật tư | Đơn vị<br>Tính | SỐ LƯỢNG |           | Giá<br>Đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------------------|----------------|----------|-----------|---------------|------------|---------|
|                     |                                   |                | Xin lĩnh | Thực phát |               |            |         |
| 1                   | 2                                 | 3              | 4        | 5         | 6             | 7          | 8       |
|                     | Bầu lọc ga doan HUYNDAI           | Cái            | 02       | 02        |               |            |         |
|                     |                                   |                |          |           |               |            |         |
|                     |                                   |                |          |           |               |            |         |
|                     |                                   |                |          |           |               |            |         |
|                     | Tổng cộng                         |                |          |           |               |            |         |

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): .....

Kế toán vật tư  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Cán bộ cung tiêu  
(Ký, họ tên)

Trưởng ban tài chính kế toán  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.19 Phiếu xuất kho số PX 10/11.***

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỘI BỐC XẾP**

Mẫu: BM.12.13

Ban hành: 01/01.2004

*Hải phòng, ngày 08 tháng 11 năm 2010*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Kính gửi: - BAN KỸ THUẬT**

Để phục vụ cho công việc sửa chữa đột xuất và bảo dưỡng của các phương tiện ô tô vận chuyển, nâng hàng và cần trục của Xí nghiệp.

Kính đề nghị Ban kỹ thuật xuất kho một số vật tư sau:

| STT | TÊN VẬT TƯ – QUY CÁCH   | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------|--------|----------|---------|
| 1   | Bộ quần áo kaki dài tay | Cái    | 07       |         |
|     |                         |        |          |         |
|     |                         |        |          |         |

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Ban vật tư  
(Ký, họ tên)

Đội bốc xếp  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.20 Giấy đề nghị.***



*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh  
Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ  
**ĐỘI CƠ GIỚI**

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: PX 07/11

*Ngày 08 tháng 11 năm 2010*

Mẫu số 6-VT  
Ban hành theo QĐ số: 1141-TC/QĐ/CĐKT  
Ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính

Định khoản:

NỢ TK: 627

CÓ TK: 153

Tên đơn vị lĩnh: **Đội cơ giới**

Lý do lĩnh : **Phát trang phục cho công nhân bốc xếp**

Lĩnh tại kho : **Vật tư Chùa Vẽ.**

| Danh điểm vật tư | Tên, nhãn hiệu Quy cách vật tư | Đơn vị Tính | SỐ LƯỢNG |           | Giá Đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|------------------|--------------------------------|-------------|----------|-----------|------------|------------|---------|
|                  |                                |             | Xin lĩnh | Thực phát |            |            |         |
| 1                | 2                              | 3           | 4        | 5         | 6          | 7          | 8       |
|                  | Bộ quần áo kaki dài tay        | Bộ          | 07       | 07        |            |            |         |
|                  |                                |             |          |           |            |            |         |
|                  |                                |             |          |           |            |            |         |
|                  |                                |             |          |           |            |            |         |

Cộng thành tiền (viết bằng chữ):.....

Kế toán vật tư  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Cán bộ cung tiêu  
(Ký, họ tên)

Trưởng ban tài chính kế toán  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.21 Phiếu xuất kho số PX 07/11.***

### **2.2.5 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

Sổ sách sử dụng trong kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ bao gồm: Thẻ kho, Sổ chi tiết nhập kho, sổ chi tiết xuất kho, báo cáo tổng hợp nhập-xuất-tồn theo kho hàng.

❖ Đối với thẻ kho:

- Căn cứ vào thẻ kho: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Tại kho: Hàng ngày thủ kho nhận được phiếu nhập kho, phiếu xuất kho thủ kho kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ rồi ghi số thực nhập, số thực xuất vào thẻ kho. Đến cuối ngày rút ra số dư cuối ngày để ghi vào cột tồn kho. Thẻ kho mở cho từng danh điểm vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Cuối tháng gửi thẻ kho lên phòng kế toán. Cụ thể như sau:

Căn cứ phiếu nhập kho số PN 08/11 và Phiếu xuất kho số PX 10/11 thủ kho vào thẻ kho số 03/2011 của bầu lọc ga doan HUYNDAI (biểu số 2.22)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH  
VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 6-VT  
Thẻ số: 03/2011  
Trang số: 01  
Ngày lập thẻ: 01/11/2010  
Kế toán trưởng

## THẺ KHO

- Tên vật liệu: Bàu lọc ga doan HUYNDAI
- Quy cách:
- Đơn vị tính: Cái

| Ngày tháng năm    | CHỨNG TỪ SỐ     |                 | DIỄN GIẢI                   | SỐ LƯỢNG  |           |           | Kiểm tra |
|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|----------|
|                   | Nhập            | Xuất            |                             | Nhập      | Xuất      | Còn lại   |          |
|                   |                 |                 | Số dư 1/11                  |           |           | 10        |          |
| 02/11/2010        |                 | PX 01/11        | Xuất kho đội cơ giới        |           | 02        | 08        |          |
| 06/11/2010        |                 | PX 05/11        | Xuất kho cho đội cơ giới    |           | 02        | 06        |          |
| <b>10/11/2010</b> | <b>PN 08/11</b> |                 | <b>Nhập kho mua ngoài</b>   | <b>15</b> |           | <b>21</b> |          |
| <b>13/11/2010</b> |                 | <b>PX 10/11</b> | <b>Xuất kho đội cơ giới</b> |           | <b>02</b> | <b>19</b> |          |
| 20/11/2010        |                 | PX 15/11        | Xuất kho đội cơ giới        |           | 01        | 18        |          |
| 25/11/2010        |                 | PX 20/11        | Xuất kho đội cơ giới        |           | 01        | 17        |          |
|                   |                 |                 | Cộng PS                     | 15        | 08        |           |          |
|                   |                 |                 | Dư cuối kỳ                  |           |           | 17        |          |

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.22 Thẻ kho bàu lọc ga doan HUYND***

Căn cứ phiếu nhập kho số PN 01/11 và phiếu xuất kho số PX 07/11 thủ kho vào  
thẻ kho của bộ quần áo kaki dài tay (biểu số 2.23)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH  
VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 6-VT  
Thẻ số: 03/2011  
Trang số: 01  
Ngày lập thẻ: 01/11/2010  
Kế toán trưởng

## THẺ KHO

- Tên vật liệu: Bộ quần áo kaki dài tay
- Quy cách:
- Đơn vị tính: Bộ

| Ngày<br>tháng<br>năm | CHỨNG TỪ SỐ     |                 | DIỄN GIẢI                   | SỐ LƯỢNG  |           |            | Kiểm<br>tra |
|----------------------|-----------------|-----------------|-----------------------------|-----------|-----------|------------|-------------|
|                      | Nhập            | Xuất            |                             | Nhập      | Xuất      | Còn<br>lại |             |
|                      |                 |                 | Số dư 01/11                 |           |           | 0          |             |
| <b>01/11/2010</b>    | <b>PN 01/11</b> |                 | <b>Nhập kho mua ngoài</b>   | <b>08</b> |           | <b>08</b>  |             |
| <b>08/11/2010</b>    |                 | <b>PX 07/11</b> | <b>Xuất kho đội bốc xếp</b> |           | <b>07</b> | <b>01</b>  |             |
|                      |                 |                 | Cộng PS                     | 08        | 07        |            |             |
|                      |                 |                 | Dư cuối kỳ                  |           |           | 01         |             |
|                      |                 |                 |                             |           |           |            |             |
|                      |                 |                 |                             |           |           |            |             |
|                      |                 |                 |                             |           |           |            |             |

*Thủ kho*

*(Ký, họ tên)*

*Kế toán trưởng*

*(Ký, họ tên)*

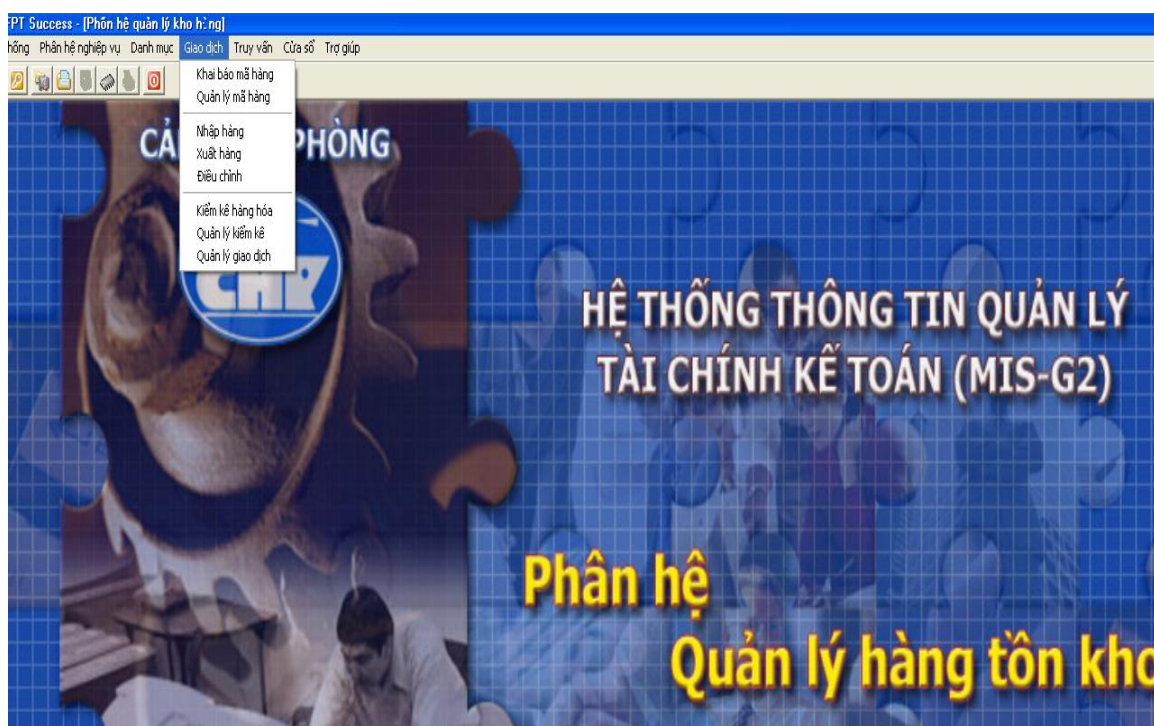
***Biểu số 2.23 Thẻ kho bộ quần áo kaki dài tay***

➤ Tại phòng kế toán: Hàng ngày sau khi thủ tục nhập xuất vật tư hoàn thành. Cán bộ cung tiêu gửi phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và các giấy tờ liên quan cho kế toán vật tư. Kế toán vật tư tiến hành kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ rồi vào phần mềm kế toán.

➤ Đến cuối tháng, kế toán vật tư sẽ vào phần mềm để kiểm tra số chi tiết vật tư và báo cáo tổng hợp theo kho hàng cụ thể như sau:

Căn cứ vào phiếu nhập kho số PN 08 21/11 kế toán vật tư vào phần mềm kế toán. Các bước lần lượt là:

Nhấn chuột vào biểu tượng Mis-G2 trên màn hình, nhập mật khẩu của người sử dụng nhấn “enter”. Màn hình hiện ra giao diện của Mis-G2, trên giao diện hiện ra các danh mục: Hệ thống, phân hệ nghiệp vụ, danh mục, giao dịch, truy vấn, cửa sổ, trợ giúp. Chọn phần giao dịch, chọn nhập hàng (biểu số 2.24)



*Biểu số 2.24 Hình ảnh vào đường dẫn giao dịch hành hoá*

Màn hình hiện ra thông tin lô giao dịch (biểu số 2.25)

Thông tin lô giao dịch

Số lô: [ ] Kỳ kế toán: [ ] Tổng tiền: [ ]  
Loại tiền: VND Tỷ giá: 1 Nguyên tệ: [ ]  
Ngày nhập kho: 01/11/2010 Số hóa đơn: [ ] Loại thuế: [ ]  
Ngày chứng từ: 01/11/2010 Ký hiệu hóa đơn: [ ] Số tiền thuế: [ ]  Tự động tính thuế  
Nhóm kho: [ ] Tài khoản có: [ ] Tài khoản thuế: [ ]  
Kho: [ ] Tài khoản nợ: [ ] TK Khác: [ ]  Nợ/Có  
Số phiếu nhập: [ ] Nhà cung cấp: [ ] Số tiền khác: [ ]  
Số biên bản NT: [ ] Lý do nhập: [ ]

| Số TT | Mã hàng hóa | Tên hàng hóa | Số lượng | Đ/v tính | Đơn giá | Thành tiền | S |
|-------|-------------|--------------|----------|----------|---------|------------|---|
| *     |             |              |          |          |         |            |   |

Kế thừa BB N/Thu Phiếu hạch toán Phiếu lĩnh Thêm mới Duyệt In CT Đóng

Ghi tạm thời F6 - Thêm mới đơn hàng F7 - Chi tiết đơn hàng F8 - Xoá đơn hàng

**Biểu số 2.25 Hình ảnh khai báo nhập hàng**

Các thông tin được nhập lần lượt như sau:

Kỳ kế toán: 201011 (được hiểu là tháng 11 năm 2010)

Ngày nhập kho: Nhập 10/11/2011

Ngày chứng từ: Nhập 10/11/2011

Nhóm kho: Nhấn F4, màn hình hiện ra nhóm kho (biểu số 2.26), chọn mã 4012.

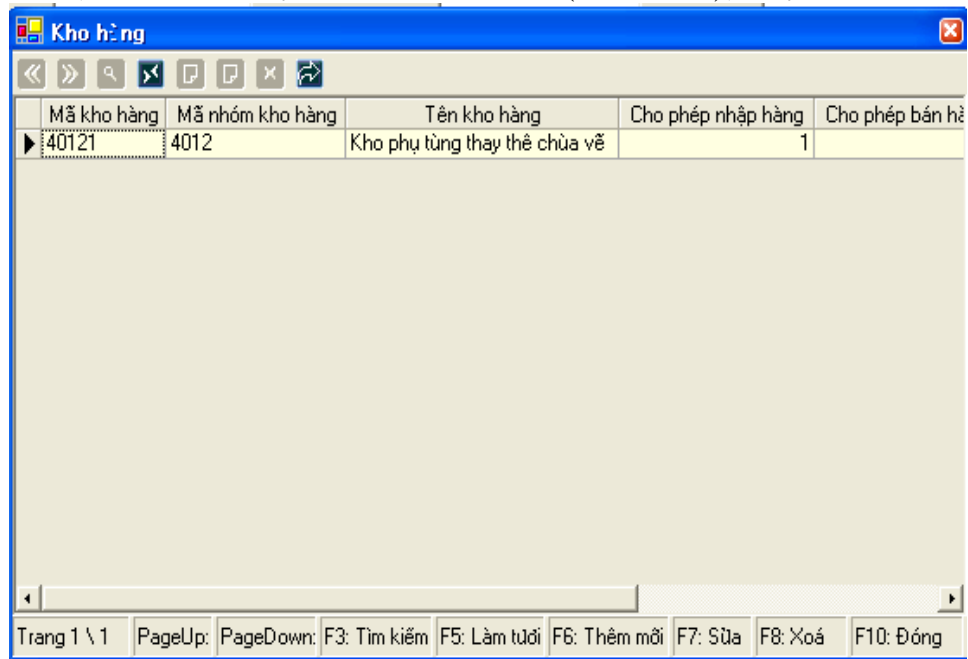
Nhóm kho

| Mã nhóm kho hàng | Tên nhóm kho hàng            | Địa chỉ | Xí nghiệp | Ghi chú | Mã tài khoản | Lớp hàng hó |
|------------------|------------------------------|---------|-----------|---------|--------------|-------------|
| 2012             | Kho vật liệu phụ tại chùa vẽ |         | 003       |         | 1522000000   | 2           |
| 3012             | Kho nhiên liệu tại chùa vẽ   |         | 003       |         | 1523000000   | 3           |
| 4012             | Kho phụ tùng thay thế tại CV |         | 003       |         | 1524000000   | 4           |
| 5012             | Kho công cụ, dụng cụ tại CV  |         | 003       |         | 1530000000   | 5           |

Trang 1 \ 1 PageUp: PageDown: F3: Tìm kiếm F5: Làm tươi F6: Thêm mới F7: Sửa F8: Xoá F10: Đóng

**Biểu số 2.26 hình ảnh đường dẫn vào nhóm kho.**

Kho: Nhấn F4, màn hình hiện ra hình ảnh kho (biểu 2.27), chọn kho 40121.



**Biểu số 2.27 Hình ảnh đường dẫn vào kho hàng.**

Số phiếu nhập: Nhập PN 08/11

Số biên bản NT: Nhập 08/11

Số hóa đơn: Nhập 001082

Ký hiệu hóa đơn: Nhập QK/2010B

Tài khoản có: Nhập 331

Nhà cung cấp: Nhấn F4 màn hình hiện ra bảng mã khách hàng (biểu số 2.28)

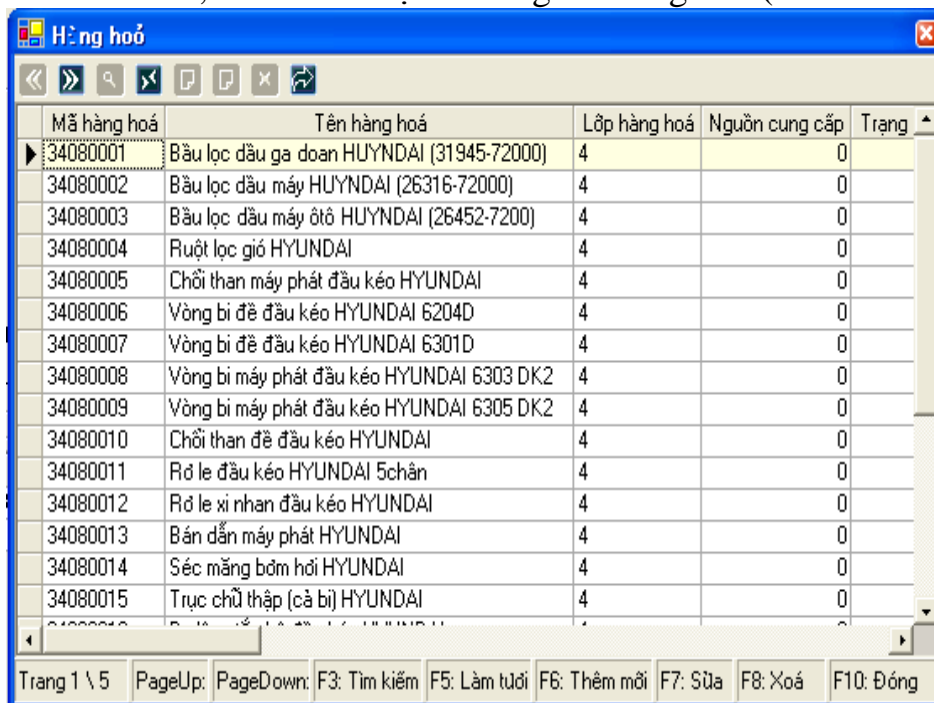
| Mã đối tượng phải trả | Tên đối tượng phải trả                                 | Mã nhóm đối tượng phải trả |
|-----------------------|--|----------------------------|
| 101000013             | Cty CP Cảng Đoàn Xá                                    | 101                        |
| 101000014             | Công ty môi trường đô thị Hải Phòng                    | 101                        |
| 101000015             | Cung văn hoá lao động hữu nghị việt tiếp               | 101                        |
| 10100001              | Ngân hàng Hàng Hải                                     | 101                        |
| 10100002              | Bưu điện Hải Phòng                                     | 101                        |
| 10100003              | Công ty TNHH nhà nước một thành viên Bưu chính Viettel | 101                        |
| 10100004              | Công ty TNHH Đức Triệu                                 | 101                        |
| 10100005              | Báo an ninh Hải Phòng                                  | 101                        |
| 10100006              | CN Điện Ngô Quyền                                      | 101                        |
| 10100007              | Công ty cấp nước Hải Phòng                             | 101                        |
| 10100008              | Điện lực Hồng Bàng                                     | 101                        |
| 10100011              | Công ty chế biến và kinh doanh than HP                 | 101                        |
| 10100012              | Công ty bảo hiểm TP HCM                                | 101                        |
| 10100018              | Công ty phát hành sách HP                              | 101                        |
| 10100019              | Trung tâm thiết bị tài chính                           | 101                        |

**Biểu số 2.28 Hình ảnh đường dẫn chọn danh mục tài khoản tên khách hàng**

Chọn Công ty TNHH Hoàng Anh mã là 1020021

Loại thuế: Nhập 03 (10%)

Mã hàng hoá: Nhấn F4, màn hình hiện ra bảng mã hàng hóa (biểu số 2.29).



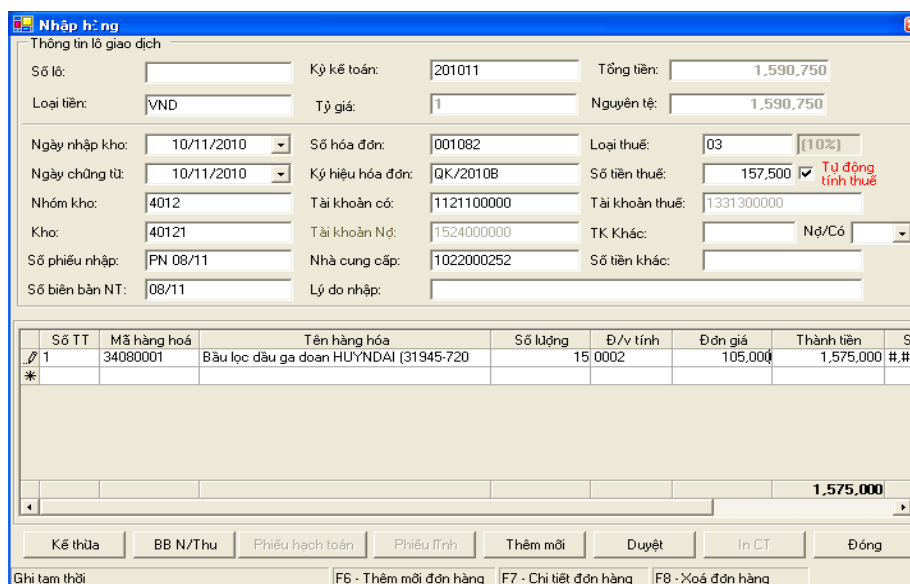
**Biểu số 2.29 Hình ảnh đường dẫn chọn mã hàng hóa**

Số lượng: Nhấn 15.

Đơn vị tính: 002 (cái)

Đơn giá: Nhấn 105.000

Kết thúc nhấn “duyet”. Thông tin lô giao dịch đã được nhập hoàn tất (biểu số 2.30).



**Biểu số 2.30 Hình ảnh khai báo nhập hàng hoàn thành.**

Màn hình hiện ra Phiếu nhập kho số PN 08/11 (biểu số 2.31)



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG  
HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ**

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số: PN 08/11

*Ngày 10 tháng 11 năm 2010*

Mẫu số 6-VT

Ban hành theo QĐ số: 1141-TC/QĐ/CĐKT  
Ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính

Tên và địa chỉ người bán : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thiết bị phụ tùng Hoàng Anh Định khoản:

Hoá đơn số : 001082 ngày 10/11/2010

Nợ TK: 152

Nhập vào kho : Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

Có TK: 112

Biên bản kiểm nghiệm số : 08/11 ngày 10/11/2010

| Số thứ tự | Số hiệu danh điểm | TÊN NHÃN HIỆU<br>QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU | Đơn vị tính | SỐ LƯỢNG     |              | GIÁ THÀNH THỰC TẾ |            | GIÁ K.H NHẬP KHO |            | Số thẻ vật liệu |
|-----------|-------------------|--|-------------|--------------|--------------|-------------------|------------|------------------|------------|-----------------|
|           |                   |  |             | Trên hoá đơn | Nhập thực tế | Giá mua           |            | Đơn giá          | Thành tiền |                 |
|           |                   |  |             |              |              | Giá đơn vị        | Thành tiền |                  |            |                 |
| 1         | 2                 | 3                                      | 4           | 5            | 6            | 7                 | 8          | 9                | 10         | 11              |
| 1         |                   | Bầu lọc ga doan<br>HUYNDAI             | Cái         | 15           | 15           | 105.000           | 1.575.000  |                  |            |                 |
|           |                   |  |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |
|           |                   |  |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |
|           |                   |  |             |              |              |                   |            |                  |            |                 |

Kế toán phiếu nhập kho này thành : 01 mặt hàng.

Thành tiền (giá trị nhập kho là một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn.....)

Kế toán vật tư  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

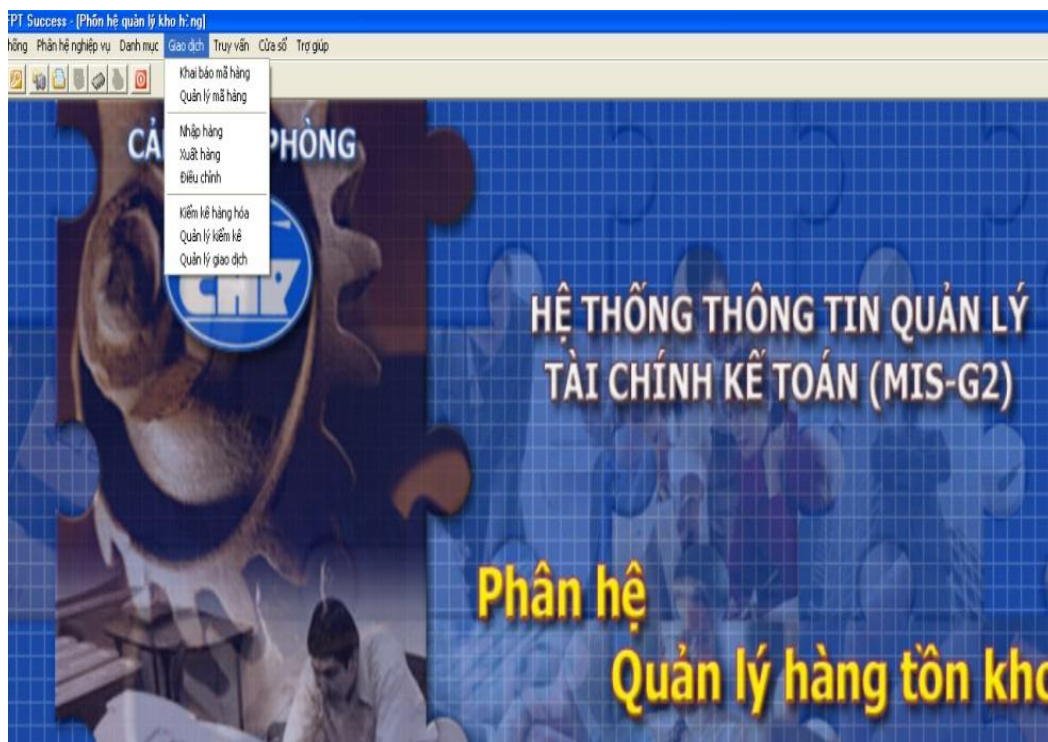
Cán bộ cung tiêu  
(Ký, họ tên)

Trưởng ban tài chính kế toán  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.31 Phiếu nhập kho số P N 08/11***

Căn cứ phiếu xuất kho số PX 10/11, các bước vào phần mềm kế toán lần lượt thực hiện như sau:

Nhấn chuột xuất hàng trong giao dịch hàng hóa (biểu số 2.32)



***Biểu số 2.32 Hình ảnh đường dẫn chọn xuất hàng***

Kỳ kế toán: Nhấn 201011 (được hiểu là tháng 11 năm 2010)

Số phiếu xuất: Nhấn PX 10/11

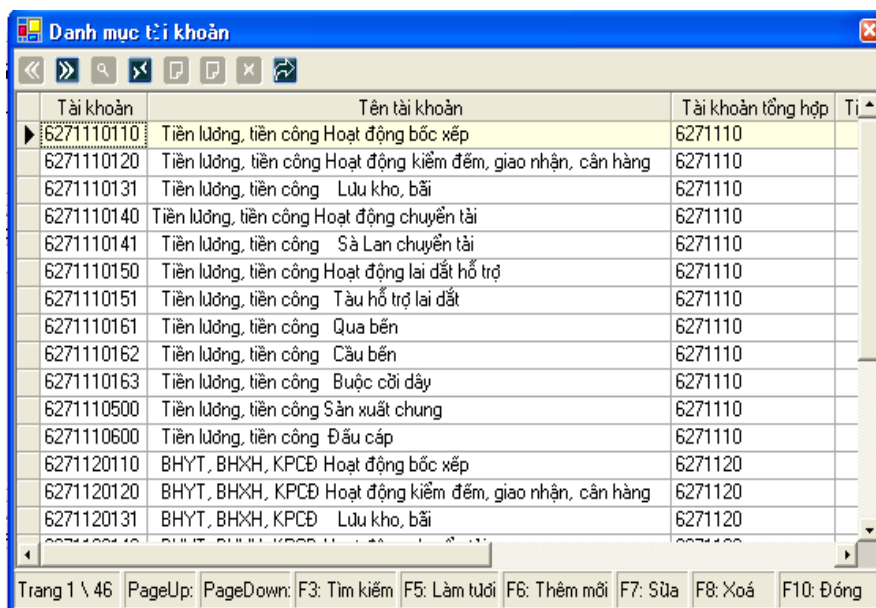
Ngày xuất kho: Nhấn 13/11/2010

Ngày chứng từ: Nhấn 13/11/2010

Nhóm kho: Nhấn tương tự như phần nhập hàng, chọn nhóm kho 4012

Kho: Nhấn tương tự như phần nhập hàng, chọn kho 40121

Tài khoản nợ: Nhấn F4, màn hình hiện ra bảng mã tài khoản nợ (biểu số 2.33)



**Biểu số 2.33 Hình ảnh đường dẫn chọn danh mục tài khoản nợ**

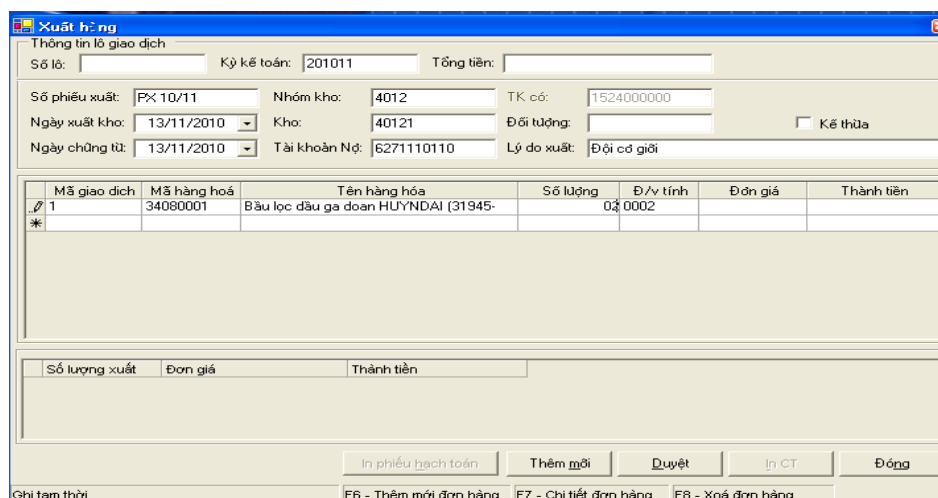
Chọn tài khoản: 627110110

Lý do xuất: Nhân đội cơ giới

Mã hàng hóa: Nhân tương tự như phần nhập hàng

Số lượng: Nhân 02

Đ/vị tính: Nhân tương tự như phần nhập hàng. Các bước khai báo xuất hàng hoàn tất (biểu số 2.34)



**Biểu số 2.34 Hình ảnh khai báo thông tin xuất hàng hoàn thành**

Màn hình hiện ra Phiếu xuất kho số PX 10/11 (biểu số 2.35)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI  
PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XÉP DỠ CHÙA VẼ  
**ĐỘI CƠ GIỚI**

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Số: PX 10/11  
Ngày 13 tháng 11 năm 2010

Mẫu số 6 – VT  
QĐ. Liên bộ TCKT – TC  
Số 583 LB ngày 1-9-1967

Định khoản:

Tên đơn vị lãnh: Đội cơ giới

Lý do lãnh : Bảo dưỡng xe

Lãnh tại kho : Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Chùa Vẽ.

NỢ TK: 627

CÓ TK: 152.4

| Danh điểm<br>vật tư | Tên, nhãn hiệu<br>Quy cách vật tư | Đơn vị<br>Tính | SỐ LƯỢNG |           | Giá<br>Đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------------------|----------------|----------|-----------|---------------|------------|---------|
|                     |                                   |                | Xin lĩnh | Thực phát |               |            |         |
| 1                   | 2                                 | 3              | 4        | 5         | 6             | 7          | 8       |
|                     | Bầu lọc ga doan HUYNDAI           | Cái            | 02       | 02        | 105.000       | 210.000    |         |
|                     |                                   |                |          |           |               |            |         |
|                     |                                   |                |          |           |               |            |         |
|                     | Tổng cộng                         |                |          |           |               |            |         |

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): .....

Kế toán vật tư  
(Ký, họ tên)

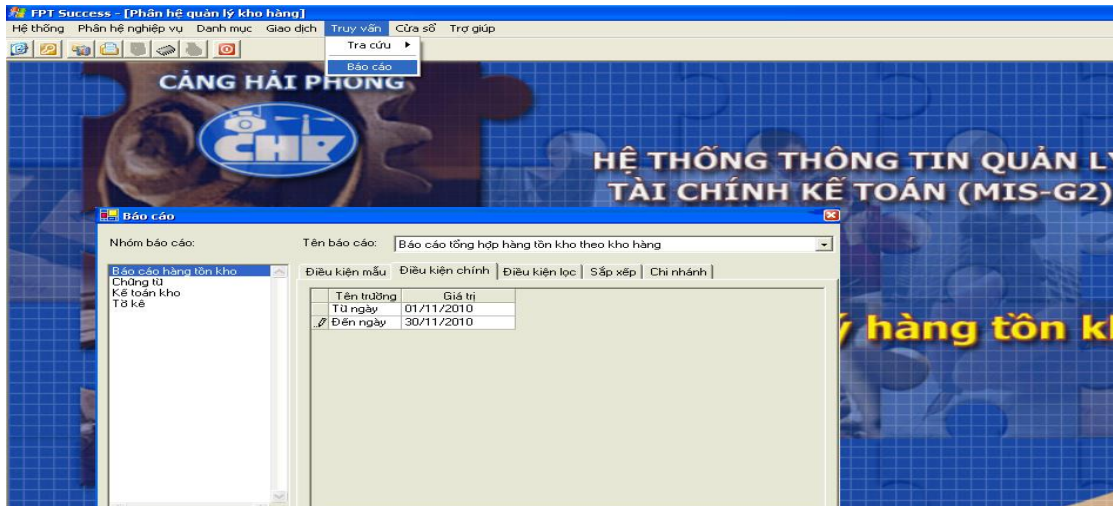
Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Cán bộ cung tiêu  
(Ký, họ tên)

Trưởng ban tài chính kế toán  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.35 Phiếu xuất kho số PX 10/11 .***

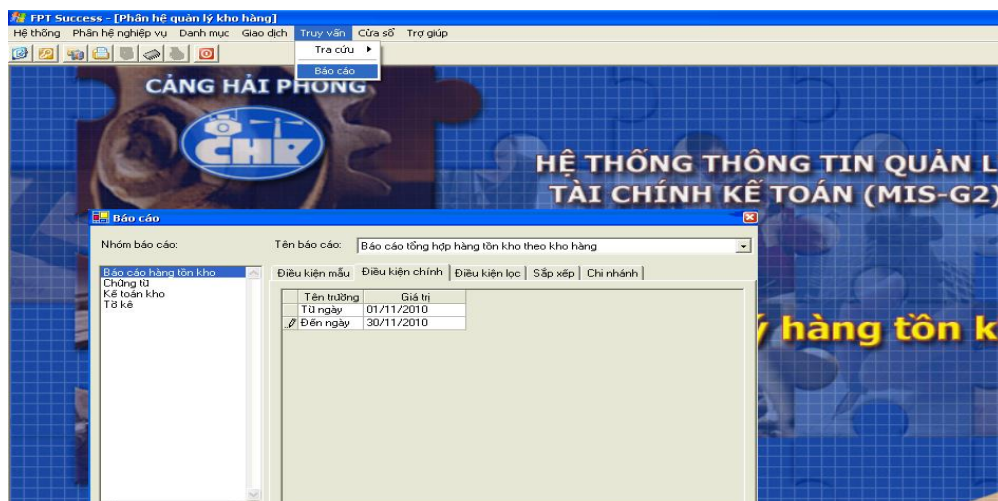
Cuối tháng kế toán vật tư tiến hành kiểm tra sổ chi tiết vật tư và báo cáo tổng hợp tồn kho theo kho hàng. Nhấn truy vấn, chọn báo cáo (biểu số 2.36). Nhấn tên báo cáo là sổ chi tiết bầu lọc ga doan HUYNDAI. Điền thông tin tên trường từ ngày 01/11/2010 đến 30/11/2010, kết thúc nhấn xem báo cáo



**Biểu số 2.36 Hình ảnh lựa chọn xem sổ chi tiết**

Màn hình hiện ra sổ chi tiết vật liệu của bầu lọc ga doanh HUYDAI (biểu số 2.37).

Tương tự nhấn tên báo cáo là sổ chi tiết bộ quần áo kaki dài tay (biểu số 2.38)



**Biểu số 2.38 Hình ảnh lựa chọn xem sổ chi tiết bộ quần áo kaki dài tay**

Màn hình hiện ra sổ chi tiết bộ quần áo kaki dài tay (biểu số 2.39)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ**

Tháng 11 năm 2010

TK: 152.4 Tên kho: Phụ tùng

Tên vật liệu: Bàu lọc ga doan HUYNDAI

Đơn vị tính: Cái

| Chứng từ        |                   | Diễn giải              | TK<br>ĐƯ     | ĐG             | NHẬP      |                  | XUẤT      |                | TÒN       |                  |
|-----------------|-------------------|------------------------|--------------|----------------|-----------|------------------|-----------|----------------|-----------|------------------|
| SH              | NT                |                        |              |                | SL        | Thành tiền       | SL        | Thành tiền     | SL        | Thành tiền       |
|                 |                   | Số dư ĐK               |              | 105.000        |           |                  |           | 10             | 1.050.000 |                  |
|                 |                   | Phát sinh trong kỳ     |              |                |           |                  |           |                |           |                  |
| PX 01/11        | 02/11/2010        | Xuất kho đội CG        | 627          | 105.000        |           |                  | 02        | 210.000        | 08        | 840.000          |
| PX 05/11        | 06/11/2010        | Xuất kho đội CG        | 627          | 105.000        |           |                  | 02        | 210.000        | 06        | 630.000          |
| <b>PN 08/11</b> | <b>10/11/2010</b> | <b>Mua ngoài NK</b>    | <b>152.4</b> | <b>105.000</b> | <b>15</b> | <b>1.575.000</b> |           |                | <b>21</b> | <b>2.205.000</b> |
| <b>PX 10/11</b> | <b>13/11/2010</b> | <b>Xuất kho đội CG</b> | <b>627</b>   | <b>105.000</b> |           |                  | <b>02</b> | <b>210.000</b> | <b>19</b> | <b>1.995.000</b> |
| PX 15/11        | 20/11/2010        | Xuất kho đội CG        | 627          | 105.000        |           |                  | 01        | 105.000        | 18        | 1.890.000        |
| PX 20/11        | 25/11/2010        | Xuất kho đội CG        | 627          | 105.000        |           |                  | 01        | 105.000        | 17        | 1.785.000        |
|                 |                   | Cộng PS                |              |                | 15        | 1.575.000        | 08        | 840.000        |           |                  |
|                 |                   | Tồn                    |              |                |           |                  |           |                | 17        | 1.785.000        |

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.37 Sổ chi tiết bàu lọc ga doan HUYNDAI***

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG

XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ**

Tháng 11 năm 2010

TK: 153 Tên kho: Công cụ dụng cụ

Tên vật liệu: Bộ quần áo kaki dài tay

Đơn vị tính: Bộ

| Chứng từ |            | Diễn giải           | TK<br>ĐU | ĐG      | NHẬP |            | XUẤT |            | TỔN |            |
|----------|------------|---------------------|----------|---------|------|------------|------|------------|-----|------------|
| SH       | NT         |                     |          |         | SL   | Thành tiền | SL   | Thành tiền | SL  | Thành tiền |
|          |            | Tồn đầu kỳ          |          |         |      |            |      |            |     | -          |
|          |            | Phát sinh trong kỳ  |          |         |      |            |      |            |     |            |
| PN 01/11 | 01/11/2010 | Mua ngoài nhập kho  | 153      | 150.000 | 08   | 1.200.000  |      |            | 08  | 1.2000.000 |
| PX 07/11 | 08/11/2010 | Xuất kho cho đội BX | 627      | 150.000 |      |            | 07   | 1.050.000  | 01  | 150.000    |
|          |            |                     |          |         |      |            |      |            |     |            |
|          |            |                     |          |         |      |            |      |            |     |            |
|          |            |                     |          |         |      |            |      |            |     |            |
|          |            |                     |          |         |      |            |      |            |     |            |
|          |            | Cộng PS             |          |         | 08   | 1.2000.000 | 07   | 1.050.00   |     |            |
|          |            | Tồn                 |          |         |      |            |      |            | 01  | 150.000    |

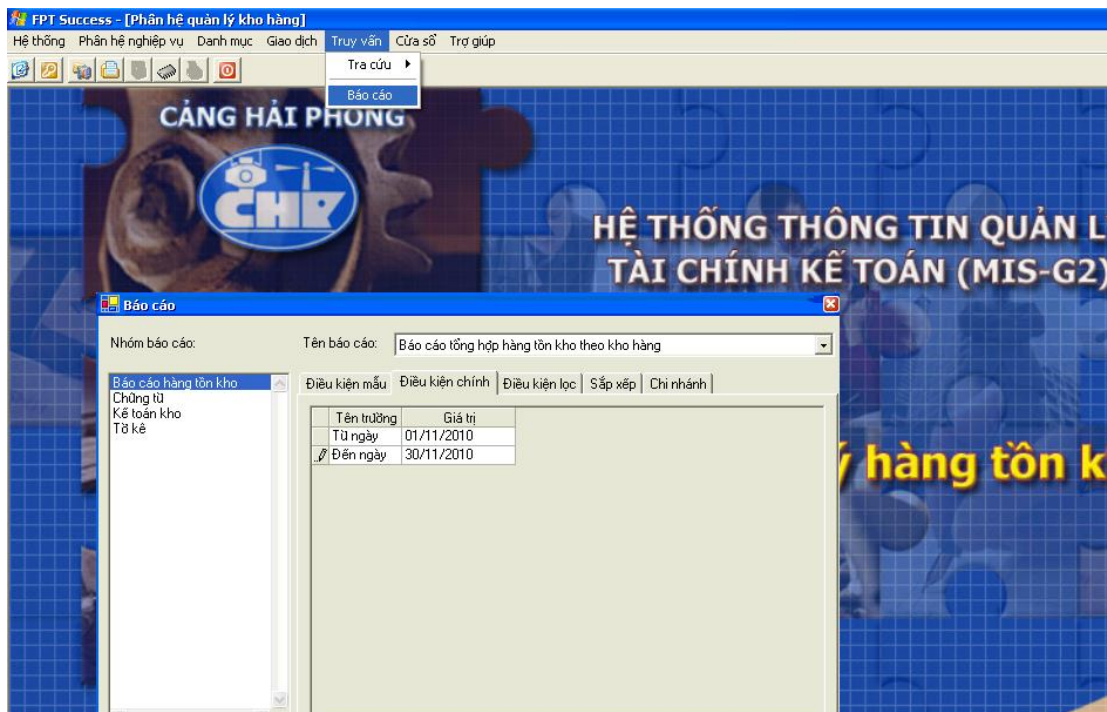
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.39 Sổ chi tiết bộ quần áo kaki dài tay**

Tương tự nhận tên báo cáo là báo cáo tổng hợp hàng tồn kho theo kho phụ tùng (biểu số 2.40).



**Biểu số 2.40** Hình ảnh đường dẫn xem báo cáo tổng hợp hàng tồn kho theo kho hàng

Màn hình hiện ra báo cáo tổng hợp hàng tồn kho theo từng kho (biểu số 2.41)  
(biểu số 2.42)



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ**

Người sử dụng: cv152  
Mã báo cáo: GL 1502.rpt  
Trang: 1/1

**BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN**

**Trích kho phụ tùng**

Tháng 11 năm 2010

| MÃ HÀNG   | TÊN HÀNG HÓA                          | ĐVT | Giá thực tế | Tồn đầu kỳ |                | Nhập trong kỳ |               | Xuất trong kỳ |               | Tồn cuối kỳ |                |
|---|---------------------------------------|-----|-------------|------------|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|-------------|----------------|
|   |                                       |     |             | SL         | Giá trị        | SL            | Giá trị       | SL            | Giá trị       | SL          | Giá trị        |
| ...   | ...                                   | ... | ...         | ...        | ...            | ...           | ...           | ...           | ...           | ...         | ...            |
| 34080066  | Bát phanh xe HD 15T                   | Cái | 65.000      |            |                | 20            | 1.300.000     |               |               | 20          | 1.300.000      |
| 34080001  | Bầu lọc dầu ga doan HUYNDAI           | Cái | 105.000     | 10         | 1.050.000      | 15            | 1.575.000     | 8             | 840.000       | 17          | 1.785.000      |
| 34080002  | Bầu lọc dầu máy HUYNDAI (26316-72000) | Cái | 95.000      | 10         | 950.000        | 15            | 1.425.000     | 8             | 760.000       | 17          | 1.615.000      |
| 34080003  | Bầu lọc dầu HUYNDAI (26452-72000)     | Cái | 85.000      | 10         | 850.000        | 15            | 1.275.000     | 8             | 680.000       | 17          | 1.445.000      |
| 34080010  | Chổi than để đầu kéo HUYNDAI          | Cái | 25.000      | 12         | 300.000        |               |               |               |               | 12          | 300.000        |
| 34080037  | Giá đỡ chổi than để HUYNDAI           | Cái | 180.000     | 1          | 180.000        | 1             | 180.000       | 2             | 360.000       |             |                |
| 14080004  | Lọc gió 7400                          | Cái | 350.000     | 1          | 350.000        |               |               |               |               | 1           | 350.000        |
| 34080082  | Lọc gió to 28130-7400                 | Cái | 310.000     | 5          | 1.550.000      |               |               |               |               | 5           | 1.550.000      |
| 34080064  | Nhông để HUYNDAI 15T                  | Cái | 400.000     |            |                | 2             | 800.000       | 2             | 800.000       |             |                |
| 34080088  | Trợ số xe HD 15T                      | Cái | 1.750.000   |            |                | 1             | 1.750.000     | 1             | 1.750.000     |             |                |
| 34080015  | Trục chữ thập HUYNDAI                 | Cái | 610.000     |            |                | 2             | 1.220.000     |               |               | 2           | 1.220.000      |
| 34080018  | Vành răng bánh đá HUYNDAI 15T         | Cái | 900.000     | 1          | 900.000        |               |               | 1             | 900.000       |             |                |
| Cộng theo kho: 40121 – Kho phụ tùng                 |                                       |     |             |            | 15.072.252.217 |               | 1.091.177.858 |               | 1.423.471.826 |             | 14.739.958.429 |
| Cộng theo nhóm kho: 4012 – Kho phụ tùng thay thế CV |                                       |     |             |            | 15.072.252.217 |               | 1.091.177.858 |               | 1.423.471.826 |             | 14.739.958.429 |

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.41 Báo cáo tổng hợp theo kho phụ tùng**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ**

Người sử dụng: cv152  
Mã báo cáo: GL 1502.rpt  
Trang: 1/1

**BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN**

**Trích kho công cụ dụng cụ**

Tháng 11 năm 2010

| MÃ HÀNG  | TÊN HÀNG HÓA                   | ĐVT | Giá thực tế | Tồn đầu kỳ |             | Nhập trong kỳ |           | Xuất trong kỳ |           | Tồn cuối kỳ |             |
|--|--------------------------------|-----|-------------|------------|-------------|---------------|-----------|---------------|-----------|-------------|-------------|
|  |                                |     |             | SL         | Giá trị     | SL            | Giá trị   | SL            | Giá trị   | SL          | Giá trị     |
| ...  | ...                            | ... | ...         | ...        | ...         | ...           | ...       | ...           | ...       | ...         | ...         |
| 3500143  | Áo tín hiệu phản quang         | cái | 105.000     | 80         | 8.400.000   |               |           |               |           | 80          | 8.400.000   |
| 35000119   | Bộ cáp cầu 1 nhánh 26.7 T – 2m | Bộ  | 7.400.000   | 14         | 103.600.000 |               |           |               |           | 14          | 103.600.000 |
| 3500142  | Bộ quần áo kaki dài tay        | Bộ  | 150.000     |            |             | 08            | 1.200.000 | 07            | 1.050.000 | 01          | 150.000     |
| 35000003   | Dây an toàn                    | cái | 78.000      | 03         | 234.000     |               |           |               |           | 03          | 234.000     |
| 35000034   | Dây thép buộc ly               | KG  | 25.000      |            |             | 20            | 500.000   | 20            | 500.000   |             |             |
| 3500059  | Mũ vải mềm                     | cái | 12.500      | 10         | 125.000     |               |           |               |           | 10          | 125.000     |
| 35000032   | Thang tre                      | cái | 50.000      |            |             | 40            | 2.000.000 | 40            | 2.000.000 |             |             |
| 35000029   | Ủng cao su                     | đôi | 42.500      | 03         | 127.500     |               |           |               |           | 03          | 127.500     |
|  | ....                           | ... | ...         | ...        | ...         | ...           | ...       | ...           | ...       |             |             |
| cộng theo kho: 50121 – Kho công cụ dụng cụ Chùa vẽ |                                |     |             |            |             | 670.733.320   |           | 12.045.000    |           | 12.523.500  | 670.254.820 |
| cộng theo kho: 5012 – Kho công cụ dụng cụ Chùa Vẽ  |                                |     |             |            |             | 670.733.320   |           | 12.045.000    |           | 12.523.500  | 670.254.820 |

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.42 Báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn theo kho công cụ dụng cụ***

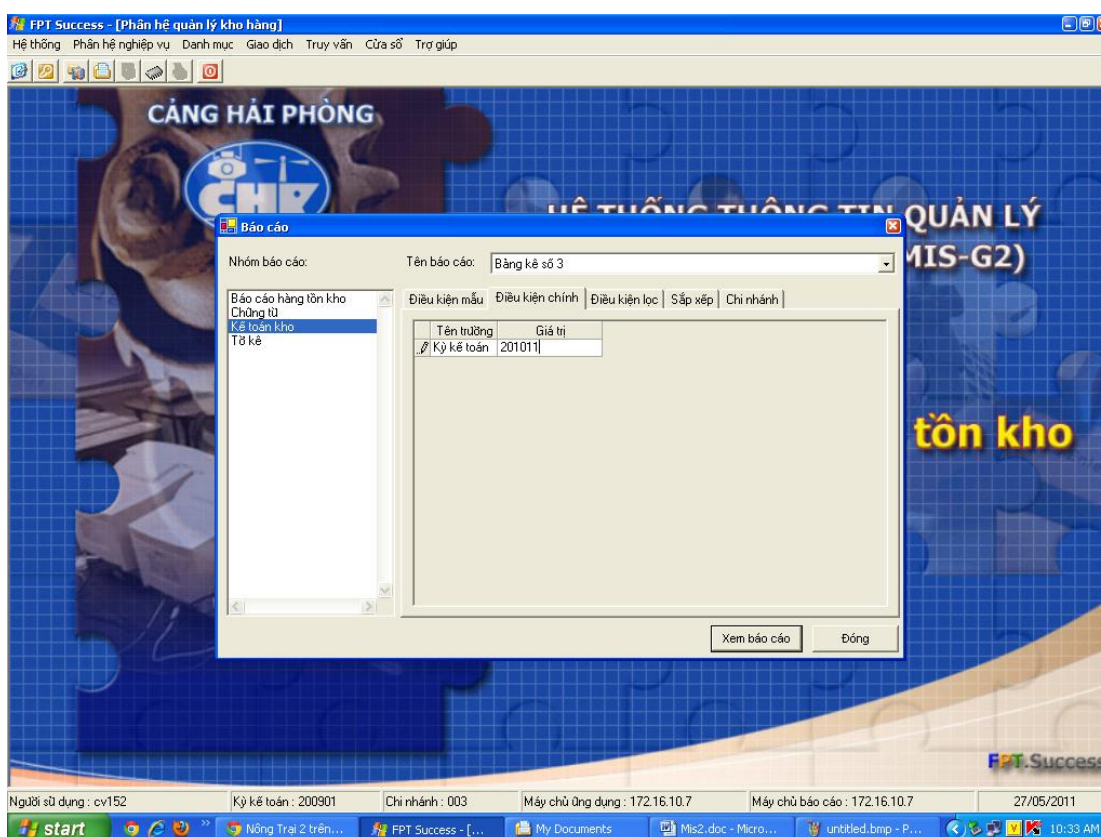
## **2.2.6 Tổ chức công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

### **❖ Kế toán tổng hợp tăng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ**

Đến cuối tháng, kế toán vật tư tiến hành kiểm tra các sổ kế toán trên phần mềm.

Trình tự làm các bước như sau:

Chọn báo cáo trong phần truy vấn, chọn kế toán kho. Nhấn tên báo cáo là nhật ký chứng từ số 5 (biểu số 2.43), tên trường từ ngày 01/11/2010 đến 30/10/2010.



***Biểu số 2.43 Hình ảnh đường dẫn xem nhật ký chứng từ số 5***

Kết thúc nhấn xem báo cáo, màn hình hiện ra nhật ký chứng từ số 5 (biểu số 2.44)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Người sử dụng: cv 152  
Mã báo cáo: GL 1504.rpt  
Trang: 1/1

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5

Tháng 11 năm 2010

| STT        | Tên người bán                   | Số dư đầu tháng |                    | Ghi có TK 331, ghi nợ các TK |                   |            |                      |
|------------|---------------------------------|-----------------|--------------------|------------------------------|-------------------|------------|----------------------|
|            |                                 | NỢ              | CÓ                 | TK 152                       | TK 153            | ....       | Cộng có Tk 331       |
| ....       | ...                             | ...             | ...                | ....                         | ...               | ....       | ...                  |
| <b>110</b> | <b>Công ty may Thái Anh</b>     |                 | <b>23.587.000</b>  |                              | <b>1.200.000</b>  |            | <b>24.907.000</b>    |
| <b>111</b> | <b>Công ty CP XNK Hoàng Anh</b> |                 | <b>11.727.000</b>  | <b>1.575.000</b>             |                   |            | <b>13.459.000</b>    |
| ...        | ...                             | ...             | ...                | ...                          | ...               | ...        | ...                  |
|            | <b>cộng</b>                     |                 | <b>925.256,000</b> | <b>3.663.742.902</b>         | <b>12.045.000</b> | <b>...</b> | <b>4.678.388.000</b> |

| STT        | Tên người bán                   | Ghi nợ TK 331      |                      |     |                      | Số dư cuối tháng |                      |
|------------|---------------------------------|--------------------|----------------------|-----|----------------------|------------------|----------------------|
|            |                                 | TK 111             | TK 112               | ... | Cộng nợ TK 331       | NỢ               | CÓ                   |
| ....       | ...                             | ...                | ...                  | ... | ....                 | ...              | ...                  |
| <b>110</b> | <b>Công ty may Thái Anh</b>     |                    | <b>5.000.000</b>     |     | <b>5.000.000</b>     |                  | <b>19.907.000</b>    |
| <b>111</b> | <b>Công ty CP XNK Hoàng Anh</b> |                    | <b>3.000.000</b>     |     | <b>3.000.000</b>     |                  | <b>10.459.000</b>    |
| ...        | ...                             | ...                | ...                  | ... | ...                  | ...              | ...                  |
|            | <b>cộng</b>                     | <b>125.689.000</b> | <b>1.250.900.000</b> |     | <b>2.220.000.000</b> |                  | <b>2.458.338.000</b> |

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

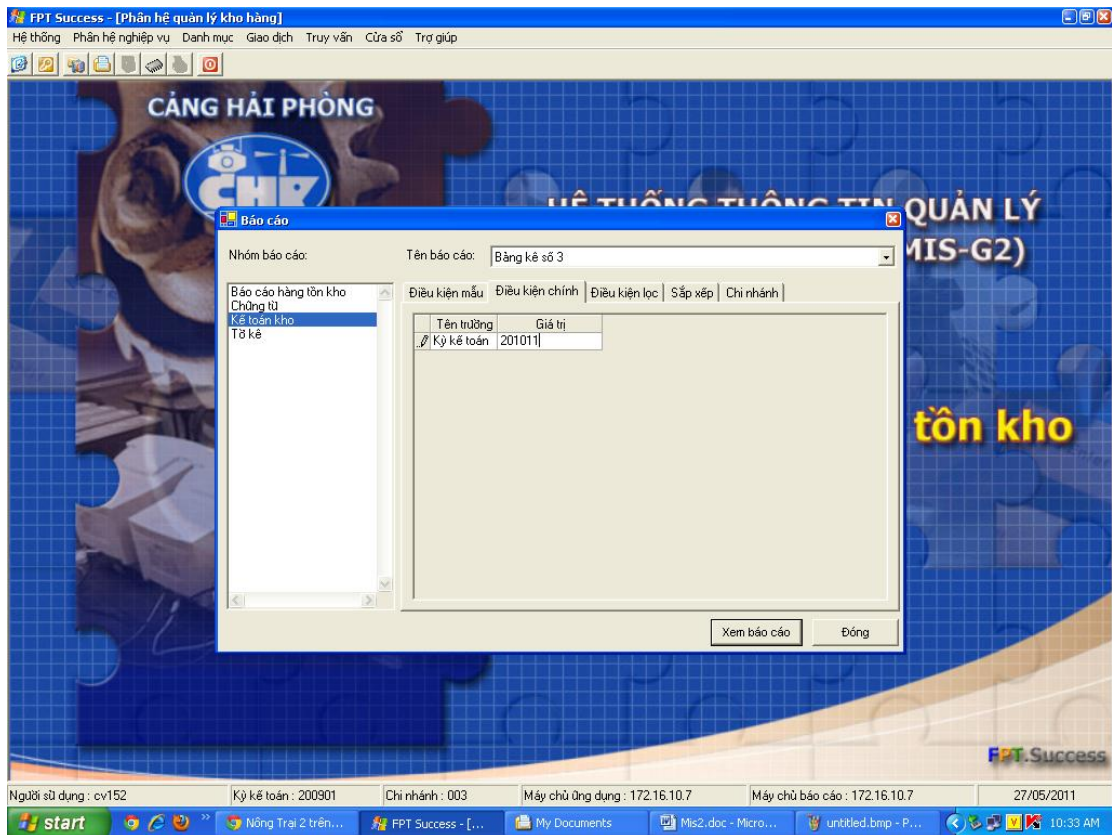
*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

***Biểu số 2.44 Nhật ký chứng từ số 5***

Cách vào tương tự xem bảng kê số 3 (biểu số 2.45)



**Biểu số 2.45 Hình ảnh đường dẫn lựa chọn xem bảng kê số 3**

Kết thúc nhấn xem báo cáo, màn hình hiện ra bảng kê số 3 (biểu số 2.46)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG**  
**XÍ NGHIỆP XÉP DỠ CHÙA VẼ**

Người sử dụng: cv 152

Mã báo cáo: GL 1504.rpt

Trang: 1/1

**BẢNG KÊ SỐ 3**  
Tháng 11 Năm 2010

| Diễn giải                  | TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu |               |                |             |                | TK 153 – Công cụ dụng cụ |             | Tổng cộng      |
|----------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|-------------|----------------|--------------------------|-------------|----------------|
|                            | TK 1522                        | TK 1523       | TK 1524        | TK 1527     | Cộng           | TK 153                   | Cộng        |                |
| Số dư đầu kỳ               | 1.083.417.382                  | 133.807.901   | 15.072.252.217 | 168.349.255 | 16.457.826.755 | 670.733.320              | 670.733.320 | 17.128.560.075 |
| Số phát sinh trong kỳ      | 585.726.800                    | 1.995.288.796 | 1.091.177.858  |             | 3.672.193.454  | 12.045.000               | 12.045.000  | 3.684.238.454  |
| Ghi có TK – 331            | 566.696.248                    | 1.995.288.796 | 1.071.757.858  |             | 3.633.742.902  | 12.045.00                | 12.045.00   | 3.645.787.902  |
| Ghi có TK – 336            | 19.030.552                     |               | 19.420.000     |             | 38.450.552     |                          |             | 38.450.552     |
| Cộng (I+II)                | 1.669.144.182                  | 2.129.096.697 | 16.163.430.075 | 168.349.255 | 20.130.020.209 | 682.778.320              | 682.778.320 | 20.812.798.529 |
| NVL, CCDC dùng trong tháng | 506.196.945                    | 2.054.482.023 | 1.423.471.826  |             | 3.984.150.794  | 12.523.500               | 12.523.500  | 3.996.674.294  |
| Số dư cuối tháng           | 1.162.947.237                  | 74.614.674    | 14.739.958.249 | 168.349.255 | 16.145.869.415 | 670.254.820              | 670.254.820 | 16.816.124.235 |

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

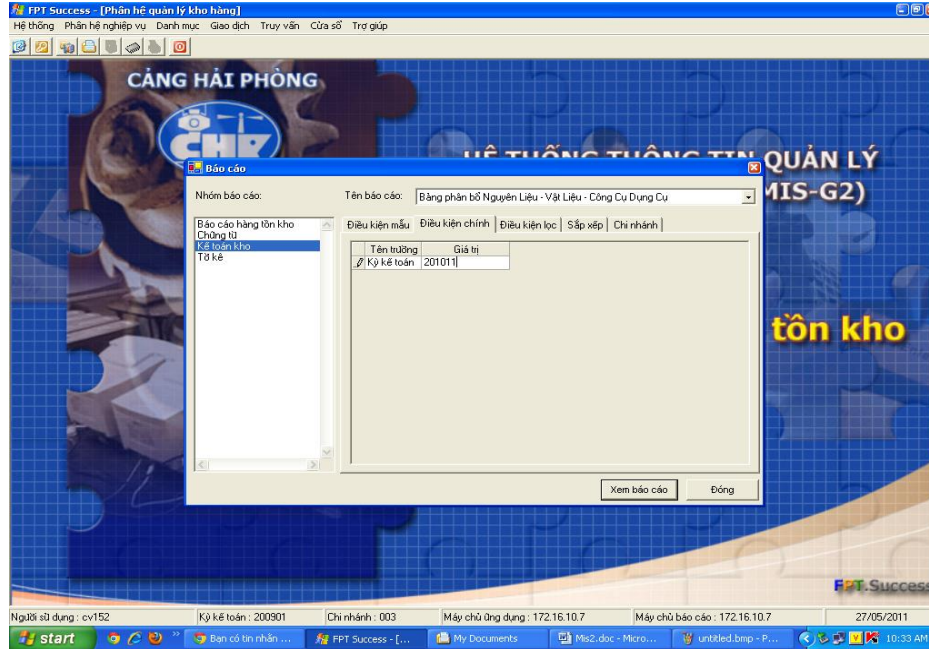
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.46 Bảng kê số 3***

❖ *Kế toán tổng hợp giảm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ*

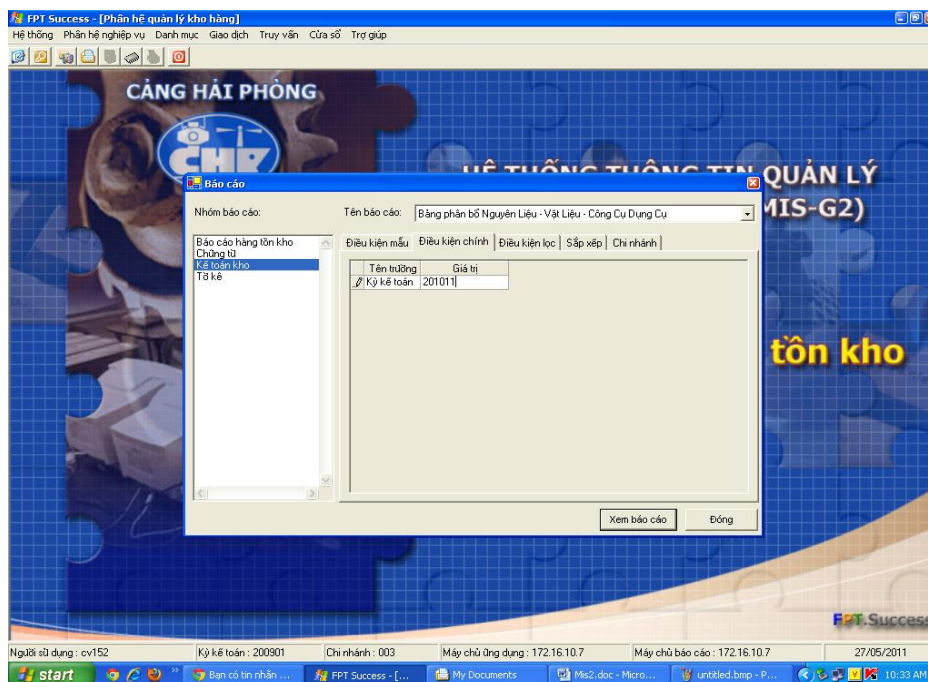
Chọn kế toán kho trong báo cáo, nhập tên báo cáo là bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (biểu số 2.47)



***Biểu số 2.47 Hình ảnh lựa chọn xem bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ***

Kết thúc nhân xem báo cáo, màn hình hiện ra bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (biểu số 2.48)

Tương tự nhập tên báo cáo Nhật ký chứng từ số 7 (biểu số 2.49)



**Biểu số 2.49** Hình ảnh lựa chọn xem nhật ký chứng từ số 7

Màn hình hiện ra nhật ký chứng từ số 7 (biểu số 2.50)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI  
PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ

Người sử dụng: cv152  
Mã báo cáo: GL 1502.rpt  
Trang: 1/1

## Bảng phân bổ Nguyên Liệu – Vật Liệu – Công cụ dụng cụ

Tháng 11 Năm 2010

| Ghi có TK 152, 153<br>Ghi nợ các TK | TK 152 Nguyên vật liệu |                    |        |                      |        |                      |                      | TK 153 Công cụ dụng cụ |                   |
|-------------------------------------|------------------------|--------------------|--------|----------------------|--------|----------------------|----------------------|------------------------|-------------------|
|                                     | 1522                   |                    | 1523   |                      | 1524   |                      | Cộng 152             | Cộng 153               |                   |
|                                     | Giá HT                 | Giá thực tế        | Giá HT | Giá thực tế          | Giá HT | Giá thực tế          | Giá thực tế          | Giá HT                 | Giá thực tế       |
| TK 336                              |                        |                    |        | 26.558.196           |        | 491.114.860          | 517.673.056          |                        |                   |
| <b>TK 621</b>                       |                        |                    |        | <b>2.024.923.827</b> |        |                      | <b>2.024.923.827</b> |                        |                   |
| <b>TK 627</b>                       |                        | <b>506.196.945</b> |        | <b>3.000.000</b>     |        | <b>932.356.966</b>   | <b>1.441.553.911</b> |                        | <b>12.523.500</b> |
| <b>Tổng cộng</b>                    |                        | <b>506.196.945</b> |        | <b>2.054.482.023</b> |        | <b>1.423.471.826</b> | <b>3.984.150.794</b> |                        | <b>12.523.500</b> |

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

***Biểu số 2.48 Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ***

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI  
PHÒNG  
XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ**

Người sử dụng: cv152  
Mã báo cáo: GL 1502.rpt  
Trang: 1/1

### **NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7**

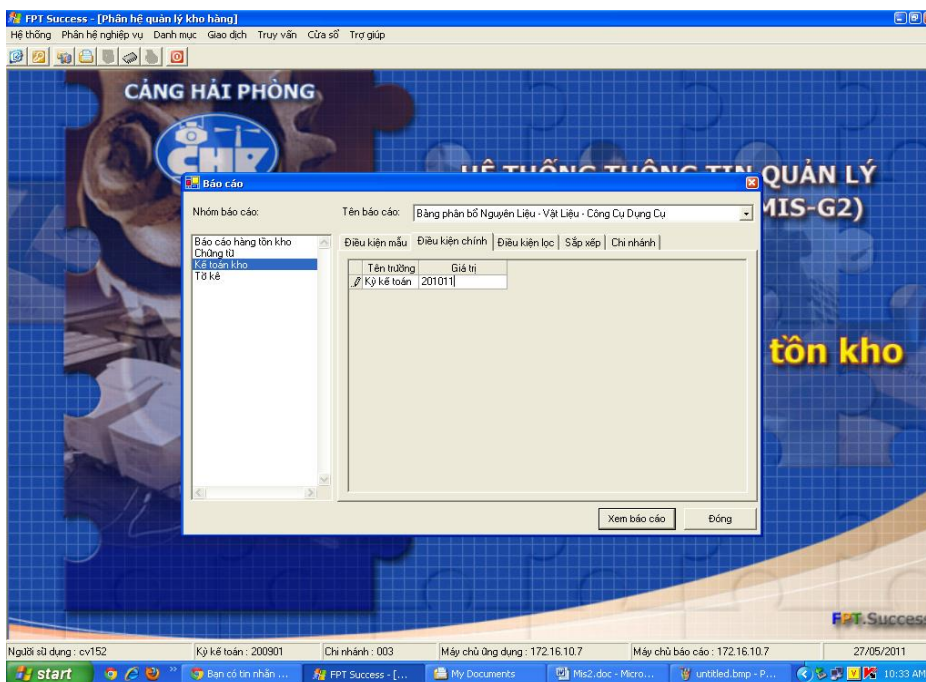
Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp

Ghi có TK 142, 152, 153, 154, 214, 334, 335, 621, 622, 627

| STT  | Các TK ghi Có<br>Các TK ghi Nợ | 142 | 152           | 153        | 154 | 214        | 241 | ...  | Các TK phản ánh ở các NKCT khác |            |           | Tổng cộng      |
|------|--------------------------------|-----|---------------|------------|-----|------------|-----|------|---------------------------------|------------|-----------|----------------|
|      |                                |     |               |            |     |            |     |      | NKCT số 1                       | NKCT số 2  | NKCT số 5 |                |
| 1    | 154                            |     |               |            |     |            |     | ...  |                                 |            |           |                |
| 2    | 142                            |     |               |            |     |            |     | ...  |                                 |            |           |                |
| 3    | 336                            |     | 517.673.056   |            |     |            |     | .... |                                 |            |           |                |
|      | 621                            |     | 2.024.923.827 |            |     |            |     | .... |                                 |            |           | 2.024.923.827. |
|      | 622                            |     |               |            |     |            |     | .... |                                 |            |           |                |
|      | 627                            |     | 1.441.553.911 | 12.523.500 |     | 25.000.000 |     | ...  | 5.000.000                       | 10.000.000 |           | 1.494.077.411  |
| Cộng |                                |     | 3.984.150.794 | 12.523.500 |     | 25.000.000 |     | .... | 5.000.000                       | 10.000.000 |           | 5.386.782.930  |

***Biểu số 2. 50 Nhật ký chứng từ số 7***

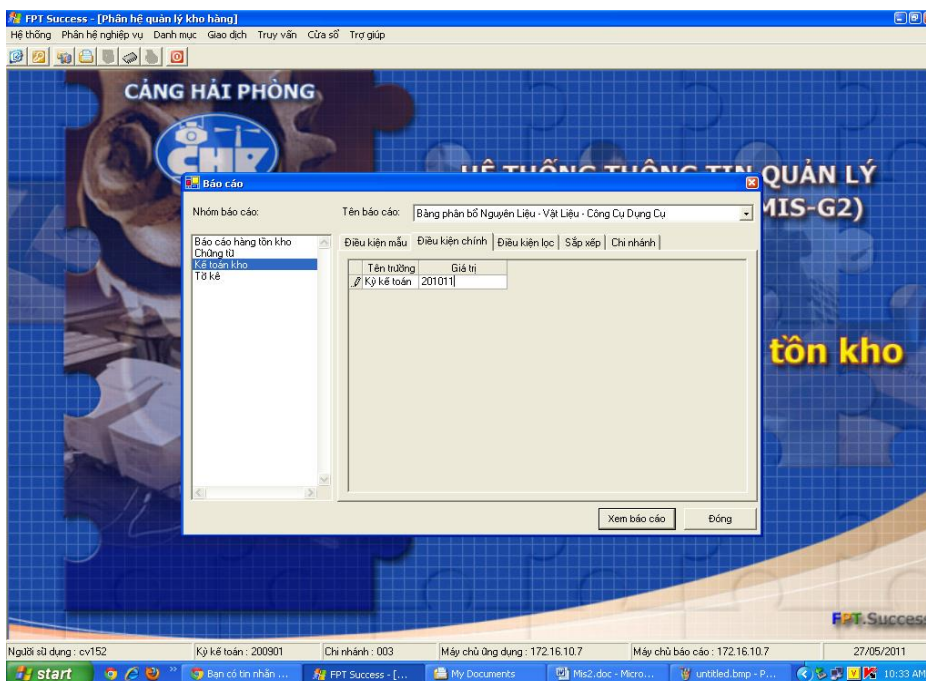
Nhập tên báo cáo SỔ cái TK 152 (biểu số 2.51)



**Biểu số 2.51 Hình ảnh đường dẫn xem sổ cái TK 152**

Kết thúc nhấn xem báo cáo, màn hình hiện ra sổ cái TK 152 (biểu số 2.52)

Nhập tên báo cáo SỔ cái TK 153 (biểu số 2.53)



**Biểu số 2.53 hình ảnh lựa chọn đường dẫn xem sổ cái 153**

Kết thúc nhấn xem báo cáo, màn hình hiện ra sổ cái TK 153 (biểu số 2.54)

## SỔ CÁI

Tài khoản: 152

Năm 2010

|                       |    |
|-----------------------|----|
| Số dư đầu năm         |    |
| Nợ                    | Có |
| <b>17.356.897.876</b> |    |

| Ghi Có các TK, đối ứng<br>Nợ với TK này | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng<br>..... | Tháng 9 | Tháng 10              | Tháng 11              | Tháng 12 | Cộng |
|---|---------|---------|----------------|---------|-----------------------|-----------------------|----------|------|
| NKCT Số 5(TK 331)                       | .....   | .....   | ....           | .....   | .....                 | 3.663.742.902         |          |      |
| NKCT Số 10( TK 336)                     | .....   | .....   | ....           | .....   | .....                 | 38.450.552            |          |      |
| Cộng số phát sinh Nợ                    | .....   | ....    | ....           | .....   | .....                 | 3.672.193.454         |          |      |
| Cộng số phát sinh Có                    | .....   | .....   | .....          | .....   | .....                 | 3.984.150.794         |          |      |
| Số dư cuối tháng Nợ                     | .....   | .....   | .....          | .....   | <b>16.457.826.755</b> | <b>16.145.869.415</b> |          |      |
| Số dư cuối tháng Có                     | .....   | .....   | .....          | .....   |                       |                       |          |      |

***Biểu số 2.52 sổ cái tài khoản 152***

## SỔ CÁI

Tài khoản: 153

Năm 2010

|                    |    |
|--------------------|----|
| Số dư đầu năm      |    |
| Nợ                 | Có |
| <b>345.768.800</b> |    |

| Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng ..... | Tháng 9 | Tháng 10           | Tháng 11           | Tháng 12 | Cộng |
|--------------------------------------|---------|---------|-------------|---------|--------------------|--------------------|----------|------|
| NKCT Số 5(TK 331)                    | .....   | .....   | ....        | .....   | .....              | 12.045.000         |          |      |
| NKCT Số 10( TK 336)                  | .....   | .....   | ....        | .....   | .....              |                    |          |      |
| Cộng số phát sinh Nợ                 | .....   | ....    | ....        | .....   | .....              | 12.045.000         |          |      |
| Cộng số phát sinh Có                 | .....   | .....   | .....       | .....   | .....              | 12.523.500         |          |      |
| Số dư cuối tháng Nợ                  | .....   | .....   | .....       | .....   | <b>670.733.320</b> | <b>670.254.820</b> |          |      |
| Số dư cuối tháng Có                  | .....   | .....   | .....       | .....   |                    |                    |          |      |

***Biểu số 2.54 Sổ cái tài khoản 153***

### **PHẦN 3**

## **MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ.**

### **3.1. Một số nhận xét và đánh giá chung công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

Là một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu của xí nghiệp là chiếm lĩnh thị trường, bóc xép và vận chuyển được nhiều hàng hóa và thu được nhiều lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó, toàn thể cán bộ công nhân viên xí nghiệp không ngừng nỗ lực nâng cao trình độ bản thân, không ngừng tìm tòi, sáng tạo nhiều biện pháp nhằm tăng lợi nhuận của xí nghiệp. Trong sự cạnh tranh gay gắt như hiện nay, các doanh nghiệp muốn đứng vững và phát triển đòi hỏi mỗi nhà quản lý phải quán triệt hiệu quả công việc. Hạch toán kinh tế là một bộ phận cấu thành của công cụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đồng thời cũng là công cụ đắc lực phục vụ cho nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo kinh doanh. Từ đó thực hiện đầy đủ các chức năng phản ánh và giám sát mọi hoạt động kinh tế, kế toán phải thực hiện những quy định cụ thể, thống nhất và phù hợp với tính khách quan và nội dung yêu cầu của một cơ chế quản lý nhất định. Việc nghiên cứu cải tiến và hoàn thiện công tác hạch toán vật tư ở các doanh nghiệp là một vấn đề hết sức bức thiết.

Tuy nhiên Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ không phải là một xí nghiệp sản xuất nhưng công tác nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cũng giữ một vai trò hết sức quan trọng đối với xí nghiệp. Nắm bắt được điều này nên trong quá trình thực tập tại xí nghiệp em đã đi sâu nghiên cứu và tìm hiểu công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại xí nghiệp em có một vài ý kiến nhận xét về công tác kế toán vật tư tại xí nghiệp như sau:

### **3.1.1 Ưu điểm**

Là một xí nghiệp thành viên của Cảng Hải Phòng, hoạt động được hơn 17 năm. Trong thời gian tồn tại và hoạt động xí nghiệp đã không gặp ít những khó khăn, phức tạp để tồn tại. Trong suốt thời gian qua xí nghiệp luôn cố gắng vươn lên để dần khẳng định được vị thế của chính mình.

Trải qua một quá trình hoạt động kinh doanh, xí nghiệp đã không ngừng phát triển về mọi mặt. Trong công tác quản lý nói chung và trong công tác kế toán nói riêng cũng đã có sự tiến bộ đáng kể, góp phần đắc lực vào thực hiện mục tiêu đã đề ra.

#### **\* Về công tác quản lý:**

Là một xí nghiệp hạch toán kinh doanh độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, công ty đã tìm ra cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy quản lý của Xí nghiệp được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của Xí nghiệp. Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả.

Bên cạnh đó cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt, đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương Xí nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

#### **\* Về công tác kế toán:**

Xí nghiệp áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức kế toán tập trung. Đó là mỗi kế toán viên sẽ chịu trách nhiệm về một mảng riêng sau đó số liệu sẽ được tổng hợp bởi kế toán trưởng. Tất cả công việc đều được thực hiện tập trung tại phòng kế toán như thực hiện ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết toàn bộ các nghiệp vụ tài chính phát sinh ở tất cả các bộ phận, lập báo cáo tài chính. Ở các tổ đội không tổ chức kế toán riêng mà chỉ có nhân viên làm nhiệm vụ thu thập, kiểm tra lưu trữ các chứng từ ban đầu gửi về phòng kế toán xí nghiệp để hạch toán tại phòng kế toán. Theo hình thức này công việc kế toán xí nghiệp được tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và bố trí cán bộ nhân viên kế toán một cách phù hợp với năng lực và trình độ của mỗi người nên chất lượng công tác kế toán được nâng cao.

Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong Xí nghiệp có trình độ nghiệp vụ nắm vững và am hiểu các kỹ thuật nghiệp vụ kinh doanh, các chế định tài chính về thanh toán, nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao do thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại Xí nghiệp, biết áp dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt được kết quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng máy tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, khoa học.

***\*Về việc sử dụng máy tính trong công tác kế toán***

Xí nghiệp đã mạnh dạn vi tính hóa công tác kế toán. Việc sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán của xí nghiệp đã nâng cao năng suất lao động cho bộ phận kế toán, từ đó tác động đến năng suất lao động và hiệu quả của hoạt động kinh doanh trong toàn xí nghiệp. Thông qua việc vi tính hóa, khối lượng công việc của xí nghiệp được giảm nhẹ (về mặt tính toán, ghi chép và tổng hợp số liệu kế toán) so với trước khi sử dụng vi tính trong công tác kế toán thì hiệu quả kế toán của xí nghiệp được nâng cao hơn. Hơn nữa xí nghiệp đang áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nên đã giảm bớt công khối lượng công việc, tiết kiệm chi phí văn phòng và thời gian cho nhân viên kế toán đảm bảo cung cấp số liệu nhanh chóng chính xác.

***\*Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ***

Về việc lập và luân chuyển chứng từ: Nhìn chung về hệ thống chứng từ của xí nghiệp đã được tổ chức hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ theo quy chế tài chính đã ban hành. Việc lập các liên là hợp lý không gây chông chéo. Xí nghiệp đã quan tâm và thực hiện tương đối tốt công tác kế toán từ việc kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của chứng từ đến việc vào phần mềm kế toán.

Xí nghiệp đã mạnh dạn sử dụng phần mềm trong việc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Việc theo dõi qua phần mềm được phản ánh một cách nhanh



chóng, khoa học và tương đối chính xác. Giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Đề hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, xí nghiệp đã áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì vật tư của xí nghiệp luôn được theo dõi kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời phù hợp với đặc điểm lĩnh vực sản xuất kinh doanh của xí nghiệp. Phương pháp hạch toán này đã giúp xí nghiệp quản lý theo dõi và kiểm tra vật tư chính xác, kịp thời hơn. Ngoài ra, trong công tác quản lý vật tư phân công phân nhiệm trong mỗi khâu, từ thu mua đến sử dụng đều có các phòng ban. Ban kỹ thuật chịu trách nhiệm trong việc mua sắm mới vật tư đáp ứng cung ứng vật tư kịp thời và nhanh chóng. Ban kế toán tài chính chịu trách nhiệm trong việc theo dõi vật tư về mặt số lượng và giá trị. Mỗi khâu đều được phân công công việc gắn với trách nhiệm của từng người với nên mọi việc đều được tiến hành nhanh chóng và mang lại hiệu quả cao. Xí nghiệp cũng rất quan tâm đến việc bảo quản vật tư. Kho vật tư của xí nghiệp đều được trang bị thiết bị khá đầy đủ, hiện đại đảm bảo cho vật tư được bảo quản một cách tốt nhất giảm thiểu hao hụt hư hỏng.

### **3.1.2 Những hạn chế cần khắc phục.**

Qua thời gian thực tập tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ em nhận thấy công tác quản lý và công tác kế toán vật tư tại xí nghiệp nhìn chung khá chặt chẽ và theo đúng chế độ quy định. Có được điều này là do xí nghiệp có đội ngũ lãnh đạo có năng lực cao, nhiều kinh nghiệm và nhân viên kế toán yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm, làm việc khoa học, góp phần tích cực vào công tác quản lý, hạch toán kế toán tại xí nghiệp. Tuy nhiên do khối lượng nghiệp vụ kế toán tương đối nhiều mà số lượng nhân viên lại có hạn, mà lại đang trong quá trình tiếp cận với chế độ kế toán mới nên không tránh khỏi những khó khăn vướng mắc. Do vậy, bên cạnh những kết quả đáng khích lệ nói trên, công tác vật tư tại xí nghiệp vẫn còn tồn tại một vài vướng mắc nhỏ cần phải hoàn thiện.

**\* Về việc áp dụng phần mềm trong việc hạch toán vật tư.**

Mặc dù xí nghiệp đã sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán vật tư, nhưng bên cạnh đó việc hạch toán các phần hành khác trong xí nghiệp vẫn được làm trên Excel. Điều này đã làm cho công tác kế toán chung tại xí nghiệp vẫn chưa liên hoàn, đồng bộ. Tồn tại hạn chế này là do xí nghiệp đã áp dụng phần mềm kế toán Mis, đây là phần mềm kế toán được ứng dụng từ những năm 2002. Phần mềm kế toán này chưa hạch toán được những nghiệp vụ kinh tế phát sinh phức tạp.

**\* Về việc phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn.**

Nhiệm vụ của kế toán là phản ánh trung thực, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tuy nhiên, hiện nay ở Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ vẫn còn đang tồn tại một vấn đề trong công tác hạch toán. Đó là việc phân bổ những công cụ dụng cụ có giá trị lớn. Qua thời gian thực tập tại xí nghiệp em nhận thấy ở xí nghiệp có rất nhiều công cụ dụng cụ có giá trị tương đối lớn được sử dụng nhiều lần tuy nhiên kế toán viên thường không thực hiện phân bổ chúng theo nhiều lần sử dụng mà thường phản ánh hết trong lần đầu sử dụng. Theo em việc hạch toán như thế này là chưa được chính xác, bởi theo cách hạch toán thì có những tháng chi phí phân bổ công cụ dụng cụ lại cao hơn và ngược lại.

**\* Về việc áp dụng mẫu chứng từ:**

Hiện nay, xí nghiệp vẫn áp dụng mẫu sổ, mẫu chứng từ theo quyết định 1141 TC-QĐ – CDKT ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính. Mẫu sổ này chưa cập nhật đầy đủ các thông tin theo quy định mới của Bộ tài chính.

**3.2. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.**

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ vẫn còn những hạn chế cần khắc phục, hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kế toán phù hợp với xu hướng của thời đại. Với tư cách là một sinh viên nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán

nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng và công tác kế toán nói chung tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.

***Thứ nhất: Về việc sử dụng phần mềm kế toán***

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin vào kế toán là rất cần thiết.

Việc áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào trong công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của con số trong kế toán.

Xí nghiệp nên sử dụng phần mềm kế toán chuyên biệt vì hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán hiện đại, tiện lợi, dễ sử dụng, hiệu quả mà giá cả phải chăng.

Sau đây em xin giới thiệu ba phần mềm kế toán khá phổ biến và uy tín trên thị trường và phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Phần mềm ESOFT:



Giá: 15.000.000 VND

Phần mềm ESOFT là giải pháp kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với ưu điểm dễ sử dụng phổ biến và đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp. Phần mềm có đủ các tính năng như: Cập nhật các quyết định 15/2006/QĐ-BTC và quyết định 48/2006 QĐ-BTC; Cho phép hạch toán thu, chi theo nhiều đối tượng. Tự động xử lý chênh lệch tỷ giá tức thời hoặc vào cuối kỳ; Theo dõi cộng nợ chi tiết theo từng khách hàng tự động tính lương, thuế thu nhập, bảo hiểm; Tự động kết chuyển lãi-lỗ. Kết xuất báo cáo ra nhiều định dạng khác nhau: Excel, Word

+Phần mềm MISA:



Giá: 12.950.000 VNĐ

Với việc đáp ứng đủ các yêu cầu nghiệp vụ, quản lý trong Thông tư 153/2010/TT-BTC, thông tư 13/2011/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Tổng cục thuế đã thẩm định phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 đáp ứng Nghị định 51/2010/NĐ-CP. MISA SME. NET 2010 sẽ là công cụ đắc lực giúp Doanh nghiệp tự tạo và in hóa đơn theo đúng quy định, góp phần tích cực cùng Doanh nghiệp và các cơ quan chức năng để Nghị định 51/2010/NĐ-CP phát huy hiệu quả cao.

*+Phần mềm Meta Data Accounting*



Giá: 8.000.000 VNĐ.

Meta Data Accounting vừa đáp ứng yêu cầu cơ bản về Quản lý Tài chính kế toán của Doanh nghiệp mà còn cung cấp cho nhà Quản trị các giải pháp quản lý toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho hàng, bộ phận kế toán... và được Meta Data xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra. Với chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến máy tính chuyên nghiệp cao, có khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh...) đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Luôn cập nhật kịp thời các đổi mới nhất về chế độ kế toán và báo cáo thuế: quyết định 15/2006/QĐ-BTC và quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Hỗ trợ hình thức sổ kế toán: Nhật ký Chung và Nhật ký chứng từ.

Xí nghiệp nên sử dụng phần mềm ESOFT vì phần mềm kế toán này rất hiện đại, tiện lợi, dễ sử dụng. Nếu cán bộ kế toán Xí nghiệp khai thác hết hiệu quả sử

dụng máy vi tính thì sẽ giúp cho công tác hạch toán kế toán của Xí nghiệp ngày càng đạt hiệu quả hơn.

***Thứ hai: Về việc phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn.***

Trên cơ sở những hạn chế của việc hạch toán và phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, em xin trình bày cách hạch toán sau đối với nghiệp vụ xuất công cụ dụng cụ phục vụ cho việc kinh doanh tại xí nghiệp.

Ví dụ: Ngày 01/11/2010 xí nghiệp xuất công cụ dụng cụ trong kho cho việc bốc xếp hàng hoá. 05 móc cầu đơn giá 576.000/cái.

Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 627 : 2.880.000

Có TK 153: 2.880.000

Theo em cách hạch toán này chưa hợp lý, bởi móc cầu có thời hạn sử dụng trên 2 năm. Mà chi phí phân bổ công cụ dụng cụ trong tháng 11 là 2.880.000. Theo ý kiến của riêng em xí nghiệp nên phân bổ công cụ dụng cụ làm nhiều lần (phân bổ 24 tháng) và hạch toán như sau:

Khi xuất công cụ dụng cụ:

Nợ TK 242 : 2.880.000

Có TK 153: 2.880.000

Mỗi tháng chi phí phân bổ công cụ dụng cụ được hạch toán:

Nợ TK 627 : 120.000

Có TK 242: 120.000

Với cách hạch toán này sẽ phản ánh chính xác hơn lợi nhuận xí nghiệp thu được trong kỳ.

***Thứ ba: Về việc áp dụng chế độ kế toán, mẫu chứng từ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ***

Qua những tồn tại nêu ở trên, cá nhân em xin đề xuất kiến nghị cho phần nhược điểm trên là xí nghiệp nên áp dụng mẫu chứng từ theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC. Sau đây là một số mẫu chứng từ: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thẻ kho theo quyết định 15 là :

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh  
Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

---

**Đơn vị:**.....  
**Bộ phận:**.....

**Mẫu số: 01-VT**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày ...tháng...năm...      Nợ:.....  
Số:.....                                      Có:.....

Họ và tên người giao:.....  
Theo.....số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....  
Nhập tại kho:.....địa điểm.....

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng      |           | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---|-------|-------------|---------------|-----------|---------|------------|
|     |   |       |             | Theo chứng từ | Thực nhập |         |            |
|     |   |       |             |               |           |         |            |
|     |   |       |             |               |           |         |            |
|     |   |       |             |               |           |         |            |
|     | Cộng  |       |             |               |           |         |            |

Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....  
Số chứng từ ghi gốc kèm theo:.....

*Ngày...tháng...năm...*

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng



*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh  
Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

---

**Đơn vị:**.....

**Bộ phận:**.....

**Mẫu số: 01-VT**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày ...tháng....năm...      Nợ:.....

Số:.....      Có:.....

Họ và tên người nhận hàng:..... Địa chỉ (bộ phận):.....

Lý do xuất kho:.....

Xuất tại kho:..... địa điểm.....

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng |           | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---|-------|-------------|----------|-----------|---------|------------|
|     |   |       |             | Yêu cầu  | Thực xuất |         |            |
|     |   |       |             |          |           |         |            |
|     |   |       |             |          |           |         |            |
|     |   |       |             |          |           |         |            |
|     | Cộng  |       |             |          |           |         |            |

Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....

Số chứng từ ghi gốc kèm theo:.....

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh  
Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

---

Ngày...tháng...năm...

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

**Đơn vị:**.....

**Địa chỉ:**.....

**Mẫu số S12-DN**

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

### THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ:.....

Tờ số:.....

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư:.....

Đơn vị tính:.....

Mã số:.....

| số TT | Ngày tháng | SH chứng từ |      | Diễn giải    | Ngày nhập, xuất | Số lượng |      |     | Ký xác nhận của kế toán |
|-------|------------|-------------|------|--------------|-----------------|----------|------|-----|-------------------------|
|       |            | Nhập        | Xuất |              |                 | Nhập     | Xuất | Tồn |                         |
| A     | B          | C           | D    | E            | F               | 1        | 3    | 3   | G                       |
|       |            |             |      |              |                 |          |      |     |                         |
|       |            |             |      | Cộng cuối kỳ |                 |          |      |     |                         |

Sổ này có:....trang, đánh số từ trang 01 đến trang:.....

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh  
Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ*

---

Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

## **KẾT LUẬN**

Sau một thời gian thực tập tại Chi nhánh công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng- Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ được làm quen với thực tế hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cùng với phần lý thuyết được nghiên cứu em đã học hỏi rất nhiều điều bổ ích để củng cố thêm những kiến thức về lý luận mà em đã được học ở trường. Đồng thời đợt thực tập này giúp em nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với việc quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ và quản lý của Xí nghiệp thấy được những mặt mạnh cần phát huy và những nhược điểm còn tồn tại để khắc phục nhằm góp phần nhỏ bé hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ. Khoá luận này đã đề xuất những định hướng cơ bản cũng như một số biện pháp cụ thể nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng và công tác kế toán nói chung.

Do trình độ lý luận và thời gian thực tập còn hạn chế, khoá luận mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được các ý kiến đóng góp của cô giáo hướng dẫn, các thầy cô và các bạn để bài khoá luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Th.s Hoà Thị Thanh Hương cùng cô chú, anh chị trong phòng Tài chính- Kế toán của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp của mình.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Xoa

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Luận văn có sử dụng một số tài liệu tham khảo sau:

- 1- Giáo trình kế toán quản trị - Học viện tài chính- nhà xuất bản tài chính- Hà Nội năm 1999.
- 2- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính- TS. Nguyễn Văn Công- Nhà xuất bản tài chính.
- 3- Trích tài liệu từ phòng kế toán của chi nhánh công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.
- 4- Hệ thống kế toán doanh nghiệp. Hướng dẫn sử dụng chứng từ kế toán, hướng dẫn ghi sổ kế toán- Bộ tài chính- Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội 2004.
- 5- Tài liệu tham khảo khóa luận của khóa trước.

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| <b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....   | 1  |
| <b>PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....    | 3  |
| 1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.....                            | 3  |
| 1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.....     | 3  |
| 1.1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp. ...                      | 3  |
| 1.1.1.2 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp. .... | 4  |
| 1.1.1.3 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....   | 6  |
| 1.2.2 Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu .....  | 11 |
| 1.2.2.1 Phương pháp thẻ song song .....   | 12 |
| 1.2.2.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....   | 13 |
| 1.2.2.3 Phương pháp sổ số dư .....  | 14 |
| 1.2.3 Các chứng từ, sổ sách kế toán về nguyên vật liệu. ....  | 16 |
| 1.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....  | 16 |
| 1.3.1 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên ..... | 17 |
| 1.3.1.1 Tài khoản sử dụng .....   | 17 |
| 1.3.2 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ. ....      | 21 |
| 1.4 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho .....  | 23 |
| 1.5 Các hình thức ghi sổ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....  | 26 |
| 1.5.1 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.....                                       | 26 |
| 1.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký sổ cái.....  | 27 |
| 1.5.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ .....  | 28 |

|   |           |
|---|-----------|
| 1.5.4 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ.....  | 29        |
| <b>PHẦN 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ.....</b> | <b>31</b> |
| 2.1 Tình hình, đặc điểm chung của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....   | 31        |
| 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....  | 31        |
| 2.1.1.1 Quá trình hình thành Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....  | 31        |
| 2.1.1.2 Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình phát triển của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....                      | 32        |
| 2.1.2 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.....   | 34        |
| 2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của xí nghiệp.....  | 34        |
| 2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....   | 39        |
| 2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của xí nghiệp.....  | 39        |
| 2.1.4.2 Các chính sách kế toán tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....  | 41        |
| 2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....            | 43        |
| 2.2.1 Đặc điểm và tình hình quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....                | 43        |
| 2.2.1.1 Vai trò của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....                                | 43        |
| 2.2.1.2 Tình hình quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....                          | 43        |
| 2.2.2 Phân loại và đánh nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....                            | 44        |
| 2.2.2.1 Phân loại nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....   | 44        |
| 2.2.2.2 Phân loại công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....   | 44        |
| 2.2.2.3 Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....                                   | 45        |
| 2.2.3 Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....                       | 45        |
| 2.2.3.1 Chứng từ sử dụng trong công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Chùa Vẽ.....           | 45        |

|   |            |
|---|------------|
| 2.2.3.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ. ....                                     | 46         |
| 2.2.4 Thủ tục nhập kho và xuất kho trong công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ. ....                   | 46         |
| 2.2.4.1 Thủ tục nhập kho trong công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ. ....                             | 46         |
| 2.2.4.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ. ....  | 61         |
| 2.2.5 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ. ....  | 66         |
| 2.2.6 Tổ chức công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ. ....                                     | 83         |
| <b>PHẦN 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI XÍ NGHIỆP XẾP DỠ CHÙA VẼ.....</b> | <b>94</b>  |
| 3.1. Một số nhận xét và đánh giá chung công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ. ....                     | 94         |
| 3.1.1 Ưu điểm.....  | 95         |
| 3.1.2 Những hạn chế cần khắc phục. ....   | 97         |
| 3.2. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Chùa Vẽ.....             | 98         |
| <b>KẾT LUẬN</b> .....   | <b>108</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....  | <b>109</b> |